

TỜ TRÌNH

Về việc đề nghị HĐND tỉnh thông qua Nghị quyết bổ sung, điều chỉnh danh mục dự án thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Quảng Bình

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình.

Theo nhu cầu thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ của các ngành, đơn vị, địa phương để triển khai các công trình, dự án đầu tư phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh; kết quả kiểm tra sự phù hợp với quy hoạch sử dụng đất cấp huyện đã được phê duyệt, Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, thông qua Nghị quyết bổ sung, điều chỉnh danh mục dự án thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Quảng Bình, cụ thể như sau:

1. Căn cứ pháp luật để trình Hội đồng nhân dân tỉnh

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị quyết số 44/2022/QH15 ngày 11 tháng 01 năm 2022 của Quốc hội về chủ trương đầu tư Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 18/NQ-CP ngày 11 tháng 02 năm 2022 của Chính phủ về việc triển khai Nghị quyết số 44/2022/QH15 ngày 11 tháng 01 năm 2022 của Quốc hội về chủ trương đầu tư Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phân bổ chỉ tiêu Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, Kế hoạch sử dụng đất quốc gia 5 năm 2021 - 2025;

Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12 tháng 4 năm 2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Căn cứ Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi bổ sung một số điều của các thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Quyết định số 2028/QĐ-BTNMT ngày 22 tháng 10 năm 2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc đính chính Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi bổ sung một số điều của các thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của các huyện, thành phố, thị xã đã được UBND tỉnh phê duyệt: Thành phố Đồng Hới tại Quyết định số 1288/QĐ-UBND ngày 10/5/2021; huyện Quảng Ninh tại Quyết định số 1281/QĐ-UBND ngày 10/5/2021; huyện Bố Trạch tại Quyết định số 1282/QĐ-UBND ngày 10/5/2021; huyện Tuyên Hóa tại Quyết định số 1284/QĐ-UBND ngày 10/5/2021; huyện Quảng Trạch tại Quyết định số 1283/QĐ-UBND ngày 10/5/2021; huyện Lệ Thủy tại Quyết định số 1278/QĐ-UBND ngày 07/5/2021; huyện Minh Hóa tại Quyết định số 1348/QĐ-UBND ngày 12/5/2021 và thị xã Ba Đồn tại Quyết định số 1393/QĐ-UBND ngày 17/5/2021.

2. Tình hình chuyển mục đích sử dụng đất trên địa bàn tỉnh đến tháng 11 năm 2022

2.1. Tổng chỉ tiêu đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ được chuyển mục đích sử dụng trên địa bàn tỉnh theo quy hoạch sử dụng đất cấp huyện đã được phê duyệt

Tổng chỉ tiêu đã được phê duyệt trên toàn tỉnh là 7.603,63 ha, trong đó:

- Chỉ tiêu đất trồng lúa được phép chuyển mục đích là 7.006,67 ha;
- Chỉ tiêu đất rừng phòng hộ được phép chuyển mục đích là 596,96 ha.

2.2. Kết quả thực hiện việc chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ đến tháng 11 năm 2022

a. Kết quả đạt được

- Diện tích đất trồng lúa đã chuyển mục đích là 54,06 ha;
- Diện tích đất rừng phòng hộ đã chuyển mục đích là 15,46 ha.

(Cụ thể có Bảng 01, 02 kèm theo)

b. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

Hàng năm, chỉ tiêu sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ do các ngành, đơn vị, địa phương đăng ký chuyển mục đích là khá lớn, tuy nhiên tỷ lệ thực hiện đạt thấp. Nguyên nhân chủ yếu do phải thực hiện nhiều thủ tục liên quan để triển khai dự án như: lập, phê duyệt dự án đầu tư, bố trí nguồn vốn đầu tư, lập quy hoạch chi tiết, trích đo địa chính, thu hồi đất, giải phóng mặt bằng... nên dự án khó thực hiện hoàn thành trong một năm mà phải thực hiện trong nhiều năm mới hoàn thành.

3. Đề xuất bổ sung, điều chỉnh danh mục dự án thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án

Trên cơ sở nhu cầu sử dụng đất của các ngành, đơn vị, địa phương để thực hiện các công trình, dự án đầu tư, kết quả rà soát đảm bảo sự phù hợp của việc sử dụng đất, quy hoạch sử dụng đất và các quy định của pháp luật; đồng thời, có một số công trình, dự án đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua nhưng nay do đặc lại thực tế theo hiện trạng sử dụng đất, một số dự án có điều chỉnh quy mô nên diện tích, loại đất có sự thay đổi, do đó, cần điều chỉnh cho phù hợp với thực tế. Để thực hiện thu hồi đất, chuyển mục đích đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ đúng quy định của pháp luật, đáp



ứng nhu cầu sử dụng đất cho mục đích phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh, Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, thông qua Nghị quyết bổ sung, điều chỉnh danh mục dự án thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Quảng Bình, cụ thể như sau:

Bổ sung, điều chỉnh 270 dự án với tổng diện tích 761,29 ha, bao gồm: 134,06 ha đất trồng lúa; 4,82 ha đất rừng phòng hộ và 622,41 ha các loại đất khác. Cụ thể:

1. Bổ sung mới 214 dự án thu hồi đất theo quy định tại khoản 3 Điều 62 của Luật Đất đai năm 2013 (bao gồm: 128 dự án thu hồi đất và 86 dự án thu hồi đất, đồng thời chuyển mục đích đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 58 Luật Đất đai năm 2013). Tổng diện tích sử dụng đất 569,58 ha, trong đó: 90,96 ha đất trồng lúa; 3,48 ha đất rừng phòng hộ và 475,14 ha các loại đất khác.

(Chi tiết tại Phụ lục 1 kèm theo)

2. Bổ sung mới 10 dự án chuyển mục đích đất trồng lúa theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 58 Luật Đất đai năm 2013. Tổng diện tích sử dụng đất 5,25 ha, trong đó: 4,50 ha đất trồng lúa và 0,75 ha các loại đất khác.

(Chi tiết tại Phụ lục 2 kèm theo)

3. Điều chỉnh 46 dự án đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua với tổng diện tích sau điều chỉnh là 186,46 ha, bao gồm: 38,60 ha đất trồng lúa; 1,34 ha đất rừng phòng hộ và 146,52 ha các loại đất khác. Cụ thể:

- Điều chỉnh 09 dự án đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 173/NQ-HĐND ngày 02/4/2021 với tổng diện tích sau điều chỉnh là 87,89 ha, bao gồm: 12,79 ha đất trồng lúa; 1,34 ha đất rừng phòng hộ và 73,76 ha các loại đất khác;

- Điều chỉnh 01 dự án đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 178/NQ-HĐND ngày 28/4/2021 với tổng diện tích sau điều chỉnh là 1,56 ha các loại đất khác;

- Điều chỉnh 03 dự án đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 13/8/2021 với tổng diện tích sau điều chỉnh là 8,25 ha, bao gồm: 0,19 ha đất trồng lúa và 8,06 ha các loại đất khác;

- Điều chỉnh 09 dự án đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 46/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 với tổng diện tích sau điều chỉnh là 32,62 ha, bao gồm: 5,06 ha đất trồng lúa và 27,56 ha các loại đất khác;

- Điều chỉnh 21 dự án đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 27/5/2022 với tổng diện tích sau điều chỉnh là 50,72 ha, bao gồm: 20,11 ha đất trồng lúa và 30,61 ha các loại đất khác;

- Điều chỉnh 03 dự án đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 79/NQ-HĐND ngày 09/9/2022 với tổng diện tích sau điều chỉnh là 5,42 ha, bao gồm: 0,45 ha đất trồng lúa và 4,97 ha các loại đất khác.

*. Lý do điều chỉnh: Một số dự án do đo đạc lại thực tế theo hiện trạng sử dụng đất, một số dự án có điều chỉnh quy mô và một số dự án phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025 có điều chỉnh quy mô sau khi cắm mốc giải phóng mặt bằng nên quy mô diện tích, loại đất có sự thay đổi, vì vậy cần điều chỉnh cho phù hợp thực tế.

(Chi tiết tại Phụ lục 3 kèm theo)

Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, thông qua./.

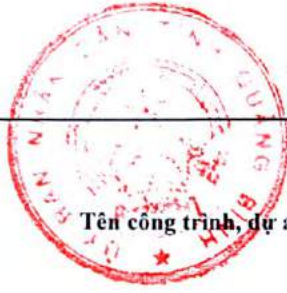
Nơi nhận:

- Như trên;
- TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Ban KT&NS HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Sở TN&MT;
- VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, CVKT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Đoàn Ngọc Lâm



Phụ lục 1
BỔ SUNG DANH MỤC DỰ ÁN THU HỒI ĐẤT, CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT
(Kèm theo Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình)

Đơn vị tính: ha

STT	Tên công trình, dự án	Vị trí thực hiện dự án		Diện tích đất thực hiện dự án	Trong đó			Ghi chú
		Xã, phường, thị trấn	Thành phố, thị xã, huyện		Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Các loại đất khác	
A. CÁC DỰ ÁN THU HỒI ĐẤT ĐỒNG THỜI CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA, ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ				375.66	90.96	3.48	281.22	
I	Huyện Minh Hoá			25.12	1.08	0.81	23.23	
1	Bổ trí tái định cư phục vụ giải phóng mặt bằng Dự án: Đường Hồng Hóa - Yên Hóa - Quy Đạt (Giai đoạn 1)	Quy Đạt	Minh Hóa	0.10	0.08		0.02	Công văn số 3587/VPUBND-XDCB ngày 12/09/2022 của Văn phòng UBND Quảng Bình về việc bổ trí tái định cư phục vụ giải phóng mặt bằng Dự án: Đường Hồng Hóa - Yên Hóa - Quy Đạt, huyện Minh Hóa (Giai đoạn 1)
2	Xây dựng đường Phan Bội Châu, thị trấn Quy Đạt	Quy Đạt	Minh Hóa	0.63	0.05		0.58	Nghị quyết số 267/NQ-HĐND ngày 06/12/2021 của HĐND huyện Minh Hóa về việc phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn ngân sách huyện quản lý (PL 14)
3	Tuyến đường nối đường Hai Bà Trưng đến Trường Mầm non số 1 thị trấn Quy Đạt, huyện Minh Hóa	Quy Đạt	Minh Hóa	1.03	0.25		0.78	Nghị quyết số 56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022 của HĐND tỉnh Quảng Bình về việc phê duyệt chủ trương đầu tư công trung hạn (lần 2) giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn tỉnh quản lý (PL 44)
4	Tuyến đường từ ngã tư trung tâm thị trấn Quy Đạt đi tổ dân phố 2, huyện Minh Hóa	Quy Đạt	Minh Hóa	1.95	0.10		1.85	Nghị quyết số 56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022 của HĐND tỉnh Quảng Bình về việc phê duyệt chủ trương đầu tư công trung hạn (lần 2) giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn tỉnh quản lý (PL 35)
5	Đầu tư xây dựng Tuyến đường xã Yên Hóa	Yên Hóa	Minh Hóa	1.25	0.20		1.05	Nghị quyết số 56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022 của HĐND tỉnh Quảng Bình về việc phê duyệt chủ trương đầu tư công trung hạn (lần 2) giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn tỉnh quản lý (PL 66)
6	Xây dựng đường dân sinh và phục vụ sản xuất từ thôn Cầu Lợi đi thôn Minh Xuân, xã Xuân Hóa	Xuân Hóa	Minh Hóa	7.38	0.14	0.81	6.43	Quyết định số 950/QĐ-UBND ngày 27/07/2022 của UBND huyện Minh Hóa về việc phê duyệt Báo cáo Kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình Xây dựng đường dân sinh và phục vụ sản xuất từ thôn Cầu Lợi đi thôn Minh Xuân, xã Xuân Hóa
7	Tuyến đường từ cầu Ngầm Rinh - Thanh Liêm, xã Trung Hóa, huyện Minh Hóa	Trung Hóa	Minh Hóa	6.12	0.01		6.11	Nghị quyết số 56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022 của HĐND tỉnh Quảng Bình về việc phê duyệt chủ trương đầu tư công trung hạn (lần 2) giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn tỉnh quản lý (PL 73)
8	Đường giao thông nội đồng thôn Yên Vân tại xã Hóa Tiến	Hóa Tiến	Minh Hóa	0.46	0.15		0.31	Nghị quyết số 122/NQ-HĐND ngày 07/10/2022 của HĐND huyện Minh Hóa về việc phân bổ chi tiết danh mục công trình, dự án nguồn vốn đầu tư phát triển Ngân sách Trung ương năm 2022 thực hiện Chương trình Mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi huyện Minh Hóa (Mục IV.1.b)

STT	Tên công trình, dự án	Vị trí thực hiện dự án		Diện tích đất thực hiện dự án	Trong đó			Ghi chú
		Xã, phường, thị trấn	Thành phố, thị xã, huyện		Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Các loại đất khác	
9	Kênh thoát nước chống ngập úng phía Bắc thị trấn Quy Đạt (Giai đoạn I)	Quy Đạt	Minh Hóa	6.20	0.10		6.10	Quyết định số 1845/QĐ-UBND ngày 26/09/2017 của UBND huyện Minh Hóa về việc phê duyệt Báo cáo Kinh tế-Kỹ thuật đầu tư xây dựng và Kế hoạch lựa chọn nhà thầu công trình: Kênh thoát nước chống ngập úng phía Bắc thị trấn Quy Đạt (GD 1)
II	Huyện Tuyên Hoá			3.73	2.80		0.93	
10	Đất ở tại đô thị (phát triển quỹ đất các khu đất lẻ, xen kẽ trên địa bàn thị trấn Đồng Lê)	Đồng Lê	Tuyên Hóa	0.19	0.04		0.15	Quyết định số 2092/QĐ-UBND ngày 21/11/2022 của UBND huyện Tuyên Hóa về việc giao nhiệm vụ chủ đầu tư thực hiện dự án phát triển quỹ đất tại các xã, thị trấn trên địa bàn huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình
11	Tuyến đường kết nối trục chính qua khu hạ tầng Tam Đa xã Tiến Hóa đi xã Mai Hóa	Tiến Hóa	Tuyên Hóa	1.48	1.24		0.24	Nghị quyết số 22/NQ-HĐND ngày 24/10/2022 của HĐND huyện Tuyên Hóa về việc Phê duyệt chủ trương đầu tư dự án: Tuyến đường kết nối trục chính qua khu hạ tầng Tam Đa xã Tiến Hóa đi xã Mai Hóa
12	Đường giao thông xóm Bền thôn Xuân Hạ từ cầu vượt đường sắt đến giao đường 559	Văn Hóa	Tuyên Hóa	1.50	1.06		0.44	Nghị quyết 38/ NQ-HĐND ngày 28/12/2021 của HĐND huyện Tuyên Hóa thông qua chủ trương quy hoạch đường giao thông
13	Mở rộng Trường Mầm non Tiến Hóa	Tiến Hóa	Tuyên Hóa	0.25	0.20		0.05	Quyết định số 67/QĐ-UBND ngày 15/10/2022 của UBND xã Tiến Hóa phân khai nguồn vốn xây dựng công trình: Mở rộng trường mầm non Tiến Hóa
14	Nhà văn hóa thôn Đông Tân	Tiến Hóa	Tuyên Hóa	0.11	0.11			Nghị quyết số 33/NQ-HĐND ngày 25/12/2020 của HĐND huyện Tuyên Hóa về việc Phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 thuộc nguồn vốn ngân sách huyện
15	Mở rộng khuôn viên nhà văn hóa thôn Tam Đa	Tiến Hóa	Tuyên Hóa	0.20	0.15		0.05	Quyết định 69/QĐ-UBND ngày 15/10/2022 của UBND xã Tiến Hoá về việc phân khai nguồn vốn xây dựng công trình: Mở rộng khuôn viên nhà văn hóa thôn Tam Đa xã Tiến Hóa
III	Huyện Quảng Trạch			7.59	4.33		3.26	
16	Tạo quỹ đất ở tại xã Phù Hóa (xứ Đồng Nậy, thôn Phú Cường)	Phù Hóa	Quảng Trạch	0.39	0.24		0.15	Quyết định số 2878/QĐ-UBND ngày 23/1/2021 của UBND huyện Quảng Trạch về việc giao nhiệm vụ Chủ đầu tư thực hiện các thủ tục có liên quan để tạo quỹ đất ở tại các xã trên địa bàn huyện Quảng Trạch.
17	Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh chợ Quảng Đông	Quảng Đông	Quảng Trạch	1.91	1.73		0.18	Quyết định số 706/QĐ-KKT ngày 08/6/2022 của Ban quản lý Khu kinh tế Quảng Bình về việc chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư
18	Hạ tầng kỹ thuật Khu nghĩa trang nhân dân tại xã Phù Hoá, huyện Quảng Trạch	Phù Hoá	Quảng Trạch	2.50	1.03		1.47	Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 08/7/2022 của Hội đồng nhân dân xã Phù Hoá về việc phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án Hạ tầng kỹ thuật Khu nghĩa trang nhân dân tại xã Phù Hoá, huyện Quảng Trạch
19	Xây dựng Sân vận động khu trung tâm xã	Quảng Đông	Quảng Trạch	1.31	1.03		0.28	Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 30/12/2020 của HĐND xã Quảng Đông về danh mục đầu tư công trung hạn 2021-2025 và Kế hoạch đầu tư công năm 2021;

STT	Tên công trình, dự án	Vị trí thực hiện dự án		Diện tích đất thực hiện dự án	Trong đó			Ghi chú
		Xã, phường, thị trấn	Thành phố, thị xã, huyện		Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Các loại đất khác	
20	Tuyến đường kết nối từ đường liên xã Phương - Lưu đi hồ Nước Sốt xã Quảng Lưu	Quảng Lưu	Quảng Trạch	1.48	0.30		1.18	Nghị quyết số 05/NQ-HĐND ngày 20/6/2022 của HĐND huyện Quảng Trạch về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 (lần 2) nguồn vốn ngân sách huyện quản lý;
IV	Thị xã Ba Đồn			18.06	6.69	2.03	9.34	
21	HTKT Quy hoạch chi tiết Điểm dân cư khu vực dưới Hội thôn Vân Bắc, xã Quảng Hải	Quảng Hải	Ba Đồn	0.50	0.16		0.34	Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 20/7/2021 của HĐND xã Quảng Hải về việc phê duyệt chủ trương đầu tư công trình: Hạ tầng kỹ thuật quy hoạch chi tiết điểm dân cư khu vực dưới Hội thôn Vân Bắc, xã Quảng Hải, thị xã Ba Đồn
22	Đầu tư xây dựng đường từ phường Quảng Thọ đến trạm biên phòng cảng Gianh, phường Quảng Phúc	Quảng Phúc	Ba Đồn	3.14	0.03		3.11	Nghị quyết 56/NQ-HĐND ngày 27/5/2022 của HĐND tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án đầu tư công trung hạn (lần 2) giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn tỉnh quản lý
23	Đường liên TDP Đơn Sa - Diên Phúc	Quảng Phúc	Ba Đồn	0.82	0.50		0.32	Nghị quyết số 27/NQ-HĐND ngày 27/12/2021 của HĐND phường Quảng Phúc về việc phê duyệt chủ trương đầu tư các công trình nhóm C trên địa bàn phường Quảng Phúc
24	Đường Nguyễn Hữu Cảnh nối dài, đoạn từ Ngã tư Võ Nguyên Giáp đi quốc lộ 1A, thị xã Ba Đồn	Quảng Thọ	Ba Đồn	1.62	0.08		1.54	Nghị quyết 56/NQ-HĐND ngày 27/5/2022 của HĐND tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án đầu tư công trung hạn (lần 2) giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn tỉnh quản lý
25	Trường THCS Quảng Sơn, thị xã Ba Đồn (phục vụ GPMB dự án đường bộ cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Quảng Sơn	Ba Đồn	0.70	0.61		0.09	Nghị quyết số 44/2022/QH15 ngày 11/01/2022 của Quốc hội về chủ trương đầu tư Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 - 2025
26	Nhà thi đấu đa năng và các công trình thị xã Ba Đồn	Quảng Phong	Ba Đồn	6.08	5.31		0.77	Nghị quyết 56/NQ-HĐND ngày 27/5/2022 của HĐND tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án đầu tư công trung hạn (lần 2) giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn tỉnh quản lý (PL 16)
27	Xây dựng Quảng trường biển thị xã Ba Đồn	Quảng Thọ	Ba Đồn	5.20		2.03	3.17	Nghị quyết 56/NQ-HĐND ngày 27/5/2022 của HĐND tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án đầu tư công trung hạn (lần 2) giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn tỉnh quản lý (PL 84)
V	Huyện Bố Trạch			43.91	12.26	0.10	31.55	
28	Đất ở tại nông thôn xã Hạ Trạch (thôn 8 (2 vị trí) 0,06 ha; thôn 7: 0,27 ha; thôn 5 0,43 ha)	Hạ Trạch	Bố Trạch	0.76	0.70		0.06	Quyết định số 4876/QĐ-UBND ngày 18/11/2022 của UBND huyện Bố Trạch về việc giao nhiệm vụ Chủ đầu tư thực hiện các thủ tục có liên quan để tạo quỹ đất ở tại các xã, thị trấn trên địa bàn huyện Bố Trạch
29	Đất ở tại nông thôn xã Cự Năm (thôn Nam Năm: 0,41 ha; Khu vực Đồng Lớn: 0,50 ha)	Cự Năm	Bố Trạch	0.91	0.34		0.57	Quyết định số 4876/QĐ-UBND ngày 18/11/2022 của UBND huyện Bố Trạch về việc giao nhiệm vụ Chủ đầu tư thực hiện các thủ tục có liên quan để tạo quỹ đất ở tại các xã, thị trấn trên địa bàn huyện Bố Trạch
30	Đất ở tại nông thôn xã Liên Trạch (thôn Phú Kinh: 0,50 ha; đất ở xen kẽ trong khu dân cư: 0,49 ha)	Liên Trạch	Bố Trạch	0.99	0.46		0.53	Quyết định số 4876/QĐ-UBND ngày 18/11/2022 của UBND huyện Bố Trạch về việc giao nhiệm vụ Chủ đầu tư thực hiện các thủ tục có liên quan để tạo quỹ đất ở tại các xã, thị trấn trên địa bàn huyện Bố Trạch

STT	Tên công trình, dự án	Vị trí thực hiện dự án		Diện tích đất thực hiện dự án	Trong đó			Ghi chú
		Xã, phường, thị trấn	Thành phố, thị xã, huyện		Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Các loại đất khác	
31	Đất ở tại nông thôn xã Trung Trạch (khu vực Cồn Quyển thôn 3: 0,5 ha; Khu vực Đồng Mỏng 5: 0,30 ha)	Trung Trạch	Bố Trạch	0.80	0.10		0.70	Quyết định số 4876/QĐ-UBND ngày 18/11/2022 của UBND huyện Bố Trạch về việc giao nhiệm vụ Chủ đầu tư thực hiện các thủ tục có liên quan để tạo quỹ đất ở tại các xã, thị trấn trên địa bàn huyện Bố Trạch
32	Đất ở tại nông thôn xã Đại Trạch (Khu vực Bạc Hà: 0,30 ha; Khu vực Phúc Tự Đông: 0,30 ha); (Khu vực Cồn Trùm thôn 1: 0,21 ha); (Khu vực Động Cát: 0,11 ha)	Đại Trạch	Bố Trạch	0.92	0.30		0.62	Quyết định số 4876/QĐ-UBND ngày 18/11/2022 của UBND huyện Bố Trạch về việc giao nhiệm vụ Chủ đầu tư thực hiện các thủ tục có liên quan để tạo quỹ đất ở tại các xã, thị trấn trên địa bàn huyện Bố Trạch
33	Đất ở tại nông thôn xã Lâm Trạch (thôn 4: 0,38 ha; đất ở xen kẽ trong khu dân cư: 0,20 ha; KV sau hồi nhà ông Tím: 0,32 ha)	Lâm Trạch	Bố Trạch	0.90	0.31		0.59	Quyết định số 4876/QĐ-UBND ngày 18/11/2022 của UBND huyện Bố Trạch về việc giao nhiệm vụ Chủ đầu tư thực hiện các thủ tục có liên quan để tạo quỹ đất ở tại các xã, thị trấn trên địa bàn huyện Bố Trạch
34	Đất ở tại nông thôn xã Đồng Trạch (Khu vực nhà văn hóa thôn 5.6: 0,30 ha; thôn 1: 0,32 ha; thôn 5: 0,20 ha; thôn 4: 0,20 ha; thôn 2: 0,20 ha)	Đồng Trạch	Bố Trạch	1.22	1.14		0.08	Quyết định số 4876/QĐ-UBND ngày 18/11/2022 của UBND huyện Bố Trạch về việc giao nhiệm vụ Chủ đầu tư thực hiện các thủ tục có liên quan để tạo quỹ đất ở tại các xã, thị trấn trên địa bàn huyện Bố Trạch
35	Đất ở tại nông thôn xã Thượng Trạch (Bản Aki: 0,10 ha; Bản Cờ Đò: 0,30 ha; Bản Troi: 0,10 ha)	Thượng Trạch	Bố Trạch	0.50		0.10	0.40	Quyết định số 4876/QĐ-UBND ngày 18/11/2022 của UBND huyện Bố Trạch về việc giao nhiệm vụ Chủ đầu tư thực hiện các thủ tục có liên quan để tạo quỹ đất ở tại các xã, thị trấn trên địa bàn huyện Bố Trạch
36	Đất ở tại nông thôn xã Vạn Trạch (thôn Nam (KV1): 0,50 ha; thôn Bắc: 0,11 ha; thôn Sỏi: 0,20 ha; thôn Mới: 0,10 ha)	Vạn Trạch	Bố Trạch	0.91	0.44		0.47	Quyết định số 4876/QĐ-UBND ngày 18/11/2022 của UBND huyện Bố Trạch về việc giao nhiệm vụ Chủ đầu tư thực hiện các thủ tục có liên quan để tạo quỹ đất ở tại các xã, thị trấn trên địa bàn huyện Bố Trạch
37	Khu tái định cư khu vực Trường THCS Cự Năm (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Cự Năm	Bố Trạch	1.64	0.64		1.00	Nghị quyết số 44/2022/QH15 ngày 11/01/2022 của Quốc hội về chủ trương đầu tư Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 - 2025
38	Tái định cư phân tán khu vực Xóm 1, thôn Tân Hội (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Liên Trạch	Bố Trạch	0.61	0.26		0.35	Nghị quyết số 44/2022/QH15 ngày 11/01/2022 của Quốc hội về chủ trương đầu tư Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 - 2025
39	Tái định cư phân tán khu vực thôn Đông Năm, xã Cự Năm (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021 - 2025)	Cự Năm	Bố Trạch	0.80	0.40		0.40	Nghị quyết số 44/2022/QH15 ngày 11/01/2022 của Quốc hội về chủ trương đầu tư Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 - 2025
40	Tạo quỹ đất phía Bắc cơ quan Kiểm lâm Tk4,5	Hoàn Lão	Bố Trạch	0.50	0.31		0.19	Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 29/12/2021 của HĐND thị trấn Hoàn Lão về việc phê duyệt CTĐT các dự án phát triển quỹ đất trên địa bàn thị trấn Hoàn Lão; Quyết định số 5314/QĐ-UBND ngày 16/11/2021 của Ủy ban nhân dân huyện Bố Trạch về việc phê duyệt QHCT dự án Tạo quỹ đất phía Bắc cơ quan Kiểm lâm Tk4,5

STT	Tên công trình, dự án	Vị trí thực hiện dự án		Diện tích đất thực hiện dự án	Trong đó			Ghi chú
		Xã, phường, thị trấn	Thành phố, thị xã, huyện		Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Các loại đất khác	
41	Đất ở tại đô thị thị trấn Phong Nha (các lô đất xen kẽ trong KDC: 0,44 ha, TDP-Cư Lạc 1: 0,50 ha)	Phong Nha	Bố Trạch	0.94	0.69		0.25	Quyết định số 4876/QĐ-UBND ngày 18/11/2022 của UBND huyện Bố Trạch về việc giao nhiệm vụ Chủ đầu tư thực hiện các thủ tục có liên quan để tạo quỹ đất ở tại các xã, thị trấn trên địa bàn huyện Bố Trạch
42	Đường giao thông phát triển du lịch khu vực Hà Lồi - Phong Nha	Phong Nha	Bố Trạch	2.70	1.51		1.19	Nghị quyết số 11/HĐND ngày 29/07/2022 của Hội đồng nhân dân huyện Bố Trạch về việc phê duyệt CTĐT các dự án đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 (PL 23)
43	Đường nối đường tỉnh 560 đi Mỹ Sơn, xã Cự Năm	Cự Năm	Bố Trạch	1.04	0.50		0.54	Nghị quyết số 11/HĐND ngày 29/07/2022 của Hội đồng nhân dân huyện Bố Trạch về việc phê duyệt CTĐT các dự án đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 (PL 29)
44	Đường QL 1A thôn 1 đi đê Hữu Tuyến sông Gianh lối ông Các thôn 1; Đường QL 1A thôn 1 đi đê Hữu Tuyến sông Gianh lối ông Thiện thôn 3	Bắc Trạch	Bố Trạch	0.37	0.13		0.24	Nghị quyết số 24/2021/NQ-HĐND ngày 28/12/2021 của HĐND xã Bắc Trạch về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2021 - 2025
45	Hạ tầng kỹ thuật nối thôn 1, thôn 9 xã Bắc Trạch, Bố Trạch, Quảng Bình	Bắc Trạch	Bố Trạch	0.93	0.42		0.51	Nghị quyết số 24/2021/NQ-HĐND ngày 28/12/2021 của HĐND xã Bắc Trạch về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2021 - 2025
46	Tuyến đường nối từ đường huyện Khương Hà - Cự Năm vào thôn Bắc Năm	Cự Năm	Bố Trạch	0.31	0.16		0.15	Quyết định số 658/QĐ-UBND ngày 30/12/2020 của Ủy ban nhân dân huyện Bố Trạch về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật công trình: Tuyến đường nối từ đường huyện Khương Hà - Cự Năm vào thôn Bắc Năm
47	Tuyến đường từ trung tâm xã Tây Trạch đi đường Hồ Chí Minh huyện Bố Trạch	Tây Trạch	Bố Trạch	2.88	0.55		2.33	Nghị quyết số 56/NQ-HĐND ngày 27/5/2022 của HĐND tỉnh Quảng Bình về việc phê duyệt CTĐT các dự án đầu tư công trung hạn (lần 2) giai đoạn 2021 - 2025 nguồn vốn tỉnh quản lý (PL 59)
48	Đường giao thông liên xã từ Hoàn Lão đi Tây Trạch	Hòa Trạch, Tây Trạch	Bố Trạch	3.61	0.16		3.45	Nghị quyết số 56/NQ-HĐND ngày 27/5/2022 của HĐND tỉnh Quảng Bình về việc phê duyệt CTĐT các dự án đầu tư công trung hạn (lần 2) giai đoạn 2021 - 2025 nguồn vốn tỉnh quản lý (PL 51)
49	Hoàn thiện các tuyến đường giao thông nội thị trấn Hoàn Lão, huyện Bố Trạch	Hoàn Lão	Bố Trạch	2.87	0.65		2.22	Nghị quyết 56/NQ-HĐND ngày 27 tháng 5 năm 2022 của HĐND tỉnh Quảng Bình về việc phê duyệt CTĐT các dự án đầu tư công trung hạn (lần 2) giai đoạn 2021 - 2025 nguồn vốn tỉnh quản lý (PL 39)
50	Nâng cấp Tuyến đường liên xã Nhân Trạch - Nam Trạch và nút giao ngã tư Quốc lộ 1	Lý Trạch, Nam Trạch	Bố Trạch	4.60	0.01		4.59	Nghị quyết số 11/HĐND ngày 29/07/2022 của Hội đồng nhân dân huyện Bố Trạch về việc phê duyệt CTĐT các dự án đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 (Phụ lục 26)
51	Đường giao thông từ Quốc lộ 1 đi biển Thanh Trạch	Thanh Trạch	Bố Trạch	0.42	0.06		0.36	Nghị quyết số 11/HĐND ngày 29/07/2022 của Hội đồng nhân dân huyện Bố Trạch về việc phê duyệt CTĐT các dự án đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 (Phụ lục 28)
52	Tuyến đường liên xã Hải Phú đi Sơn Lộc (đoạn từ Sơn Lộc đi ngã ba Thọ Lộc)	Sơn Lộc, Vạn Trạch	Bố Trạch	3.84	0.03		3.81	Nghị quyết 56/NQ-HĐND ngày 27 tháng 5 năm 2022 của HĐND tỉnh Quảng Bình về việc phê duyệt CTĐT các dự án đầu tư công trung hạn (lần 2) giai đoạn 2021 - 2025 nguồn vốn tỉnh quản lý (PL 45)

STT	Tên công trình, dự án	Vị trí thực hiện dự án		Diện tích đất thực hiện dự án	Trong đó			Ghi chú
		Xã, phường, thị trấn	Thành phố, thị xã, huyện		Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Các loại đất khác	
53	Xây dựng công trình đường giao thông nối các điểm du lịch từ khu nghỉ dưỡng Victory đến Oxalis (Giai đoạn I)(Thực hiện đợt 1)	Phong Nha	Bố Trạch	1.33	0.12		1.21	Nghị quyết 16/NQ-HĐND ngày 16/12/2020 của HĐND huyện Bố Trạch phê duyệt kế hoạch đầu tư công 2021
54	Nâng cấp các tuyến đường ngập lụt tiểu khu 3, 4 thị trấn Hoàn Lão	Hoàn Lão	Bố Trạch	0.38	0.07		0.31	Quyết định số 73/QĐ-UBND ngày 08/3/2022 của UBND thị trấn Hoàn Lão về việc phê duyệt Báo cáo Kinh tế - Kỹ thuật và Kế hoạch lựa chọn nhà thầu công trình Nâng cấp các tuyến đường ngập lụt tiểu khu 3, 4 thị trấn Hoàn Lão
55	Mở rộng khuôn viên, xây dựng hàng rào, sân bóng trường THCS Bắc Trạch	Bắc Trạch	Bố Trạch	0.43	0.41		0.02	Nghị quyết số 24/2021/NQ-HĐND ngày 28/12/2021 của HĐND xã Bắc Trạch về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2021 - 2025
56	Sân vận động trung tâm huyện Bố Trạch	Hoàn Lão	Bố Trạch	5.22	1.25		3.97	Nghị quyết số 56/NQ-HĐND ngày 27/5/2022 của HĐND tỉnh Quảng Bình về việc phê duyệt CTĐT các dự án đầu tư công trung hạn (lần 2) giai đoạn 2021 - 2025 nguồn vốn tinh quản lý (PL 17)
57	Di dời đường điện phục vụ GPMB và xây dựng khu tái định cư đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025	Liên Trạch; Cự Nẫm; Phú Định; Tây Trạch; Hòa Trạch; TTNT Việt Trung	Bố Trạch	0.45	0.08		0.37	Nghị quyết số 44/2022/QH15 ngày 11/01/2022 của Quốc hội về chủ trương đầu tư Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 - 2025
58	Xây dựng nhà văn hóa thôn 5 xã Bắc Trạch	Bắc Trạch	Bố Trạch	0.13	0.06		0.07	Nghị quyết số 24/2021/NQ-HĐND ngày 28/12/2021 của HĐND xã Bắc Trạch về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2021 - 2025
VI	Thành phố Đồng Hới			35.50	23.81		11.69	
59	Khu đô thị phía Nam phường Phú Hải (thẩm quyền cho phép chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa của Thủ tướng Chính phủ)	Phú Hải	Đồng Hới	31.50	21.34		10.16	Thông báo số 117-TB/BCSD ngày 09/5/2022 Thông báo Kết luận của Ban cán sự đảng UBND tỉnh tại phiên họp ngày 09/05/2022
60	Trụ sở Chi cục thống kê thành phố Đồng Hới	Nam Lý	Đồng Hới	0.18	0.12		0.06	Quyết định số 1743/QĐ-BKHĐT ngày 31/10/2022 của Bộ KHĐT về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Xây dựng, cải tạo, mở rộng trụ sở làm việc Cục Thống kê cấp tỉnh, Chi cục Thống kê khu vực và huyện vùng Bắc Trung Bộ giai đoạn 2022 - 2025
61	Cầu thôn Ba Đa	Nghĩa Ninh	Đồng Hới	0.06	0.03		0.03	Nghị quyết số 56/NQ-HĐND ngày 27/5/2022 của HĐND tỉnh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư công trung hạn (lần 2) giai đoạn 2021 - 2025 nguồn vốn tinh quản lý

STT	Tên công trình, dự án	Vị trí thực hiện dự án		Diện tích đất thực hiện dự án	Trong đó			Ghi chú
		Xã, phường, thị trấn	Thành phố, thị xã, huyện		Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Các loại đất khác	
62	Xây dựng, nạo vét và gia cố kênh thoát lũ từ cầu Mẹ Sói đến thôn Rẫy Cau (đoạn từ cầu Rẫy Cau đến đường Nguyễn Đóa)	Nghiã Ninh	Đồng Hới	1.20	0.50		0.70	Nghị quyết số 56/NQ-HĐND ngày 27/5/2022 của HĐND tỉnh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư công trung hạn (lần 2) giai đoạn 2021 - 2025 nguồn vốn tỉnh quản lý
63	Khu thể thao và công viên xã Đức Ninh	Đức Ninh	Đồng Hới	2.28	1.78		0.50	Nghị quyết số 33/NQ-HĐND ngày 04/08/2022 của HĐND xã Đức Ninh về việc Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 5 năm giai đoạn 2021 - 2025 tại Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 30/12/2021 của HĐND xã Đức Ninh (nguồn vốn ngân sách xã quản lý)
64	Công trình hoàn thiện sơ đồ thanh cái 110kV TBA 110kV Đồng Hới	Bắc Lý	Đồng Hới	0.28	0.04		0.24	Quyết định số 3042/QĐ -EVNCPC ngày 12/5/2015 của Tổng Công ty Điện lực Miền Trung về việc phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng Dự án: Hoàn thiện sơ đồ thanh cái 110kV TBA 110kV Đồng Hới
VII	Huyện Quảng Ninh			209.98	32.17	0.54	177.27	
65	Phát triển quỹ đất ở tại thôn Hiền Vinh và Trung Quán, xã Duy Ninh	Duy Ninh	Quảng Ninh	0.40	0.30		0.10	Quyết định số 1181/QĐ-UBND ngày 03/11/2022 của UBND huyện Quảng Ninh về việc giao nhiệm vụ làm chủ đầu tư dự án phát triển quỹ đất ở tại thôn Hiền Vinh và Trung Quán, xã Duy Ninh
66	Phát triển quỹ đất ở tại thôn Tà Phan, xã Duy Ninh	Duy Ninh	Quảng Ninh	0.37	0.37			Quyết định số 1183/QĐ-UBND ngày 03/11/2022 của UBND huyện Quảng Ninh về việc giao nhiệm vụ làm chủ đầu tư dự án phát triển quỹ đất ở tại thôn Tà Phan, xã Duy Ninh
67	Phát triển quỹ đất ở tại thôn Trung Quán, xã Duy Ninh	Duy Ninh	Quảng Ninh	0.50	0.37		0.13	Quyết định số 1182/QĐ-UBND ngày 03/11/2022 của UBND huyện Quảng Ninh về việc giao nhiệm vụ làm chủ đầu tư dự án phát triển quỹ đất ở tại thôn Trung Quán, xã Duy Ninh
68	Phát triển quỹ đất ở thôn Bắc Ngũ, xã Gia Ninh	Gia Ninh	Quảng Ninh	0.47	0.35		0.12	Quyết định số 1018/QĐ-UBND ngày 18/8/2021 của UBND huyện Quảng Ninh về việc giao nhiệm vụ làm chủ đầu tư dự án phát triển đất ở thôn Bắc Ngũ
69	Khu đô thị mới Lương Ninh (thẩm quyền cho phép chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa của Thủ tướng Chính phủ)	Lương Ninh	Quảng Ninh	36.42	28.89		7.53	Thông báo số 153-TB/BCS ngày 01/6/2022 về Thông báo kết luận của Ban cán sự đảng UBND tỉnh
70	Phát triển quỹ đất ở khu dân cư khu vực trung tâm xã Tân Ninh, huyện Quảng Ninh	Tân Ninh	Quảng Ninh	0.48	0.37		0.11	Quyết định số 7669/QĐ-UBND ngày 27/7/2022 của UBND huyện Quảng Ninh về việc giao nhiệm vụ làm chủ đầu tư dự án phát triển quỹ đất ở khu dân cư khu vực trung tâm xã Tân Ninh, huyện Quảng Ninh giai đoạn 2
71	Khu đô thị Võ Ninh	Võ Ninh	Quảng Ninh	158.96		0.16	158.80	Thông báo số 415-TB/BCS ngày 17/10/2022 về Thông báo kết luận của Ban cán sự đảng UBND tỉnh tại phiên họp ngày 17/10/2022
72	Phát triển quỹ đất ở xen kẽ khu dân cư, thị trấn Quán Hàu	Quán Hàu	Quảng Ninh	0.46	0.18		0.28	Quyết định số 1180/UB-UBND ngày 03/11/2022 của UBND huyện về việc giao nhiệm vụ làm chủ đầu tư dự án phát triển quỹ đất ở xen kẽ khu dân cư tại thị trấn Quán Hàu
73	Hạ tầng kỹ thuật tuyến đường D2 đô thị Dinh Mười	Gia Ninh, Võ Ninh	Quảng Ninh	8.62		0.17	8.45	Nghị quyết số 01/NQ-HĐND ngày 15/06/2022 của HĐND huyện Quảng Ninh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư các công trình trong vùng trung tâm đô thị Dinh Mười

STT	Tên công trình, dự án	Vị trí thực hiện dự án		Diện tích đất thực hiện dự án	Trong đó			Ghi chú
		Xã, phường, thị trấn	Thành phố, thị xã, huyện		Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Các loại đất khác	
74	Hạ tầng kỹ thuật tuyến đường N1 đô thị Dinh Mười	Võ Ninh	Quảng Ninh	1.74		0.21	1.53	Nghị quyết số 01/NQ-HĐND ngày 15/06/2022 của HĐND huyện Quảng Ninh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư các công trình trong vùng trung tâm đô thị Dinh Mười
75	Mở rộng trường học xã Võ Ninh	Võ Ninh	Quảng Ninh	1.56	1.34		0.22	Nghị quyết số 22/NQ-HĐND ngày 01/8/2022 của HĐND xã Võ Ninh về việc kế hoạch đầu tư công trung hạn xã Võ Ninh giai đoạn 2022-2025
VIII	Huyện Lệ Thủy			31.77	7.82		23.95	
76	Đất ở tại đô thị thị trấn Nông trường Lệ Ninh	TTNT Lệ Ninh	Lệ Thủy	0.30	0.12		0.18	Quyết định số 3752/QĐ-UBND ngày 30/7/2021 của UBND huyện Lệ Thủy về việc giao nhiệm vụ chủ đầu tư thực hiện các thủ tục có liên quan để tạo quỹ đất ở tại TTNT Lệ Ninh, huyện Lệ Thủy (lần 2)
77	Di dời, hoàn trả hệ thống kênh mương thủy lợi bị ảnh hưởng do GPMB thực hiện dự án Đường bộ Cao tốc Bắc-Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025	Kim Thủy, Phú Thủy	Lệ Thủy	0.79	0.50		0.29	Nghị quyết số 44/2022/QH15 ngày 11/01/2022 của Quốc hội về chủ trương đầu tư Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 - 2025
78	Xây dựng hệ thống đường giao thông các xã Trường Thủy - Dương Thủy - Thái Thủy	Dương Thủy, Thái Thủy, Trường Thủy	Lệ Thủy	9.34	0.68		8.66	Nghị quyết số 56/NQ-HĐND ngày 27/5/2022 của HĐND tỉnh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án đầu tư công trung hạn (lần 2) giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn tỉnh quản lý (Phụ lục 53)
79	Xây dựng tuyến đường cứu hộ cứu nạn các xã phía Nam huyện Lệ Thủy	Hung Thủy, Tân Thủy	Lệ Thủy	4.66	0.02		4.64	Nghị quyết số 56/NQ-HĐND ngày 27/5/2022 của HĐND tỉnh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án đầu tư công trung hạn (lần 2) giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn tỉnh quản lý (Phụ lục 69)
80	Xây dựng hệ thống đường giao thông các xã Sơn Thủy, Hoa Thủy, thị trấn Nông trường Lệ Ninh	TTNT Lệ Ninh; Hoa Thủy, Sơn Thủy	Lệ Thủy	5.50	0.55		4.95	Nghị quyết số 56/NQ-HĐND ngày 27/5/2022 của HĐND tỉnh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án đầu tư công trung hạn (lần 2) giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn tỉnh quản lý (Phụ lục 37)
81	Xây dựng tuyến đường 30 nối Quốc lộ 1A với đường về nhà lưu niệm Đại tướng Võ Nguyên Giáp	Phong Thủy	Lệ Thủy	3.00	1.94		1.06	Nghị quyết số 56/NQ-HĐND ngày 27/5/2022 của HĐND tỉnh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án đầu tư công trung hạn (lần 2) giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn tỉnh quản lý (Phụ lục 67)
82	Xây dựng tuyến đường 30 nối Quốc lộ 1A với đường về nhà lưu niệm Đại tướng Võ Nguyên Giáp (Giai đoạn 2)	Phong Thủy	Lệ Thủy	3.35	2.50		0.85	Quyết định số 2807/QĐ-UBND ngày 17/10/2022 của UBND tỉnh về việc phê duyệt danh mục và phương án phân bổ vốn các dự án đầu tư sử dụng nguồn vượt tiền sử dụng đất năm 2020; Nghị quyết số 77/NQ-HĐND ngày 28/10/2022 của HĐND huyện Lệ Thủy khoá XXI về việc phê duyệt chủ trương đầu tư công trình Sửa chữa, nâng cấp tuyến đường 30 nối Quốc lộ 1A với đường về nhà Đại tướng Võ Nguyên Giáp giai đoạn II

STT	Tên công trình, dự án	Vị trí thực hiện dự án		Diện tích đất thực hiện dự án	Trong đó			Ghi chú
		Xã, phường, thị trấn	Thành phố, thị xã, huyện		Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Các loại đất khác	
83	Xây dựng tuyến đường từ cầu Hội Cờ xã An Thủy đi phía Tây huyện Lệ Thủy	Phú Thủy	Lệ Thủy	1.40	0.50		0.90	Nghị quyết số 56/NQ-HĐND ngày 27/5/2022 của HĐND tỉnh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án đầu tư công trung hạn (lần 2) giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn tinh quản lý (Phụ lục 62)
84	Di dời, hoàn trả hệ thống đường dây 220kV và 500kV bị ảnh hưởng do GPMB thực hiện dự án Đường bộ Cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025	Kim Thủy, Mai Thủy, Phú Thủy, Trường Thủy	Lệ Thủy	1.10	0.43		0.67	Nghị quyết số 44/2022/QH15 ngày 11/01/2022 của Quốc hội về chủ trương đầu tư Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 - 2025;
85	Di dời, hoàn trả hệ thống đường dây 22kV bị ảnh hưởng do GPMB thực hiện dự án Đường bộ Cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025	TTNT Lệ Ninh; Kim Thủy, Phú Thủy, Trường Thủy	Lệ Thủy	2.13	0.40		1.73	Nghị quyết số 44/2022/QH15 ngày 11/01/2022 của Quốc hội về chủ trương đầu tư Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 - 2025;
86	Nhà văn hóa khu vực 3, TDP Thượng Giang, thị trấn Kiến Giang	Kiến Giang	Lệ Thủy	0.20	0.18		0.02	Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 29/7/2022 của HĐND thị trấn Kiến Giang phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án sử dụng nguồn vốn đầu tư công trung hạn ngân sách thị trấn giai đoạn 2022-2025
B. CÁC DỰ ÁN THU HỒI ĐẤT NHƯNG KHÔNG CHUYÊN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA, RỪNG PHÒNG HỘ, RỪNG ĐẶC DỤNG (Không có các loại đất này trong khu vực dự án)				193.92			193.92	
I	Huyện Minh Hóa			5.74			5.74	
1	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu định cư Ka Reng, bản K-Vi	Dân Hóa	Minh Hóa	3.00			3.00	Quyết định số 1419/QĐ-UBND ngày 12/10/2022 của UBND huyện Minh Hóa về việc phân bổ chi tiết danh mục công trình, dự án sử dụng nguồn vốn đầu tư phát triển ngân sách Trung Ương năm 2022 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi huyện Minh Hóa (Mục I.1)
2	Xây dựng Đường giao thông nông thôn, thôn Tân Lợi, thôn Yên Nhất, xã Yên Hóa	Yên Hóa	Minh Hóa	0.19			0.19	Nghị quyết số 121/NQ-HĐND ngày 07/10/2022 của HĐND huyện Minh Hóa về việc phân bổ chi tiết danh mục công trình, dự án nguồn vốn đầu tư phát triển ngân sách Trung ương giai đoạn 2021-2025 và năm 2022 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới (Mục 5.5)
3	Xây dựng đường giao thông nội thôn Tiên Hóa, Hát tại xã Thượng Hóa	Thượng Hóa	Minh Hóa	0.31			0.31	Nghị quyết số 122/NQ-HĐND ngày 07/10/2022 của HĐND huyện Minh Hóa về việc phân bổ chi tiết danh mục công trình, dự án nguồn vốn đầu tư phát triển Ngân sách Trung ương năm 2022 thực hiện Chương trình Mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi huyện Minh Hóa (Mục II.1.b)

STT	Tên công trình, dự án	Vị trí thực hiện dự án		Diện tích đất thực hiện dự án	Trong đó			Ghi chú
		Xã, phường, thị trấn	Thành phố, thị xã, huyện		Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Các loại đất khác	
4	Cầu vượt lũ Tân Lý, xã Minh Hóa, huyện Minh Hóa	Minh Hóa	Minh Hóa	0.81			0.81	Nghị quyết số 56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022 của HĐND tỉnh Quảng Bình về việc phê duyệt chủ trương đầu tư công trung hạn (lần 2) giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn tỉnh quản lý (PL 58)
5	Xây dựng đường giao thông nội thôn Ông Chinh (Tuyến từ nhà anh Yên đến cánh đồng vọt), xã Hóa Tiến	Hóa Tiến	Minh Hóa	0.32			0.32	Nghị quyết số 121/NQ-HĐND ngày 07/10/2022 của HĐND huyện Minh Hóa về việc phân bổ chi tiết danh mục công trình, dự án nguồn vốn đầu tư phát triển ngân sách Trung ương giai đoạn 2021-2025 và năm 2022 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới (Mục 8.1)
6	Xây dựng đường giao thông nông thôn bản Bãi Dinh đoạn từ quốc lộ 12A đến nhà Ông Đình Thắng	Dân Hóa	Minh Hóa	0.16			0.16	Nghị quyết số 122/NQ-HĐND ngày 07/10/2022 của HĐND huyện Minh Hóa về việc phân bổ chi tiết danh mục công trình, dự án nguồn vốn đầu tư phát triển ngân sách Trung ương năm 2022 thực hiện chương trình Mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi huyện Minh Hóa (Mục IV.1.e)
7	Kè chống sạt lở bờ suối tại thị trấn Quy Đạt, huyện Minh Hóa	Quy Đạt	Minh Hóa	0.53			0.53	Nghị quyết số 56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022 của HĐND tỉnh Quảng Bình về việc phê duyệt chủ trương đầu tư công trung hạn (lần 2) giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn tỉnh quản lý (PL 30)
8	Kè chống sạt lở bờ suối xã Hóa Sơn, huyện Minh Hóa	Hóa Sơn	Minh Hóa	0.23			0.23	Nghị quyết số 56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022 của HĐND tỉnh Quảng Bình về việc phê duyệt chủ trương đầu tư công trung hạn (lần 2) giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn tỉnh quản lý (PL 28)
9	Kè chống sạt lở bản Dộ - Tà Vòng	Trọng Hóa	Minh Hóa	0.09			0.09	Nghị quyết số 122/NQ-HĐND ngày 07/10/2022 của HĐND huyện Minh Hóa về việc phân bổ chi tiết danh mục công trình, dự án nguồn vốn đầu tư phát triển Ngân sách Trung ương năm 2022 thực hiện chương trình Mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi huyện Minh Hóa (Mục IV.1.d)
10	Xây dựng nhà văn hóa thôn Lạc Thiện, xã Minh Hóa	Minh Hóa	Minh Hóa	0.10			0.10	Nghị quyết số 121/NQ-HĐND ngày 07/10/2022 của HĐND huyện Minh Hóa về việc phân bổ chi tiết danh mục công trình, dự án nguồn vốn đầu tư phát triển ngân sách Trung ương giai đoạn 2021-2025 và năm 2022 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới (Mục 14.2)
II	Huyện Tuyên Hoá			3.43			3.43	
11	Phát triển quỹ đất khu đất lè, xen kẽ thôn Đại Sơn, xã Đồng Hóa	Đồng Hóa	Tuyên Hóa	0.30			0.30	Quyết định số 2092/QĐ-UBND ngày 21/11/2022 của UBND huyện Tuyên Hóa về việc giao nhiệm vụ chủ đầu tư thực hiện dự án phát triển quỹ đất tại các xã, thị trấn trên địa bàn huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình
12	Phát triển quỹ đất khu đất lè, xen kẽ tại thôn Tân Ấp, xã Hương Hóa	Hương Hóa	Tuyên Hóa	0.30			0.30	Quyết định số 2092/QĐ-UBND ngày 21/11/2022 của UBND huyện Tuyên Hóa về việc giao nhiệm vụ chủ đầu tư thực hiện dự án phát triển quỹ đất tại các xã, thị trấn trên địa bàn huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình

STT	Tên công trình, dự án	Vị trí thực hiện dự án		Diện tích đất thực hiện dự án	Trong đó			Ghi chú
		Xã, phường, thị trấn	Thành phố, thị xã, huyện		Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Các loại đất khác	
13	Phát triển quỹ đất khu đất lè, xen kẽ tại thôn Liên Sơn, xã Mai Hóa	Mai Hóa	Tuyên Hóa	0.16			0.16	Quyết định số 2092/QĐ-UBND ngày 21/11/2022 của UBND huyện Tuyên Hóa về việc giao nhiệm vụ chủ đầu tư thực hiện dự án phát triển quỹ đất tại các xã, thị trấn trên địa bàn huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình
14	Phát triển quỹ đất khu đất lè, xen kẽ tại thôn Nam Sơn, xã Mai Hóa (vị trí 1)	Mai Hóa	Tuyên Hóa	0.50			0.50	Quyết định số 2092/QĐ-UBND ngày 21/11/2022 của UBND huyện Tuyên Hóa về việc giao nhiệm vụ chủ đầu tư thực hiện dự án phát triển quỹ đất tại các xã, thị trấn trên địa bàn huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình
15	Phát triển quỹ đất khu đất lè, xen kẽ tại thôn Nam Sơn, xã Mai Hóa (vị trí 2)	Mai Hóa	Tuyên Hóa	0.24			0.24	Quyết định số 2092/QĐ-UBND ngày 21/11/2022 của UBND huyện Tuyên Hóa về việc giao nhiệm vụ chủ đầu tư thực hiện dự án phát triển quỹ đất tại các xã, thị trấn trên địa bàn huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình
16	Phát triển quỹ đất khu đất lè, xen kẽ tại thôn Sơn Thủy, xã Cao Quảng	Cao Quảng	Tuyên Hóa	0.45			0.45	Quyết định số 2092/QĐ-UBND ngày 21/11/2022 của UBND huyện Tuyên Hóa về việc giao nhiệm vụ chủ đầu tư thực hiện dự án phát triển quỹ đất tại các xã, thị trấn trên địa bàn huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình
17	Phát triển quỹ đất khu đất lè, xen kẽ tại thôn Chùa Bụt, xã Cao Quảng	Cao Quảng	Tuyên Hóa	0.45			0.45	Quyết định số 2092/QĐ-UBND ngày 21/11/2022 của UBND huyện Tuyên Hóa về việc giao nhiệm vụ chủ đầu tư thực hiện dự án phát triển quỹ đất tại các xã, thị trấn trên địa bàn huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình
18	Phát triển quỹ đất khu đất lè, xen kẽ tại thôn Phú Xuân, xã Cao Quảng	Cao Quảng	Tuyên Hóa	0.35			0.35	Quyết định số 2092/QĐ-UBND ngày 21/11/2022 của UBND huyện Tuyên Hóa về việc giao nhiệm vụ chủ đầu tư thực hiện dự án phát triển quỹ đất tại các xã, thị trấn trên địa bàn huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình
19	Đường từ xóm cây Lim đến xóm cây Trám thôn 3, xã Thanh Thạch	Thanh Thạch	Tuyên Hóa	0.28			0.28	Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 24/10/2022 của Hội đồng nhân dân huyện Tuyên Hoá về việc phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án: Đường bê tông từ khe ông Chuyên đến đường mòn Hồ Chí Minh tại phụ lục 41 Nghị quyết số 33/NĐ-HĐND ngày 25/12/2020 của HĐND huyện Tuyên Hóa
20	Chống sạt lở mái taluy khu tái định cư thôn Đạm Thủy 1 và 2 xã Thạch Hóa, huyện Tuyên Hóa	Thạch Hóa	Tuyên Hóa	0.40			0.40	Công văn số 541/UBND-TH ngày 07/4/2022 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc xin chuyển nguồn vốn và phương án phân bổ nguồn vượt thu tiền sử dụng đất năm 2020
III	Huyện Quảng Trạch			1.51			1.51	
21	Xây dựng trụ sở làm việc Đảng ủy, HĐND, UBND xã Quảng Lưu	Quảng Lưu	Quảng Trạch	0.36			0.36	Nghị quyết số 05/NQ-HĐND ngày 20/6/2022 của HĐND huyện Quảng Trạch về việc phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025(lần 2) nguồn vốn ngân sách huyện quản lý
22	Nhà văn hóa, khuôn viên thôn Hùng Sơn, xã Quảng Kim	Quảng Kim	Quảng Trạch	0.24			0.24	Nghị quyết số 25/NQ-HĐND ngày 29/12/2021 của HĐND xã Quảng Kim về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án

STT	Tên công trình, dự án	Vị trí thực hiện dự án		Diện tích đất thực hiện dự án	Trong đó			Ghi chú
		Xã, phường, thị trấn	Thành phố, thị xã, huyện		Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Các loại đất khác	
23	Sân thể dục thể thao, đường chạy, các hạng mục phụ trợ và hàng rào bao quanh sân TDTT trường THCS xã Quảng Lưu	Quảng Lưu	Quảng Trạch	0.31			0.31	Nghị quyết số 05/NQ-HĐND ngày 18/3/2022 của HĐND xã Quảng Lưu về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án: sân thể dục thể thao, đường chạy, các hạng mục phụ trợ và hàng rào bao quanh sân TDTT trường THCS xã Quảng Lưu;
24	Xây dựng sân thể thao xã Quảng Lưu	Quảng Lưu	Quảng Trạch	0.55			0.55	Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 19/7/2022 của HĐND xã Quảng Lưu về việc phê duyệt chủ trương xây dựng công trình: Sân thể thao xã Quảng Lưu
25	Mở rộng khuôn viên Chùa Cảnh Phúc	Cảnh Dương	Quảng Trạch	0.05			0.05	Công văn số 1738/UBND-XDCB ngày 25/9/2020 của UBND tỉnh về việc mở rộng Chùa Cảnh Phúc
IV	Thị xã Ba Đồn			6.62			6.62	
26	Quy hoạch Chi tiết Khu dân cư khu vực dưới Quý, dưới Cường thôn Vân Trung, xã Quảng Hải	Quảng Hải	Ba Đồn	0.50			0.50	Nghị Quyết số 17/NQ-HĐND ngày 20/7/2021 của HĐND xã Quảng Hải về việc phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình: Quy hoạch Chi tiết Khu dân cư khu vực dưới Quý, dưới Cường thôn Vân Trung, xã Quảng Hải, thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình
27	Điều chỉnh cục bộ quy hoạch chi tiết Khu dân cư vùng dưới Ông Cừ, Phần Tư và phần Hối Ngoài, thôn Vân Đông, xã Quảng Hải, thị xã Ba Đồn	Quảng Hải	Ba Đồn	0.21			0.21	Nghị quyết số 13/NQ-HĐND ngày 27/7/2021 của HĐND xã Quảng Hải về việc phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình Điều chỉnh cục bộ quy hoạch chi tiết khu dân cư vùng dưới ông Cừ, phần tư và phần Hối Ngoài, thôn Vân Đông, xã Quảng Hải, thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình; Quyết định số 1798/QĐ-UBND ngày 09/9/2022 của UBND thị xã Ba Đồn về việc điều chỉnh cục bộ quy hoạch chi tiết khu dân cư vùng dưới ông Cừ, phần tư và phần Hối Ngoài, thôn Vân Đông, xã Quảng Hải, thị xã Ba Đồn
28	Đất ở xen cư xã Quảng Minh	Quảng Minh	Ba Đồn	0.49			0.49	Công văn số 1536/UBND ngày 05/11/2020 của UBND thị xã Ba Đồn về việc giao chủ đầu tư thực hiện các dự án xen cư đưa vào đấu giá quyền sử dụng đất ở trên địa bàn thị xã Ba Đồn
29	HTKT Khu dân cư phía Đông Nam phường Ba Đồn, thị xã Ba Đồn (Khu vực 2: 0,22 ha)	Ba Đồn	Ba Đồn	0.22			0.22	Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 03/01/2022 của HĐND phường Ba Đồn phê duyệt chủ trương dự án (Mục IV, Mục V); Quyết định số 2741/QĐ-UBND ngày 19/10/2021 của UBND thị xã Ba Đồn về phê duyệt quy hoạch chi tiết hạ tầng khu dân cư phía Đông Nam phường Ba Đồn
30	Đường phía Bắc Trường Lương Thế Vinh, phường Ba Đồn	Ba Đồn	Ba Đồn	0.17			0.17	Nghị quyết 08/NQ-HĐND ngày 22/3/2021 của HĐND thị xã Ba Đồn về việc phê duyệt chủ trương đầu tư các công trình nhóm C, trên địa bàn thị xã (A.7)
31	Nâng cấp sửa chữa các tuyến đường nội thị phường Ba Đồn	Ba Đồn	Ba Đồn	0.10			0.10	Nghị quyết 35/NQ-HĐND ngày 09/8/2022 của HĐND phường Ba Đồn về việc phê duyệt điều chỉnh và bổ sung chủ trương đầu tư các công trình xây dựng trên địa bàn phường Ba Đồn năm 2022 (Mục IV)

STT	Tên công trình, dự án	Vị trí thực hiện dự án		Diện tích đất thực hiện dự án	Trong đó			Ghi chú
		Xã, phường, thị trấn	Thành phố, thị xã, huyện		Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Các loại đất khác	
32	Xử lý khẩn cấp hệ thống thoát nước xây dựng đường và vỉa hè từ Ngân hàng Chính sách đến Nhà văn hóa khu phố 4, phường Ba Đồn	Ba Đồn	Ba Đồn	0.45			0.45	Quyết định số 970/QĐ-UBND ngày 07/6/2022 của UBND thị xã Ba Đồn về việc phê duyệt BC KTKT đầu tư xây dựng công trình: Xử lý khẩn cấp hệ thống thoát nước xây dựng vỉa hè từ NHCS đến nhà văn hóa khu phố 4
33	Tuyến đường kết nối trung tâm thị xã Ba Đồn đi trung tâm huyện Quảng Trạch	Quảng Long	Ba Đồn	3.25			3.25	Nghị quyết 56/NQ-HĐND ngày 27/5/2022 của HĐND tỉnh thông qua Nghị quyết phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án đầu tư công trung hạn (lần 2) giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn tỉnh quản lý
34	Hệ thống hạ tầng kỹ thuật cầu kết hợp đường hai đầu cầu qua thôn Minh Tiến, xã Quảng Minh, thị xã Ba Đồn	Quảng Minh	Ba Đồn	0.50			0.50	Nghị quyết 56/NQ-HĐND ngày 27/5/2022 của HĐND tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án đầu tư công trung hạn (lần 2) giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn tỉnh quản lý (PL 68)
35	Công viên lễ hội đình làng Phan Long Ba Đồn	Ba Đồn	Ba Đồn	0.73			0.73	Nghị quyết số 63/ND-HĐND ngày 08/01/2021 của HĐND phường Ba Đồn về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Công viên lễ hội đình làng Phan Long Ba Đồn
V	Huyện Bố Trạch			34.74			34.74	
36	Tái định cư phục vụ GPMB thực hiện công trình đường từ TL 561 đi Cầu sông trước, thị trấn Hoàn Lão, huyện Bố Trạch	Tây Trạch; Hoàn Lão	Bố Trạch	0.26			0.26	Quyết định số 2401/QĐ-UBND ngày 14/7/2022 của UBND huyện Bố Trạch về việc chấp thuận đầu tư để tạo quỹ đất tái định cư cho các hộ gia đình bị ảnh hưởng khi GPMB thực hiện công trình Đường từ Tỉnh lộ 561 đi cầu Sông Trước, thị trấn Hoàn Lão, huyện Bố Trạch (Giai đoạn 1)
37	Đất ở tại nông thôn xã Xuân Trạch (thôn 4 - 02 vị trí: 0,25 ha; điểm dân cư nông thôn thôn 6: 0,50 ha)	Xuân Trạch	Bố Trạch	0.75			0.75	Quyết định số 4876/QĐ-UBND ngày 18/11/2022 của UBND huyện Bố Trạch về việc giao nhiệm vụ Chủ đầu tư thực hiện các thủ tục có liên quan để tạo quỹ đất ở tại các xã, thị trấn trên địa bàn huyện Bố Trạch
38	Đất ở tại nông thôn xã Hưng Trạch (Hưng Từ thôn Khuơng Hà 2: 0,48 ha; Thôn Khuơng Hà 4: 0,49 ha)	Hưng Trạch	Bố Trạch	0.97			0.97	Quyết định số 4876/QĐ-UBND ngày 18/11/2022 của UBND huyện Bố Trạch về việc giao nhiệm vụ Chủ đầu tư thực hiện các thủ tục có liên quan để tạo quỹ đất ở tại các xã, thị trấn trên địa bàn huyện Bố Trạch
39	Đất ở tại nông thôn xã Nam Trạch (thôn Đông Thành (2 vị trí): 0,48 ha; khu vực nhà văn hóa thôn Chánh Hòa đi nhà mẹ Mai (1 vị trí): 0,25 ha)	Nam Trạch	Bố Trạch	0.73			0.73	Quyết định số 4876/QĐ-UBND ngày 18/11/2022 của UBND huyện Bố Trạch về việc giao nhiệm vụ Chủ đầu tư thực hiện các thủ tục có liên quan để tạo quỹ đất ở tại các xã, thị trấn trên địa bàn huyện Bố Trạch
40	Đất ở tại nông thôn xã Thanh Trạch (thôn Tiên Phong: 0,4 ha; dãy 2 cầu Khe Nước: 0,30 ha; Đất ở xen kẽ trong khu dân cư: 0,10 ha)	Thanh Trạch	Bố Trạch	0.80			0.80	Quyết định số 4876/QĐ-UBND ngày 18/11/2022 của UBND huyện Bố Trạch về việc giao nhiệm vụ Chủ đầu tư thực hiện các thủ tục có liên quan để tạo quỹ đất ở tại các xã, thị trấn trên địa bàn huyện Bố Trạch
41	Đất ở tại nông thôn xã Đức Trạch (xen kẽ 0,50 ha; thôn Đức Trung: 0,33 ha; Nam Đức: 0,13 ha; Trung Đức: 0,03 ha)	Đức Trạch	Bố Trạch	0.99			0.99	Quyết định số 4876/QĐ-UBND ngày 18/11/2022 của UBND huyện Bố Trạch về việc giao nhiệm vụ Chủ đầu tư thực hiện các thủ tục có liên quan để tạo quỹ đất ở tại các xã, thị trấn trên địa bàn huyện Bố Trạch
42	Đất ở tại nông thôn xã Mỹ Trạch (vùng Cửa Mương thôn 6: 0,50 ha; vùng Buồm thôn 4: 0,50 ha)	Mỹ Trạch	Bố Trạch	1.00			1.00	Quyết định số 4876/QĐ-UBND ngày 18/11/2022 của UBND huyện Bố Trạch về việc giao nhiệm vụ Chủ đầu tư thực hiện các thủ tục có liên quan để tạo quỹ đất ở tại các xã, thị trấn trên địa bàn huyện Bố Trạch

STT	Tên công trình, dự án	Vị trí thực hiện dự án		Diện tích đất thực hiện dự án	Trong đó			Ghi chú
		Xã, phường, thị trấn	Thành phố, thị xã, huyện		Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Các loại đất khác	
43	Đất ở tại nông thôn xã Nhân Trạch (các khu vực đất lè thôn Nhân Quang: 0,50 ha; thôn Nhân Quang (KV1): 0,50 ha)	Nhân Trạch	Bố Trạch	1.00			1.00	Quyết định số 4876/QĐ-UBND ngày 18/11/2022 của UBND huyện Bố Trạch về việc giao nhiệm vụ Chủ đầu tư thực hiện các thủ tục có liên quan để tạo quỹ đất ở tại các xã, thị trấn trên địa bàn huyện Bố Trạch
44	Đất ở tại nông thôn xã Bắc Trạch (thôn 6: 0,50 ha; Hà Luật thôn 1: 0,50 ha)	Bắc Trạch	Bố Trạch	1.00			1.00	Quyết định số 4876/QĐ-UBND ngày 18/11/2022 của UBND huyện Bố Trạch về việc giao nhiệm vụ Chủ đầu tư thực hiện các thủ tục có liên quan để tạo quỹ đất ở tại các xã, thị trấn trên địa bàn huyện Bố Trạch
45	Đất ở tại nông thôn xã Hải Phú (Khu vực trường tiểu học Tân Lý: 0,50 ha)	Hải Phú	Bố Trạch	0.50			0.50	Quyết định số 4876/QĐ-UBND ngày 18/11/2022 của UBND huyện Bố Trạch về việc giao nhiệm vụ Chủ đầu tư thực hiện các thủ tục có liên quan để tạo quỹ đất ở tại các xã, thị trấn trên địa bàn huyện Bố Trạch
46	Đất ở tại nông thôn xã Phúc Trạch (thôn 2 Phúc Đồng (4 vị trí): 0,70 ha; thôn 4 Thanh Sen: 0,13 ha)	Phúc Trạch	Bố Trạch	0.83			0.83	Quyết định số 4876/QĐ-UBND ngày 18/11/2022 của UBND huyện Bố Trạch về việc giao nhiệm vụ Chủ đầu tư thực hiện các thủ tục có liên quan để tạo quỹ đất ở tại các xã, thị trấn trên địa bàn huyện Bố Trạch
47	Đất ở tại nông thôn xã Phú Định (đất ở xen kẽ trong khu dân cư: 0,48 ha; thôn Nam Định (2 khu vực): 0,50 ha)	Phú Định	Bố Trạch	0.98			0.98	Quyết định số 4876/QĐ-UBND ngày 18/11/2022 của UBND huyện Bố Trạch về việc giao nhiệm vụ Chủ đầu tư thực hiện các thủ tục có liên quan để tạo quỹ đất ở tại các xã, thị trấn trên địa bàn huyện Bố Trạch
48	Đất ở tại nông thôn xã Hòa Trạch - 4 vị trí (thôn Hồ: 0,30 ha; thôn Cà: 0,20 ha; thôn Dài: 0,20 ha; thôn Hòa Đồng: 0,23 ha)	Hòa Trạch	Bố Trạch	0.93			0.93	Quyết định số 4876/QĐ-UBND ngày 18/11/2022 của UBND huyện Bố Trạch về việc giao nhiệm vụ Chủ đầu tư thực hiện các thủ tục có liên quan để tạo quỹ đất ở tại các xã, thị trấn trên địa bàn huyện Bố Trạch
49	Đất ở tại nông thôn xã Tây Trạch (đất ở khu vực trạm y tế: 0,31 ha; Đồng Cồn Chung: 0,50 ha).	Tây Trạch	Bố Trạch	0.81			0.81	Quyết định số 4876/QĐ-UBND ngày 18/11/2022 của UBND huyện Bố Trạch về việc giao nhiệm vụ Chủ đầu tư thực hiện các thủ tục có liên quan để tạo quỹ đất ở tại các xã, thị trấn trên địa bàn huyện Bố Trạch
50	Đất ở tại nông thôn xã Lý Trạch - 4 vị trí (khu vực Phục Môn: 0,50 ha; khu vực Vũng Chùa: 0,44 ha)	Lý Trạch	Bố Trạch	0.94			0.94	Quyết định số 4876/QĐ-UBND ngày 18/11/2022 của UBND huyện Bố Trạch về việc giao nhiệm vụ Chủ đầu tư thực hiện các thủ tục có liên quan để tạo quỹ đất ở tại các xã, thị trấn trên địa bàn huyện Bố Trạch
51	Đất ở tại nông thôn xã Sơn Lộc (Khu vực nhà ông Thuận: 0,39 ha); Khu vực nhà ông Tuấn: 0,40 ha; Khu vực trường TH, THCS Sơn Lộc: 0,18 ha)	Sơn Lộc	Bố Trạch	0.97			0.97	Quyết định số 4876/QĐ-UBND ngày 18/11/2022 của UBND huyện Bố Trạch về việc giao nhiệm vụ Chủ đầu tư thực hiện các thủ tục có liên quan để tạo quỹ đất ở tại các xã, thị trấn trên địa bàn huyện Bố Trạch
52	Khu tái định cư khu vực Đồng Lớn, xã Cự Năm (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021 - 2025)	Cự Năm	Bố Trạch	0.86			0.86	Nghị quyết số 44/2022/QH15 ngày 11/01/2022 của Quốc hội về chủ trương đầu tư Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 - 2025
53	Tái định cư (đất lè) tại xã Cự Năm (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021 - 2025)	Cự Năm	Bố Trạch	0.21			0.21	Nghị quyết số 44/2022/QH15 ngày 11/01/2022 của Quốc hội về chủ trương đầu tư Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 - 2025
54	Tái định cư (đất lè) tại xã Tây Trạch (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021 - 2025)	Tây Trạch	Bố Trạch	0.07			0.07	Nghị quyết số 44/2022/QH15 ngày 11/01/2022 của Quốc hội về chủ trương đầu tư Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 - 2025

STT	Tên công trình, dự án	Vị trí thực hiện dự án		Diện tích đất thực hiện dự án	Trong đó			Ghi chú
		Xã, phường, thị trấn	Thành phố, thị xã, huyện		Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Các loại đất khác	
55	Tái định cư (đất lợ), xã Phú Định (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021 - 2025)	Phú Định	Bố Trạch	0.24			0.24	Nghị quyết số 44/2022/QH15 ngày 11/01/2022 của Quốc hội về chủ trương đầu tư Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 - 2025
56	Đất ở đô thị thị trấn Nông Trường Việt Trung (Đất lợ xen kẽ trong khu dân cư thị trấn NTVT: 0,47 ha; khu vực TDP Quyết Tiến: 0,5 ha)	TTNT Việt Trung	Bố Trạch	0.97			0.97	Quyết định số 4876/QĐ-UBND ngày 18/11/2022 của UBND huyện Bố Trạch về việc giao nhiệm vụ Chủ đầu tư thực hiện các thủ tục có liên quan để tạo quỹ đất ở tại các xã, thị trấn trên địa bàn huyện Bố Trạch
57	Đất ở tại đô thị thị trấn Hoàn Lão (Đất lợ xen kẽ TK8: 0,50 ha; Phân lô đất ở xã Hoàn Trạch (cũ): 0,50 ha)	Hoàn Lão	Bố Trạch	1.00			1.00	Quyết định số 4876/QĐ-UBND ngày 18/11/2022 của UBND huyện Bố Trạch về việc giao nhiệm vụ Chủ đầu tư thực hiện các thủ tục có liên quan để tạo quỹ đất ở tại các xã, thị trấn trên địa bàn huyện Bố Trạch
58	Tạo quỹ đất Đồng Vồ Tk9	Hoàn Lão	Bố Trạch	0.50			0.50	Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 29/12/2021 của HĐND thị trấn Hoàn Lão về việc phê duyệt CTĐT các dự án phát triển quỹ đất trên địa bàn thị trấn Hoàn Lão; Quyết định số 6160/QĐ-UBND ngày 20/12/2021 của UBND huyện Bố Trạch về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết dự án Tạo quỹ đất Đồng Vồ TK9
59	Khu tái định cư khu vực Quyết Tiến, thị trấn NTVT (giai đoạn 2) (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021 - 2025)	TTNT Việt Trung	Bố Trạch	1.00			1.00	Nghị quyết số 44/2022/QH15 ngày 11/01/2022 của Quốc hội về chủ trương đầu tư Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 - 2025
60	Khu tái định cư (đất lợ) thị trấn NTVT (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021 - 2025)	TTNT Việt Trung	Bố Trạch	0.06			0.06	Nghị quyết số 44/2022/QH15 ngày 11/01/2022 của Quốc hội về chủ trương đầu tư Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 - 2025
61	Tuyến đường giao thông nối Di tích Bến Phà Xuân Sơn với đường HCM tại thôn Xuân Sơn, thị trấn Phong Nha	Phong Nha	Bố Trạch	0.64			0.64	Nghị quyết số 11/HĐND ngày 29/07/2022 của HĐND huyện Bố Trạch về việc phê duyệt CTĐT các dự án đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 (PL 24)
62	Đường giao thông thôn 10 đi thôn 5 xã Lý Trạch	Lý Trạch	Bố Trạch	0.65			0.65	Nghị quyết số 02/NQ-HĐND ngày 25/4/2022 của HĐND xã Lý Trạch về việc phê duyệt CTĐT các dự án đầu tư công năm 2022
63	Xây dựng tuyến giao thông kết nối đường Hồ Chí Minh vào Trung tâm thị trấn Nông Trường Việt Trung	TTNT Việt Trung	Bố Trạch	1.93			1.93	Nghị quyết số 56/NQ-HĐND ngày 27/5/2022 của HĐND tỉnh về việc phê duyệt CTĐT các dự án đầu tư công trung hạn (lần 2) giai đoạn 2021 - 2025 nguồn vốn tinh quản lý (PL 71)
64	Xây dựng tuyến đường giao thông từ xã Phúc Trạch đi các xã Lâm Trạch và Liên Trạch, huyện Bố Trạch	Phúc Trạch, Liên Trạch	Bố Trạch	3.07			3.07	Nghị quyết số 56/NQ-HĐND ngày 27/5/2022 của HĐND tỉnh về việc phê duyệt CTĐT các dự án đầu tư công trung hạn (lần 2) giai đoạn 2021 - 2025 nguồn vốn tinh quản lý (PL 48)
65	Đường từ đường HCM đi Khe Tre	Phú Định	Bố Trạch	1.06			1.06	Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 29/07/2022 của HĐND huyện Bố Trạch về việc phê duyệt CTĐT các dự án đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 (PL 25)

STT	Tên công trình, dự án	Vị trí thực hiện dự án		Diện tích đất thực hiện dự án	Trong đó			Ghi chú
		Xã, phường, thị trấn	Thành phố, thị xã, huyện		Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Các loại đất khác	
66	Đường giao thông từ thôn 2 xã Mỹ Trạch đi xã Hạ Trạch	Mỹ Trạch	Bố Trạch	0.63			0.63	Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 29/07/2022 của HĐND huyện Bố Trạch về việc phê duyệt CTĐT các dự án đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 (PL 27)
67	Cải tạo, nâng cấp đoạn Vinh - Nha Trang, tuyến đường sắt Hà Nội - Thành phố Hồ Chí Minh	xã Liên Trạch	Bố Trạch	2.43			2.43	Quyết định 1518/QĐ-BGTVT ngày 14 tháng 3 năm 2021 của Bộ trưởng BGTVT về việc phê duyệt CTĐT dự án: Cải tạo, nâng cấp đoạn Vinh - Nha Trang, tuyến đường sắt Hà Nội - Thành phố Hồ Chí Minh
68	Đường giao thông nội bản Cà Ròng 1	Thượng Trạch	Bố Trạch	0.24			0.24	Nghị quyết số 13/NQ-HĐND ngày 06/10/2022 của HĐND huyện Bố Trạch về việc phân bổ chi tiết vốn đầu tư phát triển ngân sách Trung ương giai đoạn 2021-2025 và năm 2022 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn mới và Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững huyện Bố Trạch
69	Tuyến Mương thoát lũ, đường và kè khu vực Đồng Láng, xã Hải Phú, huyện Bố Trạch	Hải Phú	Bố Trạch	0.82			0.82	Nghị quyết số 56/NQ-HĐND ngày 27/5/2022 của HĐND tỉnh về việc phê duyệt CTĐT các dự án đầu tư công trung hạn (lần 2) giai đoạn 2021 - 2025 nguồn vốn tinh quản lý (PL 26)
70	Công trình nước sinh hoạt tập trung Bản 39	Tân Trạch	Bố Trạch	0.05			0.05	Nghị quyết số 85/NQ-HĐND ngày 09/9/2022 của HĐND tỉnh về việc Phân bổ chi tiết vốn đầu tư phát triển ngân sách Trung ương năm 2022 thực hiện Chương trình Mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Quảng Bình
71	Tôn tạo, nâng cấp Khu Di tích lịch sử Thanh niên xung phong Xuân Sơn	Phong Nha	Bố Trạch	3.67			3.67	Quyết định số 2134/QĐ-UBND ngày 09/8/2022 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc phê duyệt Báo cáo Kinh tế - Kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình Tôn tạo, nâng cấp Khu Di tích lịch sử Thanh niên xung phong Xuân Sơn
72	Xây dựng mới Nhà văn hóa thôn 2	Đồng Trạch	Bố Trạch	0.11			0.11	Nghị quyết số 20/NQ-HĐND của HĐND xã Đồng Trạch ngày 31/12/2021 phê duyệt Kế hoạch đầu tư công năm 2022 nguồn vốn ngân sách xã
73	Xây dựng mới Nhà văn hóa thôn 3	Đồng Trạch	Bố Trạch	0.06			0.06	Nghị quyết số 20/NQ-HĐND của HĐND xã Đồng Trạch ngày 31/12/2021 phê duyệt Kế hoạch đầu tư công năm 2022 nguồn vốn ngân sách xã
74	Xây dựng mới Nhà văn hóa thôn 4	Đồng Trạch	Bố Trạch	0.18			0.18	Nghị quyết số 20/NQ-HĐND của HĐND xã Đồng Trạch ngày 31/12/2021 phê duyệt Kế hoạch đầu tư công năm 2022 nguồn vốn ngân sách xã
75	Xây dựng nhà tránh lũ cộng đồng tại xã Hưng Trạch (thuộc dự án Xây dựng 3 nhà tránh lũ cộng đồng tại 3 xã Hưng Trạch, Phúc Trạch và Liên Trạch)	Hưng Trạch	Bố Trạch	0.07			0.07	Nghị quyết số 11/HĐND ngày 29/07/2022 của HĐND huyện Bố Trạch về việc phê duyệt CTĐT các dự án đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 (PL 31)

STT	Tên công trình, dự án	Vị trí thực hiện dự án		Diện tích đất thực hiện dự án	Trong đó			Ghi chú
		Xã, phường, thị trấn	Thành phố, thị xã, huyện		Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Các loại đất khác	
76	Mở rộng nhà văn hóa thôn Hà Môn, xã Cự Năm (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021 - 2025)	Cự Năm	Bố Trạch	0.08			0.08	Nghị quyết số 44/2022/QH15 ngày 11/01/2022 của Quốc hội về chủ trương đầu tư Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 - 2025
77	Mở rộng trường TH số 3 Cự Năm (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021 - 2025)	Cự Năm	Bố Trạch	0.19			0.19	Nghị quyết số 44/2022/QH15 ngày 11/01/2022 của Quốc hội về chủ trương đầu tư Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 - 2025
78	Chợ biên giới xã Thượng Trạch	Thượng Trạch	Bố Trạch	0.49			0.49	Nghị quyết số 85/NQ-HĐND ngày 09/9/2022 của HĐND tỉnh về việc Phân bổ chi tiết vốn đầu tư phát triển ngân sách Trung ương năm 2022 thực hiện Chương trình Mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Quảng Bình
VI	Thành phố Đồng Hới			68.34			68.34	
79	Điều chỉnh quy hoạch chi tiết, trích đo địa chính phân lô đất ở khu vực thôn 10 Hữu Cung; Trích đo, cắm mốc phân lô đất ở các lô đất lẻ khu vực thôn 9, thôn 10 Hữu Cung, thôn 7 Phú Xá, thôn 3 Lộc Đại	Lộc Ninh	Đồng Hới	0.36			0.36	Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 01/11/2022 của HĐND xã Lộc Ninh về việc Phê duyệt Kế hoạch Đầu tư công trung hạn (lần 4) giai đoạn 2021 -2025
80	Hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư công trình Cầu Nhật Lệ 3 và đường 2 đầu cầu tại xã Bảo Ninh	Bảo Ninh	Đồng Hới	3.18			3.18	Thông báo số 584-TB/TU ngày 19/7/2022 của Thường trực Tỉnh ủy Về chủ trương thực hiện Dự án đầu tư hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật Khu công nghiệp Bắc Đồng Hới (mở rộng) và Dự án hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư công trình Cầu Nhật Lệ 3 và đường 2 đầu cầu tại xã Bảo Ninh
81	Khu đô thị Bảo Ninh 10	Bảo Ninh	Đồng Hới	42.40			42.40	Thông báo số 144-TB/BCSD ngày 23/5/2022 của Ban cán sự Đảng tỉnh Quảng Bình Thông báo Kết luận của Ban cán sự đảng UBND tỉnh tại phiên họp ngày 23/5/2022
82	Xây dựng kho vật chứng Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đồng Hới	Nam Lý	Đồng Hới	0.04			0.04	Nghị quyết số 82/NQ-HĐND ngày 20/12/2021 của HĐND thành phố Đồng Hới về việc Phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án đầu tư công trung hạn (lần 1) giai đoạn 2021 - 2025 nguồn vốn thành phố quản lý
83	Cụm Công nghiệp Lộc Ninh	Lộc Ninh	Đồng Hới	12.00			12.00	Nghị quyết số 82/NQ-HĐND ngày 20/12/2021 của HĐND thành phố Đồng Hới về việc Phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án đầu tư công trung hạn (lần 1) giai đoạn 2021 - 2025 nguồn vốn thành phố quản lý
84	Đầu tư xây dựng đường Trần Nhật Duật	Đức Ninh	Đồng Hới	0.76			0.76	Nghị quyết số 14/NQ-HĐND ngày 02/8/2022 của HĐND thành phố về việc Phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án đầu tư công (các dự án bổ sung năm 2022) từ nguồn tăng thu, tiết kiệm chi ngân sách thành phố năm 2021
85	Đầu tư xây dựng đường nối từ đường Hồ Chí Minh vào làng nghề Thuận Đức	Thuận Đức	Đồng Hới	0.30			0.30	Nghị quyết số 82/NQ-HĐND ngày 20/12/2021 của HĐND thành phố Đồng Hới về việc Phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án đầu tư công trung hạn (lần 1) giai đoạn 2021 - 2025 nguồn vốn thành phố quản lý

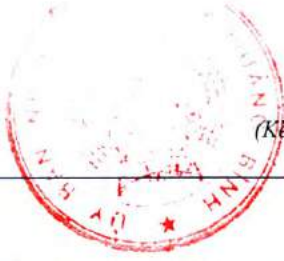
STT	Tên công trình, dự án	Vị trí thực hiện dự án		Diện tích đất thực hiện dự án	Trong đó			Ghi chú
		Xã, phường, thị trấn	Thành phố, thị xã, huyện		Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Các loại đất khác	
86	Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Thuận Phong	Thuận Đức	Đồng Hới	0.09			0.09	Nghị quyết số 35/NQ-HĐND ngày 06/9/2022 của HĐND xã về việc Thông qua điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 của xã Thuận Đức (Nguồn vốn Ngân sách xã quản lý) Điều chỉnh lần hai
87	Xây dựng nhà văn hóa thôn 5	Lộc Ninh	Đồng Hới	0.27			0.27	Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 01/11/2022 của HĐND xã Lộc Ninh Về việc phê duyệt Kế hoạch Đầu tư công trung hạn (lần 4) giai đoạn 2021 -2025
88	Nhà văn hóa tổ dân phố 4	Nam Lý	Đồng Hới	0.11			0.11	Nghị quyết số 66/NQ-HĐND ngày 24/10/2022 của HĐND phường Nam Lý về việc điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm giai đoạn 2021 -2025 của phường Nam Lý (nguồn ngân sách phường quản lý) điều chỉnh lần thứ ba
89	Sân vận động phường Bắc Nghĩa	Bắc Nghĩa	Đồng Hới	1.18			1.18	Quyết định số 8007/QĐ-UBND ngày 30/12/2021 của UBND thành phố về việc trích từ nguồn tỉnh bổ sung có mục tiêu tại quyết định số 3393/QĐ-UBND ngày 22/10/2021 của UBND tỉnh Quảng Bình phân bổ cho UBND phường Bắc Nghĩa
90	Mở rộng nghĩa trang nhân dân xã Thuận Đức	Thuận Đức	Đồng Hới	4.80			4.80	Nghị quyết số 31/NQ-HĐND ngày 18/7/2022 của HĐND xã Thuận Đức về việc Phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án đầu tư công trung hạn (lần 2) giai đoạn 2021 -2025 (nguồn vốn ngân sách xã quản lý)
91	Công viên hồ sen (phía sau trường chuyên Võ Nguyên Giáp)	Nam Lý	Đồng Hới	2.60			2.60	Nghị quyết số 82/NQ-HĐND ngày 20/12/2021 của HĐND thành phố Đồng Hới về việc Phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án đầu tư công trung hạn (lần 1) giai đoạn 2021 - 2025 nguồn vốn thành phố quản lý
92	Xây dựng khu vui chơi cộng đồng tổ dân phố 9	Nam Lý	Đồng Hới	0.11			0.11	Nghị quyết số 66/NQ-HĐND ngày 24/10/2022 của HĐND phường Nam Lý Về điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm giai đoạn 2021 -2025 của phường Nam Lý (nguồn ngân sách phường quản lý) điều chỉnh lần thứ ba
93	Xây dựng khu vực công viên cây xanh trước nghĩa trang Nam Lý	Nam Lý	Đồng Hới	0.14			0.14	Nghị quyết số 101/NQ-HĐND ngày 31/12/2021 của HĐND phường Nam Lý Về việc thông qua Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm giai đoạn 2021 - 2025 của phường Nam Lý (nguồn ngân sách phường quản lý)
VII	Huyện Quảng Ninh			46.36			46.36	
94	Phát triển quỹ đất ở tại thôn Dinh Mười, xã Gia Ninh (Lô C thuộc đồ án QH khu nhà ở thương mại tại thôn Dinh Mười III)	Gia Ninh	Quảng Ninh	0.27			0.27	Quyết định số 476/QĐ -UBND ngày 17/5/2022 của UBND huyện Quảng Ninh về việc điều chỉnh quyết định số 293/QĐ-UBND ngày 07/4/2022 của UBND huyện về việc giao nhiệm vụ làm chủ đầu tư dự án phát triển quỹ đất ở tại thôn Dinh Mười xã Gia Ninh
95	Phát triển quỹ đất ở tại thôn Dinh Mười, xã Gia Ninh (Lô F thuộc đồ án QH khu nhà ở thương mại tại thôn Dinh Mười III)	Gia Ninh	Quảng Ninh	0.28			0.28	Quyết định số 477/QĐ -UBND ngày 17/5/2022 của UBND huyện Quảng Ninh về việc điều chỉnh quyết định số 294/QĐ-UBND ngày 07/4/2022 của UBND huyện về việc giao nhiệm vụ làm chủ đầu tư dự án phát triển quỹ đất ở tại thôn Dinh Mười xã Gia Ninh
96	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư và dân cư (Lô 1.DCM-27) Dinh Mười, huyện Quảng Ninh	Gia Ninh	Quảng Ninh	2.95			2.95	Nghị quyết số 67/NQ-HĐND ngày 21/12/2021 của HĐND huyện Quảng Ninh (Phụ lục 4) về việc phê duyệt CTĐT

STT	Tên công trình, dự án	Vị trí thực hiện dự án		Diện tích đất thực hiện dự án	Trong đó			Ghi chú
		Xã, phường, thị trấn	Thành phố, thị xã, huyện		Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Các loại đất khác	
97	Phát triển quỹ đất ở tại thôn Long Đại và thôn Bắc Cổ Hiền, xã Hiền Ninh	Hiền Ninh	Quảng Ninh	0.36			0.36	Quyết định số 656/QĐ-UBND ngày 27/6/2022 của UBND huyện Quảng Ninh về việc giao nhiệm vụ làm chủ đầu tư dự án phát triển quỹ đất ở tại thôn Long Đại và Thôn Bắc Cổ Hiền, xã Hiền Ninh
98	Phát triển quỹ đất ở tại thôn Long Đại, xã Hiền Ninh	Hiền Ninh	Quảng Ninh	0.40			0.40	Quyết định số 655/QĐ-UBND ngày 27/6/2022 của UBND huyện Quảng Ninh về việc giao nhiệm vụ làm chủ đầu tư dự án phát triển quỹ đất ở tại thôn Long Đại, xã Hiền Ninh
99	Phát triển quỹ đất ở tại thôn Tây Cổ Hiền, xã Hiền Ninh	Hiền Ninh	Quảng Ninh	0.46			0.46	Quyết định số 654/QĐ-UBND ngày 27/6/2022 của UBND huyện Quảng Ninh về việc giao nhiệm vụ làm chủ đầu tư dự án phát triển đất ở tại thôn Tây Cổ Hiền, Xã Hiền Ninh
100	Phát triển quỹ đất xen kẽ trong khu dân cư xã Tân Ninh	Tân Ninh	Quảng Ninh	0.14			0.14	Quyết định số 415/QĐ-UBND ngày 28/4/2022 của UBND huyện Quảng Ninh về việc giao nhiệm vụ làm Chủ đầu tư;
101	Phát triển quỹ đất ở tại thôn Long Sơn xã Trường Sơn	Trường Sơn	Quảng Ninh	0.06			0.06	Quyết định số 1209/QĐ-UBND của huyện Quảng Ninh ngày 14/11/2022 về việc giao nhiệm vụ làm chủ đầu tư dự án phát triển quỹ đất ở tại thôn Long Sơn, xã Trường Sơn
102	Phát triển quỹ đất ở tại thôn Tân Sơn xã Trường Sơn	Trường Sơn	Quảng Ninh	0.48			0.48	Quyết định số 1210/QĐ-UBND của huyện Quảng Ninh ngày 14/11/2022 về việc giao nhiệm vụ làm chủ đầu tư dự án phát triển quỹ đất ở tại thôn Tân Sơn, xã Trường Sơn
103	Phát triển quỹ đất ở tại thôn Khe Cát xã Trường Sơn	Trường Sơn	Quảng Ninh	0.49			0.49	Quyết định số 1211/QĐ-UBND của huyện Quảng Ninh ngày 14/11/2022 về việc giao nhiệm vụ làm chủ đầu tư dự án phát triển quỹ đất ở tại thôn Khe Cát, xã Trường Sơn
104	Xây dựng Hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư và dân cư phía Tây Bắc Bàu Lái huyện Quảng Ninh	Quán Hâu	Quảng Ninh	3.70			3.70	Nghị quyết số 67/NQ-HĐND ngày 21/12/2021 của HĐND huyện Quảng Ninh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư các khu tái định cư và khu dân cư trên địa bàn huyện
105	Hạ tầng kỹ thuật tuyến đường Gia Ninh - Hải Ninh	Gia Ninh, Hải Ninh	Quảng Ninh	6.96			6.96	Nghị quyết số 01/NQ-HĐND ngày 15/06/2022 của HĐND huyện Quảng Ninh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư các công trình trong vùng trung tâm đô thị Dinh Mười
106	Hạ tầng kỹ thuật tuyến Đường D1 Đô thị Dinh Mười	Gia Ninh, Võ Ninh	Quảng Ninh	5.05			5.05	Nghị quyết số 01/NQ-HĐND ngày 15/06/2022 của HĐND huyện Quảng Ninh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư các công trình trong vùng trung tâm đô thị Dinh Mười
107	Hạ tầng kỹ thuật đường D3 khu đô thị Dinh Mười	Gia Ninh, Võ Ninh	Quảng Ninh	4.47			4.47	Nghị quyết số 01/NQ-HĐND ngày 15/06/2022 của HĐND huyện Quảng Ninh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư các công trình trong vùng trung tâm đô thị Dinh Mười
108	Hạ tầng kỹ thuật đường D4 khu đô thị Dinh Mười	Gia Ninh	Quảng Ninh	2.40			2.40	Nghị quyết số 01/NQ-HĐND ngày 15/06/2022 của HĐND huyện Quảng Ninh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư các công trình trong vùng trung tâm đô thị Dinh Mười
109	Tuyến đường kết nối từ đường liên thôn Tân Định - Cửa Thôn đi đường ven biển	Hải Ninh	Quảng Ninh	0.44			0.44	Nghị quyết số 26/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của Hội đồng nhân dân xã Hải Ninh về việc phê duyệt bổ sung chủ trương đầu tư các dự án đầu tư công năm 2022 (nguồn vốn ngân sách xã quản lý)

STT	Tên công trình, dự án	Vị trí thực hiện dự án		Diện tích đất thực hiện dự án	Trong đó			Ghi chú
		Xã, phường, thị trấn	Thành phố, thị xã, huyện		Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Các loại đất khác	
110	Đấu nối, lắp đặt hệ thống cấp nước sạch cho thôn Phúc Sơn, Ang Sơn và Xuân Sơn xã Vạn Ninh	Vạn Ninh	Quảng Ninh	0.83			0.83	Quyết định số 4120/QĐ-UBND ngày 14/12/2021 của UBND tỉnh Quảng Bình về phê duyệt kế hoạch tổng thể, kế hoạch hoạt động và ngân sách năm 2022;
111	Xây dựng khuôn viên khu tượng đài tưởng niệm tại xã Võ Ninh	Võ Ninh	Quảng Ninh	0.31			0.31	Nghị quyết số 22/NQ-HĐND ngày 01/8/2022 của HĐND xã Võ Ninh về kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2022-2025 nguồn vốn ngân sách xã
112	Mở rộng điểm trường Trung tâm, Trường Mầm Non Vạn Ninh	Vạn Ninh	Quảng Ninh	0.50			0.50	Quyết định số 4120/QĐ-UBND ngày 14/12/2021 của UBND tỉnh Quảng Bình về phê duyệt kế hoạch tổng thể, kế hoạch hoạt động và ngân sách năm 2022;
113	Nghĩa trang nhân dân xã Hải Ninh	Hải Ninh	Quảng Ninh	15.11			15.11	Nghị quyết số 101/NQ-HĐND ngày 10/11/2021 của Hội đồng nhân dân xã về chủ trương đầu tư dự án: Quy hoạch chi tiết 2 khu nghĩa trang nhân dân xã Hải Ninh
114	Nhà văn hóa tổ dân phố Trung Trinh	Quán Hàu	Quảng Ninh	0.32			0.32	Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 22/7/2022 của hội đồng nhân dân thị trấn Quán Hàu về bổ sung nguồn vốn xây dựng cơ bản và chủ trương đầu tư các công trình sử dụng ngân sách thị trấn;
115	Xây dựng công viên cây xanh thôn Lương Yên	Lương Ninh	Quảng Ninh	0.38			0.38	Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 05/01/2022 của HĐND xã Lương Ninh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư công trình
VIII	Huyện Lệ Thủy			27.18			27.18	
116	Dự án quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư xã Lâm Thủy	Lâm Thủy	Lệ Thủy	3.53			3.53	Quyết định số 3382/QĐ-UBND ngày 12/10/2022 của UBND huyện Lệ Thủy về việc phân bổ chi tiết vốn sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2022 trên địa bàn huyện Lệ Thủy
117	Dự án quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư xã Ngân Thủy	Ngân Thủy	Lệ Thủy	3.71			3.71	Quyết định số 3382/QĐ-UBND ngày 12/10/2022 của UBND huyện Lệ Thủy về việc phân bổ chi tiết vốn sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2022 trên địa bàn huyện Lệ Thủy
118	Đất ở tại nông thôn xã Ngự Thủy	Ngự Thủy	Lệ Thủy	0.49			0.49	Quyết định số 3003/QĐ-UBND ngày 05/7/2021 của UBND huyện Lệ Thủy về việc giao nhiệm vụ chủ đầu tư
119	Tái định cư phân tán tại xã Ngự Thủy (phục vụ giải phóng mặt bằng Đường ven biển và cầu Nhật Lệ 3)	Ngự Thủy	Lệ Thủy	1.73			1.73	Nghị quyết số 160/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của HĐND tỉnh về chủ trương đầu tư dự án Đường ven biển và cầu Nhật Lệ 3; Quyết định số 1680/QĐ-UBND ngày 09/6/2021 của UBND tỉnh về phê duyệt dự án thành phần 1 - Đường ven biển
120	Tái định cư phân tán tại xã Ngự Thủy Bắc (phục vụ giải phóng mặt bằng Đường ven biển và cầu Nhật Lệ 3)	Ngự Thủy Bắc	Lệ Thủy	1.03			1.03	Nghị quyết số 160/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của HĐND tỉnh về chủ trương đầu tư dự án Đường ven biển và cầu Nhật Lệ 3; Quyết định số 1680/QĐ-UBND ngày 09/6/2021 của UBND tỉnh về phê duyệt dự án thành phần 1 - Đường ven biển

STT	Tên công trình, dự án	Vị trí thực hiện dự án		Diện tích đất thực hiện dự án	Trong đó			Ghi chú
		Xã, phường, thị trấn	Thành phố, thị xã, huyện		Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Các loại đất khác	
121	Đất ở tại nông thôn xã Sen Thủy (Xóm Phường: 0,07 ha, thôn Nôm Bắc: 0,42 ha, thôn Trầm Kỳ: 0,48 ha)	Sen Thủy	Lệ Thủy	0.97			0.97	Quyết định số 1290/QĐ-UBND ngày 29/4/2022 của UBND huyện Lệ Thủy về việc giao nhiệm vụ chủ đầu tư thực hiện các thủ tục có liên quan để tạo quỹ đất ở xã Sen Thủy, huyện Lệ Thủy
122	Đất ở tại nông thôn xã Thái Thủy (thôn Bắc Thái: 0,09 ha, thôn Nam Thái: 0,16 ha)	Thái Thủy	Lệ Thủy	0.25			0.25	Quyết định số 1289/QĐ-UBND ngày 29/4/2022 của UBND huyện Lệ Thủy về việc giao nhiệm vụ Chủ đầu tư thực hiện các thủ tục có liên quan để tạo quỹ đất ở tại xã Thái Thủy
123	Xây dựng tuyến đường giao thông liên xã từ Kim Thủy đi xã Ngân Thủy	Kim Thủy	Lệ Thủy	12.40			12.40	Nghị quyết số 85/NQ-HĐND ngày 09/9/2022 của HĐND tỉnh về việc phân bổ chi tiết vốn đầu tư phát triển ngân sách Trung ương năm 2022 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Quảng Bình (Dự án 4, Tiểu dự án 1.7)
124	Sửa chữa, nâng cao an toàn đập (WB8): Nâng cao khả năng chống lũ hồ chứa nước An Mã huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình	Trường Thủy	Lệ Thủy	0.25			0.25	Thông báo số 6094/BNN-KH ngày 24/9/2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc thông báo kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSNN GD 2021-2025 (Phụ lục II.A.I.2)
125	Xây dựng Khe Luốc và Kè Tam Hương	Phú Thủy	Lệ Thủy	0.50			0.50	Nghị quyết số 56/NQ-HĐND ngày 27/5/2022 của HĐND tỉnh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án đầu tư công trung hạn (lần 2) giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn tỉnh quản lý (Phụ lục 24)
126	Trạm y tế xã Ngự Thủy	Ngự Thủy	Lệ Thủy	0.30			0.30	Nghị quyết số 56/NQ-HĐND ngày 27/5/2022 của HĐND tỉnh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án đầu tư công trung hạn (lần 2) giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn tỉnh quản lý (Phụ lục 13); Quyết định số 1566/QĐ-UBND ngày 10/6/2022 của UBND tỉnh về điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2022 và giao kế hoạch đầu tư công năm 2022 (lần 2) nguồn vốn ngân sách tỉnh quản lý (Phụ lục 2.A.II.10)
127	Mở rộng Trường Mầm non xã Hồng Thủy	Hồng Thủy	Lệ Thủy	0.26			0.26	Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 29/7/2022 của HĐND xã Hồng Thủy về việc thông qua kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 từ nguồn ngân sách xã quản lý (Phụ lục D.6)
128	Trụ sở UBND xã Ngự Thủy	Ngự Thủy	Lệ Thủy	1.76			1.76	Nghị quyết số 56/NQ-HĐND ngày 27/5/2022 của HĐND tỉnh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án đầu tư công trung hạn (lần 2) giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn tỉnh quản lý (Phụ lục 92)
Tổng cộng (A+B): 214 dự án				569.58	90.96	3.48	475.14	

Ghi chú: 214 dự án không có diện tích đất rừng đặc dụng



Phụ lục 2

BỔ SUNG DANH MỤC DỰ ÁN CHUYÊN MỤC DÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA
(không thuộc trường hợp thu hồi đất theo khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai 2013)

(Kèm theo Tờ trình số **2324** /TTr-UBND ngày **06** tháng **12** năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình)

Đơn vị tính: ha

STT	Tên công trình, dự án	Vị trí thực hiện dự án		Diện tích đất thực hiện dự án	Trong đó			Ghi chú
		Xã, phường, thị trấn	Thành phố, thị xã, huyện		Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Các loại đất khác	
1	Khu dịch vụ tổng hợp Tiến Đạt	Quảng Thuận	Ba Đồn	0.30	0.27		0.03	Quyết định số 2640/QĐ-UBND ngày 28/9/2022 của UBND tỉnh về chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư
2	Xây dựng Khu thương mại dịch vụ tổng hợp Hoàng Huy	Quảng Lộc	Ba Đồn	0.43	0.43			Quyết định 1699/QĐ-UBND ngày 21/6/2022 của UBND tỉnh về việc chấp thuận chủ trương đầu tư
3	Trụ sở công an xã Mỹ Trạch	Mỹ Trạch	Bố Trạch	0.33	0.33			Nghị quyết số 43/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh về việc Phê duyệt CTĐT các dự án đầu tư công trung hạn;
4	Văn phòng trưng bày và giới thiệu sản phẩm vật liệu xây dựng của Công ty TNHH Hương Hạnh	Đại Trạch	Bố Trạch	0.83	0.81		0.02	Quyết định số 1700/QĐ-UBND ngày 21/6/2022 của UBND tỉnh chấp thuận Chủ trương đầu tư
5	Trung tâm dịch vụ Tập đoàn Đức Thành	Đại Trạch	Bố Trạch	0.46	0.46			Quyết định số 4091/QĐ-UBND ngày 10/12/2021 của UBND tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư
6	Khu nghỉ dưỡng Sao Mai của Công ty TNHH Xây dựng Hoàng Tuấn	Phong Nha	Bố Trạch	1.51	1.05		0.46	Quyết định số 1202/QĐ-UBND ngày 11/5/2022 của UBND tỉnh chấp thuận Chủ trương đầu tư
7	Cửa hàng xăng dầu và dịch vụ tổng hợp Lộc Ninh	Lộc Ninh	Đồng Hới	0.49	0.29		0.20	Quyết định số 1064/QĐ-UBND ngày 29/4/2022 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư
8	Bãi tập kết vật liệu Lương Ninh	Quán Hàu	Quảng Ninh	0.16	0.15		0.01	Quyết định số 1968/QĐ-UBND ngày 12/6/2020 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc chấp thuận chủ trương đầu tư
9	Khu kinh doanh vật liệu xây dựng - cà phê giải khát Xuân Giang	Kiến Giang	Lệ Thủy	0.19	0.16		0.03	Quyết định số 1934/QĐ-UBND ngày 13/7/2022 của UBND tỉnh Quảng Bình về chấp thuận chủ trương đồng thời chấp thuận nhà đầu tư
10	Trung tâm cung ứng vật liệu xây dựng và gara ô tô tại thị trấn Nông trường Lệ Ninh	TTNT Lệ Ninh	Lệ Thủy	0.55	0.55			Quyết định số 2990/QĐ-UBND ngày 01/11/2022 của UBND tỉnh về chấp thuận chủ trương đầu tư
Tổng cộng: 10 dự án				5.25	4.50		0.75	
Ghi chú: 10 dự án không có diện tích đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng								

Phụ lục 3

ĐIỀU CHỈNH DANH MỤC DỰ ÁN THU HỒI ĐẤT, CHUYÊN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG BÌNH

(Kèm theo Tờ trình số: **2324** /TTr-UBND ngày **06** tháng **12** năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình)

Đơn vị tính: ha

STT	Tên công trình, dự án		Vị trí thực hiện dự án		Diện tích đất thực hiện dự án	Trong đó			Ghi chú
			Xã, phường, thị trấn	Thành phố, thị xã, huyện		Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Các loại đất khác	
I	Điều chỉnh 09 dự án đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 173/NQ-HĐND ngày 02/4/2021		Đã phê duyệt		82.38	11.76	1.34	69.28	
			Nay điều chỉnh		87.89	12.79	1.34	73.76	
1	Nâng cấp, sửa chữa chợ Hóa Tiến (Giai đoạn 1)	Đã phê duyệt	Hóa Tiến	Minh Hóa	0.76			0.76	Nghị quyết số 173/NQ-HĐND ngày 02/4/2021 của HĐND tỉnh; Quyết định số 5101/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh Báo cáo Kinh tế - kỹ thuật và Kế hoạch lựa chọn nhà thầu xây dựng công trình: Xây dựng chợ Hóa Tiến (GD1)
	Xây dựng chợ Hóa Tiến (Giai đoạn 1)	Nay điều chỉnh	Hóa Tiến	Minh Hóa	1.04			1.04	
2	Nâng cấp sửa chữa khăn cấp đập hồ Khe Chù, xã Cảnh Hóa, huyện Quảng Trạch	Đã phê duyệt	Cảnh Hóa	Quảng Trạch	0.70			0.70	Nghị quyết số 173/NQ-HĐND ngày 02/4/2021 của HĐND tỉnh Quảng Bình; Quyết định số 879/QĐ-UBND ngày 28/4/2022 của UBND huyện Quảng Trạch về việc giao chủ đầu tư công trình.
		Nay điều chỉnh	Cảnh Hóa	Quảng Trạch	1.37	0.01		1.36	
3	Khu thương mại dịch vụ tổng hợp Hòn La	Đã phê duyệt	Quảng Đông	Quảng Trạch	2.20	1.20		1.00	Nghị quyết số 173/NQ-HĐND ngày 02/4/2021 của HĐND tỉnh Quảng Bình;
		Nay điều chỉnh	Quảng Đông	Quảng Trạch	2.21	2.06		0.15	
4	Khu đô thị Lý Nhân	Đã phê duyệt	Đại Trạch	Bố Trạch	19.06			19.06	Nghị quyết số 173/NQ-HĐND ngày 02/4/2021 của HĐND tỉnh; Quyết định số 2156/QĐ-UBND ngày 10/8/2022 của UBND tỉnh Quyết định chấp thuận CTĐT; Quyết định số 2150/QĐ-UBND ngày 09/8/2022 của UBND tỉnh Quyết định chấp thuận CTĐT; Thông báo số 719/TB-TU ngày 08/11/2022 Thông báo ý kiến của Thường trực Tỉnh ủy về chủ trương hợp nhất 02 dự án
	Khu đô thị phía Đông thôn Lý Nhân				19.06			19.06	
	Khu đô thị mới Lý Nhân, huyện Bố Trạch	Nay điều chỉnh	Đại Trạch	Bố Trạch	38.75			38.75	
5	Tuyến đường liên thị trấn Hoàn Lão (xã Hoàn Trạch cũ) - Phú Định	Đã phê duyệt	Tây Trạch, Vạn Trạch	Bố Trạch	3.00	0.20		2.80	Nghị quyết số 173/NQ-HĐND ngày 02/4/2021 của HĐND tỉnh; Mục II.1 Nghị quyết số 22/NQ-HĐND của HĐND huyện Bố Trạch phê duyệt CTĐT; Quyết định số 2815/QĐ-UBND ngày 07/7/2021 phê duyệt BC KT-KT
		Nay điều chỉnh	Tây Trạch, Vạn Trạch, Phú Định	Bố Trạch	4.09			4.09	
6	Đường từ Lộc Ninh đi khu công nghiệp Tây Bắc Đồng Hới	Đã phê duyệt	Lộc Ninh, Quang Phú	Đồng Hới	16.42	7.83	1.34	7.25	Nghị quyết số 173/NQ-HĐND ngày 2/4/2021 của HĐND tỉnh Quảng Bình
		Nay điều chỉnh	Lộc Ninh, Quang Phú	Đồng Hới	16.71	7.83	1.34	7.54	

STT	Tên công trình, dự án		Vị trí thực hiện dự án		Diện tích đất thực hiện dự án	Trong đó			Ghi chú
			Xã, phường, thị trấn	Thành phố, thị xã, huyện		Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Các loại đất khác	
7	Trung tâm kinh doanh dịch vụ tổng hợp Tiên Phong của Công ty TNHH XDTH Tiên Phong		Đã phê duyệt	Quảng Phong	Ba Đồn	0.48	0.40	0.08	Nghị quyết số 173/NQ-HĐND ngày 2/4/2021 của HĐND tỉnh Quảng Bình; Quyết định số 2479/QĐ-UBND ngày 17/7/2020 của UBND tỉnh về việc thực hiện dự án Trung tâm kinh doanh dịch vụ tổng hợp Tiên Phong của Công ty TNHH XDTH Tiên Phong; Quyết định số 2478/QĐ-UBND ngày 14/9/2022 của UBND tỉnh về việc chấp thuận điều chỉnh dự án đầu tư
			Nay điều chỉnh	Quảng Phong	Ba Đồn	0.64	0.57	0.07	
8	Bến xe phía Tây kết hợp kinh doanh dịch vụ tổng hợp Ba Đồn		Đã phê duyệt	Quảng Phong	Ba Đồn	2.70	2.13	0.57	Nghị quyết số 173/NQ-HĐND ngày 2/4/2021 của HĐND tỉnh Quảng Bình; Quyết định số 2939/QĐ-UBND ngày 18/8/2020 của UBND tỉnh về việc thực hiện dự án Bến xe phía Tây kết hợp kinh doanh dịch vụ tổng hợp Ba Đồn của Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng 81
			Nay điều chỉnh	Quảng Phong	Ba Đồn	2.68	2.32	0.36	
9	Dự án Khu đô thị Bảo Ninh 8		Đã phê duyệt	Bảo Ninh	Đồng Hới	18.00		18.00	Nghị quyết số 173/NQ-HĐND ngày 2/4/2021 của HĐND tỉnh Quảng Bình;
			Nay điều chỉnh	Bảo Ninh	Đồng Hới	20.40		20.40	
II	Điều chỉnh 01 dự án đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 178/NQ-HĐND ngày 28/4/2021		Đã phê duyệt		2.00			2.00	
			Nay điều chỉnh		1.56			1.56	
1	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đất ở và tái định cư thuộc quy hoạch đô thị Dinh Mười		Đã phê duyệt	Gia Ninh	Quảng Ninh	2.00		2.00	Nghị quyết số 178/NQ-HĐND ngày 28/4/2021 của HĐND tỉnh Quảng Bình; Nghị quyết số 58/NQ-HĐND ngày 27/11/2020 của HĐND huyện Quảng Ninh phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đất ở và tái định cư thuộc quy hoạch đô thị Dinh Mười; Quyết định số 754/QĐ-UBND ngày 26/5/2022 của UBND huyện Quảng Ninh về việc phê duyệt báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình: Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đất ở và tái định cư thuộc Quy hoạch đô thị Dinh Mười
			Nay điều chỉnh	Gia Ninh, Võ Ninh	Quảng Ninh	1.56		1.56	
III	Điều chỉnh 03 dự án đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 13/8/2021		Đã phê duyệt		6.66	0.02		6.64	
			Nay điều chỉnh		8.25	0.19		8.06	
1	Hạ tầng kỹ thuật nối quy hoạch khu vực phía Đông ngã ba thị trấn Hoàn Lão ra biển Trung Trạch		Đã phê duyệt	Trung Trạch	Bố Trạch	5.99	0.02	5.97	Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 13/8/2021 của HĐND tỉnh; Quyết định số 3856/QĐ-UBND ngày 31/10/2018 của UBND tỉnh phê duyệt dự án Hạ tầng kỹ thuật nối quy hoạch khu vực phía Đông ngã ba thị trấn Hoàn Lão ra biển Trung Trạch
			Nay điều chỉnh	Trung Trạch	Bố Trạch	5.99	0.13	5.86	
2	Đường giao thông nội thị tại thị trấn Hoàn Lão		Đã phê duyệt	Hoàn Lão	Bố Trạch	0.55		0.55	Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 13/8/2021 của HĐND tỉnh; Quyết định số 1266/QĐ-UBND ngày 20/4/2021 của UBND huyện Bố Trạch về việc phê duyệt Báo cáo Kinh tế Kỹ thuật
			Nay điều chỉnh	Hoàn Lão	Bố Trạch	1.47	0.06	1.41	

STT	Tên công trình, dự án		Vị trí thực hiện dự án		Diện tích đất thực hiện dự án	Trong đó			Ghi chú
			Xã, phường, thị trấn	Thành phố, thị xã, huyện		Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Các loại đất khác	
3	Xây dựng, nâng cấp các tuyến đường giao thông và hệ thống hạ tầng khu vực trung tâm thành phố Đồng Hới	Đã phê duyệt	Đồng Sơn, Nam Lý	Đồng Hới	0.12			0.12	Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 13/8/2021 của HĐND tỉnh Quảng Bình
		Nay điều chỉnh	Đồng Sơn, Nam Lý	Đồng Hới	0.79			0.79	
IV	Điều chỉnh 09 dự án đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 46/NQ-HĐND ngày 10/12/2021		Đã phê duyệt		26.86	7.26		19.60	
			Nay điều chỉnh		32.62	5.06		27.56	
1	Hạ tầng kỹ thuật khu ở mới thôn Tiên Xuân, xã Quảng Tiên (Giai đoạn 1)	Đã phê duyệt	Quảng Tiên	Ba Đồn	3.04			3.04	Nghị quyết số 46/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh Quảng Bình; Quyết định số 1178/QĐ-UBND ngày 09/5/2022 của UBND tỉnh; Nghị quyết số 60/NQ-HĐND ngày 30/7/2021 của HĐND thị xã Ba Đồn phê duyệt chủ trương đầu tư, điều chỉnh chủ trương đầu tư các công trình nhóm C và dự án phát triển quỹ đất trên địa bàn thị xã Ba Đồn - Phụ lục XII; Quyết định số 990/QĐ-UBND ngày 14/5/2021 của UBND thị xã Ba Đồn về việc giao làm chủ đầu tư dự án: Hạ tầng kỹ thuật khu ở mới thôn Tiên Xuân, xã Quảng Tiên
		Nay điều chỉnh	Quảng Tiên	Ba Đồn	2.44	0.39	-	2.05	
2	Cửa hàng xăng dầu và các dịch vụ kèm theo của Công ty TNHH TM&XD Minh Hiếu	Đã phê duyệt	Quảng Hòa	Ba Đồn	0.25	0.21		0.04	Nghị quyết số 46/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh Quảng Bình; Quyết định số 1178/QĐ-UBND ngày 09/5/2022 của UBND tỉnh; Quyết định số 2114/QĐ-UBND ngày 13/7/2021 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư
		Nay điều chỉnh	Quảng Hòa	Ba Đồn	0.25	0.23	-	0.02	
3	Đường giao thông trung tâm xã Vạn Trạch	Đã phê duyệt	Vạn Trạch	Bố Trạch	1.29	0.03		1.26	Nghị quyết số 46/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh; Mục III.b.4 Nghị quyết 16/NQ-HĐND ngày 16/12/2020 của HĐND huyện phê duyệt kế hoạch đầu tư công 2021; Quyết định 146/QĐ-UBND ngày 12/7/2021 của UBND xã Vạn Trạch về việc phê duyệt điều chỉnh Báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng công trình: Đường giao thông trung tâm xã Vạn Trạch
		Nay điều chỉnh	Vạn Trạch	Bố Trạch	1.25	0.05		1.20	
4	Mở rộng khuôn viên Nhà thờ Giáo họ Hội Nghĩa	Đã phê duyệt	Phong Nha	Bố Trạch	0.67	0.35		0.32	Nghị quyết số 46/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh; Công văn số 2117/UBND-KT của UBND tỉnh chấp thuận địa điểm
		Nay điều chỉnh	Phong Nha	Bố Trạch	0.69	0.38		0.31	
5	Đường từ nhánh Đông đường Hồ Chí Minh vào khu du lịch sinh thái Trầm Mé (giai đoạn 2)	Đã phê duyệt	Phúc Trạch	Bố Trạch	1.50	0.50		1.00	Nghị quyết số 46/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh; Quyết định số 518/QĐ-UBND ngày 25/2/2022 của UBND tỉnh Quảng Bình Phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu xây dựng công trình: Đường từ nhánh Đông đường Hồ Chí Minh vào khu du lịch sinh thái Trầm Mé (giai đoạn 2)
		Nay điều chỉnh	Phong Nha, Phúc Trạch	Bố Trạch	2.72	0.01		2.71	

STT	Tên công trình, dự án	Vị trí thực hiện dự án		Diện tích đất thực hiện dự án	Trong đó			Ghi chú
		Xã, phường, thị trấn	Thành phố, thị xã, huyện		Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Các loại đất khác	
6	Sửa chữa, nâng cấp hồ Bầu Trạng xã Cự Năm	Đã phê duyệt	Cự Năm	Bố Trạch	1.68		1.68	Nghị quyết số 46/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh; (Phụ lục IX.3.4.a); Nghị quyết số 13/NQ-HĐND ngày 30/06/2021 của HĐND tỉnh phê duyệt Chủ trương đầu tư
		Nay điều chỉnh	Cự Năm	Bố Trạch	1.35	0.01	1.34	
7	Cơ sở doanh trại Phòng cảnh sát cơ động và Kho bãi tạm giữ phương tiện giao thông thuộc Công an tỉnh Quảng Bình	Đã phê duyệt	Lộc Ninh	Thành phố Đồng Hới	3.11	2.90	0.21	Nghị quyết số 46/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh Quảng Bình; Công văn số 6240/VPUBND-TH ngày 09/12/2020 của Văn phòng UBND tỉnh về việc lập chủ trương điều chỉnh cục bộ lô đất ký hiệu DVTM5 thuộc đồ án quy hoạch chi tiết và cấm mốc chỉ giới quy hoạch đường 36m nối từ Quang Phú -Lộc Ninh-KCN Tây Bắc Đồng Hới - đường Phan Đình Phùng
		Nay điều chỉnh	Lộc Ninh	Thành phố Đồng Hới	3.13	2.07	1.06	
8	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư thôn Nam Cổ Hiền, xã Hiền Ninh (giai đoạn 1)	Đã phê duyệt	Hiền Ninh	Quảng Ninh	1.60	1.30	0.30	Nghị quyết số 46/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh; Nghị quyết số 59/NQ-HĐND ngày 05/08/2021 của HĐND huyện Quảng Ninh về việc Phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án phát triển quỹ đất
		Nay điều chỉnh	Hiền Ninh	Quảng Ninh	1.63	1.39	0.24	
9	Tuyến đường chính khu đô thị Dinh Mười và vùng phụ cận huyện Quảng Ninh	Đã phê duyệt	Võ Ninh	Quảng Ninh	13.72	1.97	11.75	Nghị quyết số 46/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh; Nghị quyết số 13/NQ-HĐND ngày 30/6/2021 của HĐND tỉnh về việc Phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án sử dụng nguồn vốn đầu tư công trung hạn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025
		Nay điều chỉnh	Gia Ninh, Võ Ninh	Quảng Ninh	19.16	0.53	18.63	
V	Điều chỉnh 21 dự án đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 27/5/2022	Đã phê duyệt		60.15	25.91	34.24		
		Nay điều chỉnh		50.72	20.11	30.61		
1	Trạm y tế xã Quảng Hải (phục vụ GPMB dự án đường bộ cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021 - 2025)	Đã phê duyệt	Quảng Hải	Ba Đồn	0.12		0.12	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 27/5/2022 của HĐND tỉnh Quảng Bình; Nghị quyết số 44/2022/QH15 ngày 11/01/2022 của Quốc hội về chủ trương đầu tư Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 - 2025
		Nay điều chỉnh	Quảng Hải	Ba Đồn	0.16		0.16	
2	Trường Mầm non xã Quảng Hải (phục vụ GPMB dự án đường bộ cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Đã phê duyệt	Quảng Hải	Ba Đồn	0.30	0.30		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 27/5/2022 của HĐND tỉnh Quảng Bình; Nghị quyết số 44/2022/QH15 ngày 11/01/2022 của Quốc hội về chủ trương đầu tư Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 - 2025
		Nay điều chỉnh	Quảng Hải	Ba Đồn	0.38	0.01	0.37	
3	Trường TH-THCS tại xã Quảng Hải (phục vụ GPMB dự án đường bộ cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021 - 2025)	Đã phê duyệt	Quảng Hải	Ba Đồn	0.27	0.27		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 27/5/2022 của HĐND tỉnh Quảng Bình; Nghị quyết số 44/2022/QH15 ngày 11/01/2022 của Quốc hội về chủ trương đầu tư Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 - 2025
		Nay điều chỉnh	Quảng Hải	Ba Đồn	1.24	0.41	0.83	

STT	Tên công trình, dự án	Vị trí thực hiện dự án		Diện tích đất thực hiện dự án	Trong đó			Ghi chú
		Xã, phường, thị trấn	Thành phố, thị xã, huyện		Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Các loại đất khác	
4	Sân thể thao xã Quảng Hải (phục vụ GPMB dự án đường bộ cao tốc Bắc-Nam phía Đông giai đoạn 2021 - 2025)	Đã phê duyệt	Quảng Hải	Ba Đồn	0.58	0.58		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 27/5/2022 của HĐND tỉnh Quảng Bình; Nghị quyết số 44/2022/QH15 ngày 11/01/2022 của Quốc hội về chủ trương đầu tư Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 - 2025
		Nay điều chỉnh	Quảng Hải	Ba Đồn	0.74	0.52	0.22	
5	Chợ Quảng Hải (phục vụ GPMB dự án đường bộ cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021 - 2025)	Đã phê duyệt	Quảng Hải	Ba Đồn	0.36		0.36	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 27/5/2022 của HĐND tỉnh Quảng Bình; Nghị quyết số 44/2022/QH15 ngày 11/01/2022 của Quốc hội về chủ trương đầu tư Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 - 2025
		Nay điều chỉnh	Quảng Hải	Ba Đồn	0.51	0.03	0.48	
6	Khu tái định cư cho 23 hộ gia đình, cá nhân bị ảnh hưởng (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Đã phê duyệt	Quảng Lộc	Ba Đồn	1.71	1.00	0.71	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 27/5/2022 của HĐND tỉnh Quảng Bình; Quyết định số 1752/QĐ-UBND ngày 27/6/2022 của UBND tỉnh; Nghị quyết số 44/2022/QH15 ngày 11/01/2022 của Quốc hội về chủ trương đầu tư Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 - 2025
	Nay điều chỉnh	Quảng Lộc	Ba Đồn	2.46	2.15	0.31		
7	Khu tái định cư cho 05 hộ gia đình, cá nhân phải di dời (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Đã phê duyệt	Quảng Sơn	Ba Đồn	0.49	0.42	0.07	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 27/5/2022 của HĐND tỉnh Quảng Bình; Quyết định số 1752/QĐ-UBND ngày 27/6/2022 của UBND tỉnh; Nghị quyết số 44/2022/QH15 ngày 11/01/2022 của Quốc hội về chủ trương đầu tư Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 - 2025
	Nay điều chỉnh	Quảng Sơn	Ba Đồn	0.59	0.55	0.04		
8	Khu tái định cư và khu dân cư (phục vụ giải phóng mặt bằng Đường ven biển và cầu Nhật Lệ 3)	Đã phê duyệt	Quảng Phúc	Ba Đồn	10.10	8.22	1.88	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 27/5/2022 của HĐND tỉnh Quảng Bình; Quyết định số 1752/QĐ-UBND ngày 27/6/2022 của UBND tỉnh
	Nay điều chỉnh	Quảng Phúc	Ba Đồn	0.97	0.85	0.12		
9	Khu tái định cư và khu dân cư (phục vụ giải phóng mặt bằng Đường ven biển và cầu Nhật Lệ 3)	Đã phê duyệt	Quảng Thuận	Ba Đồn	4.80		4.80	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 27/5/2022 của HĐND tỉnh Quảng Bình; Quyết định số 1752/QĐ-UBND ngày 27/6/2022 của UBND tỉnh
	Nay điều chỉnh	Quảng Thuận	Ba Đồn	0.90		0.90		

STT	Tên công trình, dự án	Vị trí thực hiện dự án		Diện tích đất thực hiện dự án	Trong đó			Ghi chú
		Xã, phường, thị trấn	Thành phố, thị xã, huyện		Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Các loại đất khác	
10	Trụ sở UBND xã Quang Hải (phục vụ GPMB dự án đường bộ cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021 - 2025)	Đã phê duyệt	Quảng Hải	Ba Đồn	0.60	0.60		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 27/5/2022 của HĐND tỉnh Quảng Bình; Nghị quyết số 44/2022/QH15 ngày 11/01/2022 của Quốc hội về chủ trương đầu tư Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 - 2025
		Nay điều chỉnh	Quảng Hải	Ba Đồn	0.72	0.62	0.10	
11	Khu tái định cư khu vực thôn Tây Năm, xã Cự Năm (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021 - 2025)	Đã phê duyệt	Cự Năm	Bố Trạch	0.40	0.40		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 27/5/2022 của HĐND tỉnh Quảng Bình; Nghị quyết số 44/2022/QH15 ngày 11/01/2022 của Quốc hội về chủ trương đầu tư Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 - 2025
		Nay điều chỉnh	Cự Năm	Bố Trạch	1.09	0.67	0.42	
12	Khu tái định cư khu vực Hữu Nghị (phục vụ GPMB dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Đã phê duyệt	TTNT Việt Trung	Bố Trạch	1.84		1.84	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 27/5/2022 của HĐND tỉnh Quảng Bình; Nghị quyết số 44/2022/QH15 ngày 11/01/2022 của Quốc hội về chủ trương đầu tư Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 - 2025
		Nay điều chỉnh	TTNT Việt Trung	Bố Trạch	1.84	0.04	1.80	
13	Khu tái định cư khu vực thôn Tân Hội xã Liên Trạch (phục vụ GPMB dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Đã phê duyệt	Liên Trạch	Bố Trạch	1.01		1.01	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 27/5/2022 của HĐND tỉnh Quảng Bình; Nghị quyết số 44/2022/QH15 ngày 11/01/2022 của Quốc hội về chủ trương đầu tư Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 - 2025
		Nay điều chỉnh	Liên Trạch	Bố Trạch	1.01	0.80	0.21	
14	Khu tái định cư khu vực phía Nam đôn Biên phòng Lý Hòa (Phục vụ giải phóng mặt bằng đường ven biển và Cầu Nhật Lệ 3)	Đã phê duyệt	Đức Trạch	Bố Trạch	2.00		2.00	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 27/5/2022 của HĐND tỉnh Quảng Bình; Nghị quyết số 44/2022/QH15 ngày 11/01/2022 của Quốc hội về chủ trương đầu tư Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 - 2025
		Nay điều chỉnh	Đức Trạch	Bố Trạch	5.14		5.14	
15	Đường liên xã Hạ Trạch - Mỹ Trạch (đoạn giữa đống)	Đã phê duyệt	Hạ Trạch, Mỹ Trạch	Bố Trạch	0.42	0.21	0.21	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 27/5/2022 của HĐND tỉnh; Nghị quyết số 84/NQ-HĐND ngày 15/12/2021 của HĐND huyện Bố Trạch về việc phê duyệt CTĐT các dự án đầu tư công (PL 2)
		Nay điều chỉnh	Hạ Trạch, Mỹ Trạch	Bố Trạch	0.84	0.23	0.61	
16	Trường mầm non Cự Năm (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Đã phê duyệt	Cự Năm	Bố Trạch	0.39	0.37	0.02	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 27/5/2022 của HĐND tỉnh; Nghị quyết số 44/2022/QH15 ngày 11/01/2022 của Quốc hội về chủ trương đầu tư Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 - 2025
		Nay điều chỉnh	Cự Năm	Bố Trạch	0.74	0.53	0.21	
17	Khu tái định cư khu vực thôn Hà Môn, xã Cự Năm (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Đã phê duyệt	Cự Năm	Bố Trạch	0.76	0.27	0.49	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 27/5/2022 của HĐND tỉnh; Nghị quyết số 44/2022/QH15 ngày 11/01/2022 của Quốc hội về chủ trương đầu tư Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 - 2025
		Nay điều chỉnh	Cự Năm	Bố Trạch	0.82	0.35	0.47	
18	Nhà thi đấu đa năng huyện Lệ Thủy	Đã phê duyệt	Kiến Giang	Lệ Thủy	3.80	2.70	1.10	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 27/5/2022 của HĐND tỉnh; Nghị quyết số 56/NQ-HĐND ngày 27/5/2022 của HĐND tỉnh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án đầu tư công trung hạn (lần 2) giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn tỉnh quản lý (PL 15)
	Xây dựng Trung tâm thể dục thể thao huyện Lệ Thủy	Nay điều chỉnh	Kiến Giang	Lệ Thủy	3.80	2.70	1.10	

STT	Tên công trình, dự án	Vị trí thực hiện dự án		Diện tích đất thực hiện dự án	Trong đó			Ghi chú	
		Xã, phường, thị trấn	Thành phố, thị xã, huyện		Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Các loại đất khác		
19	Nâng cấp tuyến đường từ đường tránh Quốc lộ 1A đến Đồn Biên phòng Ngự Thủy và đến xã Ngự Thủy, huyện Lệ Thủy	Đã phê duyệt	Hung Thủy, Ngự Thủy	Lệ Thủy	12.07			12.07	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 27/5/2022 của HĐND tỉnh; Nghị quyết số 45/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình; Nghị quyết số 57/NQ-HĐND ngày 27/5/2022 điều chỉnh chủ trương đầu tư các dự án đầu tư công trên địa bàn tỉnh
		Nay điều chỉnh	Hung Thủy, Ngự Thủy, Ngự Thủy Bắc	Lệ Thủy	12.07			12.07	
20	Khu tái định cư tại TT NT Lệ Ninh (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025) (Khu vực 1)	Đã phê duyệt	TTNT Lệ Ninh	Lệ Thủy	1.38			1.38	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 27/5/2022 của HĐND tỉnh; Nghị quyết số 44/2022/QH15 ngày 11/01/2022 của Quốc hội về chủ trương đầu tư Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 - 2025; Thông báo số 695-TB/TU ngày 24/10/2022 thông báo ý kiến của Thường trực Tỉnh ủy về thực hiện các khu tái định cư trên địa bàn tỉnh
	Khu tái định cư tại TT NT Lệ Ninh (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025) (Khu vực 2)				1.00	0.97		0.03	
	Khu tái định cư tại TT NT Lệ Ninh (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025) (Khu vực 3)				0.70			0.70	
	Khu tái định cư thị trấn Nông trường Lệ Ninh (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Nay điều chỉnh	TTNT Lệ Ninh	Lệ Thủy	4.90	3.21		1.69	
21	Khu tái định cư tại xã Phú Thủy (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025) (Khu vực 1)	Đã phê duyệt	Phú Thủy	Lệ Thủy	4.30			4.30	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 27/5/2022 của HĐND tỉnh; Nghị quyết số 44/2022/QH15 ngày 11/01/2022 của Quốc hội về chủ trương đầu tư Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 - 2025; Thông báo số 695-TB/TU ngày 24/10/2022 thông báo ý kiến của Thường trực Tỉnh ủy về thực hiện các khu tái định cư trên địa bàn tỉnh
	Khu tái định cư tại xã Phú Thủy (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025) (Khu vực 2)				2.12	2.07		0.05	
	Khu tái định cư tại xã Phú Thủy (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025) (Khu vực 3)				8.63	7.53		1.10	
	Khu tái định cư xã Phú Thủy (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Nay điều chỉnh	Phú Thủy	Lệ Thủy	9.80	6.44		3.36	

STT	Tên công trình, dự án	Vị trí thực hiện dự án		Diện tích đất thực hiện dự án	Trong đó			Ghi chú	
		Xã, phường, thị trấn	Thành phố, thị xã, huyện		Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Các loại đất khác		
VI	Điều chỉnh 03 dự án đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 79/NQ-HĐND ngày 09/9/2022	Đã phê duyệt		5.23	2.67	-	2.56		
		Nay điều chỉnh		5.42	0.45		4.97		
1	Xây dựng hệ thống đường giao thông các xã Hàm Ninh, Võ Ninh, Duy Ninh	Đã phê duyệt	Hàm Ninh, Võ Ninh, Duy Ninh	Quảng Ninh	5.00	2.50		2.50	Nghị quyết số 79/NQ-HĐND ngày 09/9/2022 của HĐND tỉnh; Nghị quyết số 56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022 của HĐND tỉnh Quảng Bình (PL 36)
		Nay điều chỉnh	Hàm Ninh, Võ Ninh, Duy Ninh	Quảng Ninh	5.16	0.35		4.81	
2	Đường nối từ nhà văn hóa thôn Rào Đá đi khu di tích núi Thần Đinh	Đã phê duyệt	Trường Xuân	Quảng Ninh	0.21	0.16		0.05	Nghị quyết số 79/NQ-HĐND ngày 09/9/2022 của HĐND tỉnh; Nghị quyết số 69/NQ-HĐND ngày 21/12/2021 của HĐND huyện Quảng Ninh (PL 60)
		Nay điều chỉnh	Trường Xuân	Quảng Ninh	0.22	0.10		0.12	
3	Di dời đường dây thông tin (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Đã phê duyệt	Xuân Ninh, Vạn Ninh	Quảng Ninh	0.02	0.01		0.01	Nghị quyết số 79/NQ-HĐND ngày 09/9/2022 của HĐND tỉnh; Nghị quyết số 44/2022/QH15 ngày 11/01/2022 của Quốc hội về chủ trương đầu tư Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 - 2025
		Nay điều chỉnh	Vĩnh Ninh, Hiền Ninh, Xuân Ninh, An Ninh, Vạn Ninh	Quảng Ninh	0.04			0.04	
Tổng cộng (I+II+III+IV+V+VI): 46 Dự án		Đã phê duyệt		183.28	47.62	1.34	134.32		
		Nay điều chỉnh		186.46	38.60	1.34	146.52		

Ghi chú: 46 dự án điều chỉnh không có diện tích đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng

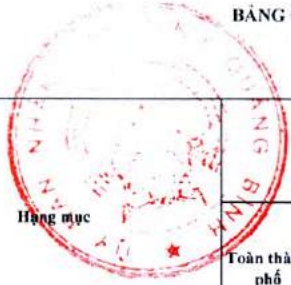
BẢNG 01 (Kèm theo Mẫu số 03a, 03b, 03c): TỔNG HỢP KẾT QUẢ CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA, ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ, ĐẤT RỪNG ĐẶC DỤNG THEO QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT CẤP HUYỆN ĐÃ ĐƯỢC PHÊ DUYỆT TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG BÌNH
(Kèm theo Tờ trình số: 222/TT-UBND ngày 06 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình)



STT	Hạng mục	Đất trồng lúa (ha)									Đất rừng phòng hộ (ha)									Đất rừng đặc dụng (ha)	Ghi chú (Ghi số, thôn gian, thăm quyền, trích yếu văn bản)
		Toàn tỉnh	Trong đó								Toàn tỉnh	Trong đó									
			Huyện Lệ Thủy	Huyện Quảng Ninh	Thành phố Đồng Hới	Huyện Bố Trạch	Thị xã Ba Đồn	Huyện Quảng Trạch	Huyện Tuyên Hóa	Huyện Minh Hóa		Huyện Lệ Thủy	Huyện Quảng Ninh	Thành phố Đồng Hới	Huyện Bố Trạch	Thị xã Ba Đồn	Huyện Quảng Trạch	Huyện Tuyên Hóa	Huyện Minh Hóa		
1	Chỉ tiêu đã được phê duyệt	7,006.67	1,702.41	690.77	835.74	1,670.93	1,108.82	731.13	171.66	95.21	596.96	79.64	29.84	36.31	14.72	246.38	55.80	41.80	92.47	0	
1.1	Chỉ tiêu đã được phê duyệt theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh																				
1.2	Chỉ tiêu điều chỉnh do đã được thay đổi địa điểm và số lượng dự án trong cùng một loại đất nhưng không làm thay đổi về chỉ tiêu và khu vực sử dụng đất theo chức năng sử dụng trong quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh đã được phê duyệt																				
1.3	Chỉ tiêu đã được phê duyệt theo quy hoạch sử dụng đất cấp huyện	7,006.67	1702.41	690.77	835.74	1,670.93	1,108.82	731.13	171.66	95.21	596.96	79.64	29.84	36.31	14.72	246.38	55.80	41.80	92.47		
2	Kết quả thực hiện	54.06	6.22	2.23	7.34	11.04	13.07	12.08	2.08		15.46	3.75	2.42	5.68		3.61				0	
2.1	Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trong các dự án đã được Quốc hội chấp thuận chủ trương đầu tư																				
2.2	Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trong các dự án đã được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư										2.42		2.42								
2.3	Diện tích đã được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chuyển mục đích sử dụng đất																				
2.4	Diện tích đã được Hội đồng nhân dân tỉnh chấp thuận chuyển mục đích sử dụng đất	54.06	6.22	2.23	7.34	11.04	13.07	12.08	2.08		13.04	3.75		5.68		3.61					
2.5	Diện tích đã chuyển mục đích sử dụng đất trong các trường hợp còn lại																				
3	Diện tích đất đã được Thủ tướng Chính phủ, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh cho phép chuyển mục đích sử dụng đất nhưng sau 03 năm không thực hiện																				
4	Diện tích đất còn lại chưa chuyển mục đích sử dụng đất (4 = 1 - 2 + 3)	6,952.61	1,696.19	688.54	828.40	1,659.89	1,095.75	719.05	169.58	95.21	581.50	75.89	27.42	30.63	14.72	242.77	55.80	41.80	92.47	0	

BẢNG 02 (Kèm theo Mẫu số 03a, 03b, 03c): TỔNG HỢP KẾT QUẢ CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA, ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ, ĐẤT RỪNG ĐẶC DỤNG THEO QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN NĂM 2030 THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI, TỈNH QUẢNG BÌNH

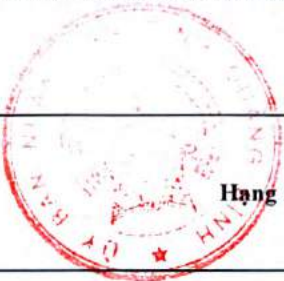
(Kèm theo Tờ trình số: 222/Tr-UBND ngày 06 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình)



STT	Hạng mục	Đất trồng lúa (ha)								Đất rừng phòng hộ (ha)			Đất rừng đặc dụng (ha)	Ghi chú (Ghi số, thời gian, thẩm quyền, trích yếu văn bản)	
		Toàn thành phố	Trong đó							Toàn thành phố	Trong đó				Toàn thành phố
			Phường Đồng Phú	Phường Nam Lý	Phường Bắc Lý	Phường Phú Hải	Phường Bắc Nghĩa	Phường Đức Ninh Đông	Các xã, phường còn lại		Xã Quang Phú	Các xã, phường còn lại			
1	Chỉ tiêu đã được phê duyệt theo Quy hoạch sử dụng đất	835.74	65.71	37.60	110.80	32.83	75.36	63.63	449.81	36.31	16.81	19.50	0	Quyết định số 1288/QĐ-UBND ngày 10/5/2021 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 thành phố Đồng Hới	
2	Kết quả thực hiện	7.34	1.17	1.26	1.22	0.59	0.17	2.93	-	5.68	5.68				
2.1	Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trong các dự án đã được Quốc hội chấp thuận chủ trương đầu tư														
2.2	Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trong các dự án đã được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư														
2.3	Diện tích đã được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chuyển mục đích sử dụng đất														
2.4	Diện tích đã được Hội đồng nhân dân tỉnh chấp thuận chuyển mục đích sử dụng đất	7.34	1.17	1.26	1.22	0.59	0.17	2.93	-	5.68	5.68	-	Quyết định số 846/QĐ-UBND ngày 23/03/2021 của UBND tỉnh về việc thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất và giao đất cho UBND thành phố Đồng Hới để thực hiện dự án Mở rộng khuôn viên Trường Tiểu học Đồng Phú tại phường Đồng Phú, thành phố Đồng Hới; Quyết định số 1473/QĐ-UBND ngày 24/05/2021 của UBND tỉnh về việc chuyển mục đích sử dụng đất và giao đất cho Sở Văn hóa và Thể thao thực hiện dự án Hạ tầng khuôn viên tổ chức hội chợ tỉnh Quảng Bình tại phường Đức Ninh Đông, thành phố Đồng Hới (Đợt 1); Quyết định số 1799/QĐ-UBND ngày 17/06/2021 của UBND tỉnh về việc chuyển mục đích sử dụng đất và giao đất cho UBND thành phố Đồng Hới quản lý để thực hiện dự án Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư tại TDP 9, phường Bắc Lý, TP Đồng Hới (Đợt 1); Quyết định số 2200/QĐ-UBND ngày 15/07/2021 của UBND tỉnh về việc thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất và giao đất cho UBND thành phố Đồng Hới quản lý để thực hiện dự án Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư tại TDP 9 (giai đoạn 2), phường Bắc Lý, TP Đồng Hới - Đợt 1; Quyết định số 1886/QĐ-UBND ngày 25/06/2021 của UBND tỉnh về việc chuyển mục đích sử dụng đất và giao đất cho Liên danh Tổng Công ty Xây dựng số 1-CTCP và Công ty Cổ phần xây dựng số 1 Việt Phong để thực hiện Dự án Khu nhà ở thương mại phía Đông sông Lệ Kỳ, phường Phú Hải, thành phố Đồng Hới (Đợt 3); Quyết định số 3135/QĐ-UBND ngày 30/09/2021 của UBND tỉnh về việc thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất, giao đất cho Liên danh Công ty TNHH Tập đoàn Vinh Hưng (trước đây là Công ty TNHH Tư vấn và Xây dựng Vinh Hưng) và Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng hợp Miền Nam - Đại diện là Công ty TNHH Tập đoàn Vinh Hưng quản lý để thực hiện Dự án Đầu tư xây dựng Hạ tầng Công viên vui chơi giải trí thuộc khu Công viên Cầu Rao tại phường Nam Lý, thành phố Đồng Hới (Đợt 3); Quyết định số 1089/QĐ-UBND ngày 03/5/2022 của UBND tỉnh v/v chuyển mục đích sử dụng đất và giao đất cho Liên danh Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Xuân Quang và Hợp tác xã Dầu tư, Xây dựng, Quản lý và Khai thác chợ Hải An - Đại diện là Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Xuân Quang để thực hiện Dự án Khu nhà ở thương mại phía Bắc kênh Phong Thủy, phường Đồng Phú, thành phố Đồng Hới (Đợt 2); Quyết định số 1179/QĐ-UBND ngày 09/5/2022 của UBND tỉnh v/v thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất và cho Công ty TNHH Thái Sơn thuê đất để thực hiện Dự án Showroom hàng nội thất và vật liệu xây dựng tại phường Nam Lý, thành phố Đồng Hới; Quyết định số 2497/QĐ-UBND ngày 16/9/2022 của UBND tỉnh về việc chuyển mục đích sử dụng đất và giao đất cho Trường CDKT Công - Nông nghiệp QB để xây dựng Hạ tầng Kỹ thuật khu mở rộng khuôn viên tại phường Nam Lý; Quyết định số 2610/QĐ-UBND ngày 27/9/2022 của UBND tỉnh về việc chuyển mục đích sử dụng đất và giao đất cho UBND TP Đồng Hới quản lý để thực hiện Dự án Kê biển Hải thành Quang Phú; Quyết định số 2672/QĐ-UBND ngày 30/9/2022 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc chuyển mục đích sử dụng đất và cho Công ty TNHH Thương mại may Thăng Long thuê đất để thực hiện dự án Siêu thị mini tại phường Bắc Nghĩa		
2.5	Diện tích đã chuyển mục đích sử dụng đất trong các trường hợp còn lại														
3	Diện tích đất đã được Thủ tướng Chính phủ, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh cho phép chuyển mục đích sử dụng đất nhưng sau 03 năm không thực hiện														
4	Diện tích đất còn lại chưa chuyển mục đích sử dụng đất (4 = 1 - 2 + 3)	828.4	64.54	36.34	109.58	32.24	75.19	60.70	449.81	30.63	11.13	19.50	0.00		

BẢNG 02 (Kèm theo Mẫu số 03a, 03b, 03c): TỔNG HỢP KẾT QUẢ CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA, ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ, ĐẤT RỪNG ĐẶC DỤNG THEO QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN NĂM 2030 HUYỆN MINH HÓA, TỈNH QUẢNG BÌNH

(Kèm theo Tờ trình số: 1260 /TTr-UBND ngày 25 tháng 5 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình)



STT	Hạng mục	Đất trồng lúa (ha)	Đất rừng phòng hộ (ha)	Đất rừng đặc dụng (ha)	Ghi chú (Ghi số, thời gian, thẩm quyền, trích yếu văn bản)
		Toàn huyện	Toàn huyện	Toàn huyện	
1	Chỉ tiêu đã được phê duyệt theo Quy hoạch sử dụng đất	95.21	92.47	0	Quyết định số 1348/QĐ-UBND ngày 12/5/2021 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 huyện Minh Hóa
2	Kết quả thực hiện				
2.1	Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trong các dự án đã được Quốc hội chấp thuận chủ trương đầu tư				
2.2	Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trong các dự án đã được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư				
2.3	Diện tích đã được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chuyển mục đích sử dụng đất				
2.4	Diện tích đã được Hội đồng nhân dân tỉnh chấp thuận chuyển mục đích sử dụng đất				
2.5	Diện tích đã chuyển mục đích sử dụng đất trong các trường hợp còn lại				
3	Diện tích đất đã được Thủ tướng Chính phủ, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh cho phép chuyển mục đích sử dụng đất nhưng sau 03 năm không thực hiện				
4	Diện tích đất còn lại chưa chuyển mục đích sử dụng đất (4 = 1 - 2 + 3)	95.21	92.47	0	

BẢNG 02 (Kèm theo Mẫu số 03a, 03b, 03c): TỔNG HỢP KẾT QUẢ CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA, ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ, ĐẤT RỪNG ĐẶC DỤNG THEO QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN NĂM 2030 HUYỆN TUYỀN HÓA, TỈNH QUẢNG BÌNH

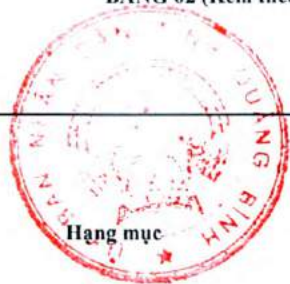
(Kèm theo Tờ trình số: **2324** /TTr-UBND ngày **06** tháng **12** năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình)



STT		Đất trồng lúa (ha)				Đất rừng phòng hộ (ha)	Đất rừng đặc dụng (ha)	Ghi chú (Ghi số, thời gian, thẩm quyền, trích yếu văn bản)
		Toàn huyện	Trong đó			Toàn huyện	Toàn huyện	
			TT Đồng Lê	Xã Thanh Hóa	Các xã còn lại			
1	Chỉ tiêu đã được phê duyệt theo Quy hoạch sử dụng đất	171.66	19.70	3.49	148.47	41.80	0	Quyết định số 1284/QĐ-UBND ngày 10/5/2021 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 huyện Tuyên Hóa
2	Kết quả thực hiện	2.08	1.90	0.18				
2.1	Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trong các dự án đã được Quốc hội chấp thuận chủ trương đầu tư							
2.2	Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trong các dự án đã được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư							
2.3	Diện tích đã được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chuyển mục đích sử dụng đất							
2.4	Diện tích đã được Hội đồng nhân dân tỉnh chấp thuận chuyển mục đích sử dụng đất	2.08	1.90	0.18				Quyết định số 3053/QĐ-UBND ngày 23/9/2021 của UBND tỉnh về việc chuyển mục đích sử dụng đất và giao đất cho UBND huyện TH quản lý thực hiện dự án phát triển quỹ đất tại tiểu khu Đồng Văn, TT Đồng Lê; Quyết định số 2392/QĐ-UBND ngày 29/7/2021 của UBND tỉnh về việc chuyển mục đích sử dụng đất và giao đất cho UBND huyện Tuyên Hóa quản lý để thực hiện dự án phát triển quỹ đất tại tiểu khu Tam Đồng, thị trấn Đồng Lê (giai đoạn 1)- Đợt 1; Quyết định số 2418/QĐ-UBND ngày 30/7/2021 của UBND tỉnh về việc chuyển mục đích và giao đất cho Lữ đoàn 134-Bộ Tư lệnh Thông tin.
2.5	Diện tích đã chuyển mục đích sử dụng đất trong các trường hợp còn lại							
3	Diện tích đất đã được Thủ tướng Chính phủ, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh cho phép chuyển mục đích sử dụng đất nhưng sau 03 năm không thực hiện							
4	Diện tích đất còn lại chưa chuyển mục đích sử dụng đất (4 = 1 - 2 + 3)	169.58	17.80	3.31	148.47	41.80	0	

BẢNG 02 (Kèm theo Mẫu số 03a, 03b, 03c): TỔNG HỢP KẾT QUẢ CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA, ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ, ĐẤT RỪNG ĐẶC DỤNG THEO QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN NĂM 2030 HUYỆN QUẢNG TRẠCH, TỈNH QUẢNG BÌNH

(Kèm theo Tờ trình số: 2344 /TTr-UBND ngày 06 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình)



STT	Hạng mục	Đất trồng lúa (ha)					Đất rừng phòng hộ (ha)	Đất rừng đặc dụng (ha)	Ghi chú (Ghi số, thời gian, thẩm quyền, trích yếu văn bản)	
		Toàn huyện	Trong đó				Toàn huyện	Toàn huyện		
			Xã Quảng Hưng	Xã Quảng Tùng	Xã Quảng Phú	Xã Quảng Thanh				Các xã còn lại
1	Chỉ tiêu đã được phê duyệt theo Quy hoạch sử dụng đất	731.13	99.51	63.88	116.52	57.55	393.67	55.80	0	Quyết định số 1283/QĐ-UBND ngày 10/5/2021 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 huyện Quảng Trạch
2	Kết quả thực hiện	12.08	3.58	3.84	1.99	2.67				
2.1	Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trong các dự án đã được Quốc hội chấp thuận chủ trương đầu tư									
2.2	Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trong các dự án đã được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư									
2.3	Diện tích đã được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chuyển mục đích sử dụng đất									
2.4	Diện tích đã được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh chấp thuận chuyển mục đích sử dụng đất	12.08	3.58	3.84	1.99	2.67				Quyết định số 2197/QĐ-UBND ngày 15/7/2021 của UBND tỉnh về việc thu hồi đất, chuyển mục đích và giao đất cho Trường THPT Quang Trung để mở rộng khuôn viên Trường THPT Quang Trung tại xã Quảng Phú; Quyết định 2827/QĐ-UBND ngày 31/8/2021 của UBND tỉnh về việc thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất và giao đất cho UBND huyện Quảng Trạch quản lý để thực hiện dự án Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư Đồng Kênh, xã Quảng Hưng, huyện Quảng Trạch - Đợt 1; Quyết định số 984/QĐ-UBND ngày 05/4/2021 của UBND tỉnh về việc thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất và cho Công ty CP Sản xuất vật liệu và Xây dựng Minh Sơn thuê đất thực hiện dự án Trung tâm Dịch vụ thể thao và Trường Mầm non Bình Minh; Quyết định số 375/QĐ-UBND ngày 10/02/2022 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc chuyển mục đích sử dụng đất và giao đất cho UBND huyện Quảng Trạch quản lý để thực hiện dự án Hạ tầng KT Quy hoạch chi tiết khu dân cư Đồng Nương, thôn Phú Lộc 3, xã Quảng Phú, huyện Quảng Trạch; Quyết định số 374/QĐ-UBND ngày 10/02/2022 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc chuyển mục đích sử dụng đất và giao đất cho UBND huyện Quảng Trạch quản lý để thực hiện dự án Hạ tầng KT Quy hoạch chi tiết khu dân cư thôn Tân An, xã Quảng Thanh, huyện Quảng Trạch; Quyết định số 1076/QĐ-UBND ngày 15/7/2021 của UBND tỉnh về việc chuyển mục đích sử dụng đất và giao đất cho UBND huyện Quảng Trạch quản lý để thực hiện Dự án Hạ tầng Khu dân cư Đồng Ràng, thôn Di Lộc, xã Quảng Tùng, huyện Quảng Trạch (Đợt 1)
2.5	Diện tích đã chuyển mục đích sử dụng đất trong các trường hợp còn lại									
3	Diện tích đã được Thủ tướng Chính phủ, Hội đồng nhân dân tỉnh cho phép chuyển mục đích sử dụng đất nhưng sau 3 năm không thực hiện									
4	Diện tích đất còn lại chưa chuyển mục đích sử dụng đất (4=1-2+3)	719.05	95.93	60.04	114.53	54.88	393.67	55.80	0	

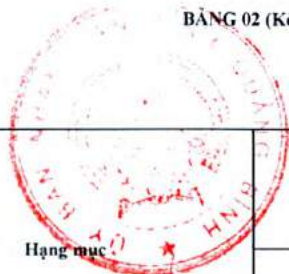
BẢNG 02 (Kèm theo Mẫu số 03a, 03b, 03c): TỔNG HỢP KẾT QUẢ CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA, ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ, ĐẤT RỪNG ĐẶC DỤNG THEO QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN NĂM 2030 THỊ XÃ BA ĐỒN, TỈNH QUẢNG BÌNH

(Kèm theo Tờ trình số: **2329**/TTr-UBND ngày **06** tháng **12** năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình)

STT	Hạng mục	Đất trồng lúa (ha)								Đất rừng phòng hộ (ha)			Đất rừng đặc dụng (ha)	Ghi chú (Ghi số, thời gian, thẩm quyền, trích yếu văn bản)
		Toàn thị xã	Trong đó							Toàn thị xã	Trong đó		Toàn thị xã	
			Phường Quảng Long	Phường Quảng Phong	Xã Quảng Lộc	Xã Quảng Tân	Xã Quảng Tiên	Xã Quảng Hòa	Các xã, phường còn lại		Phường Quảng Phúc	Các xã, phường còn lại		
1	Chỉ tiêu đã được phê duyệt theo Quy hoạch sử dụng đất	1,108.82	122.53	98.82	132.22	65.51	44.13	89.62	555.99	246.38	19.61	226.77	0	Quyết định số 1393/QĐ-UBND ngày 17/5/2021 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 thị xã Ba Đồn
2	Kết quả thực hiện	13.07	2.44	0.30	0.09	0.07	3.67	6.50	0.00	3.61	3.61	0.00		
2.1	Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trong các dự án đã được Quốc hội chấp thuận chủ trương đầu tư													
2.2	Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trong các dự án đã được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư													
2.3	Diện tích đã được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chuyển mục đích sử dụng đất													
2.4	Diện tích đã được Hội đồng nhân dân tỉnh chấp thuận chuyển mục đích sử dụng đất	13.07	2.44	0.30	0.09	0.07	3.67	6.50	0.00	3.61	3.61	0.00	Quyết định số 136/QĐ-UBND ngày 13/01/2021 của UBND tỉnh về việc thu hồi, chuyển mục đích sử dụng đất và giao đất cho UBND phường Quảng Phong quản lý để nâng cấp tuyến đường lấy lợi tại phường Quảng Phong, thị xã Ba Đồn; Quyết định số 3753/QĐ-UBND ngày 18/11/2021 của UBND tỉnh về việc chuyển mục đích đất và giao đất cho UBND thị xã Ba Đồn để thực hiện dự án Phát triển quỹ đất tại Khu dân cư Đồng Côn Trót, Tổ dân phố Chính Trực, phường Quảng Long, thị xã Ba Đồn (Đợt 1); Quyết định số 1075/QĐ-UBND ngày 02/05/2022 của UBND tỉnh về việc chuyển mục đích sử dụng đất và giao đất cho UBND thị xã Ba Đồn quản lý để thực hiện Dự án Hạ tầng khu dân cư dọc tuyến đường trục chính từ Quốc lộ 12A đi cụm trung tâm các xã vùng Nam, thị xã Ba Đồn (Đợt 1); Quyết định số 1081/QĐ-UBND ngày 02/05/2022 của UBND tỉnh về việc thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất và giao đất cho Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Bình quản lý để xây dựng công trình Đường từ phía Nam cầu Quảng Hải đi Lạc Giao thuộc Dự án Hạ tầng cơ bản cho phát triển toàn diện các tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình và Quảng Trị - Tiểu dự án tỉnh Quảng Bình tại các xã: Quảng Lộc, Quảng Tân, Quảng Tiên - thị xã Ba Đồn (Đợt 2); Quyết định số 524/QĐ-UBND ngày 25/02/2022 của UBND tỉnh về việc thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất và giao đất cho Giáo xứ Tân Mỹ xây dựng Nhà thờ Giáo xứ Tân Mỹ tại phường Quảng Phúc, thị xã Ba Đồn	
2.5	Diện tích đã chuyển mục đích sử dụng đất trong các trường hợp còn lại													
3	Diện tích đất đã được Thủ tướng Chính phủ, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh cho phép chuyển mục đích sử dụng đất nhưng sau 03 năm không thực hiện													
4	Diện tích đất còn lại chưa chuyển mục đích sử dụng đất (4 = 1 - 2 + 3)	1,095.75	120.09	98.52	132.13	65.44	40.46	83.12	555.99	242.77	16.00	226.77	0	

BẢNG 02 (Kèm theo Mẫu số 03a, 03b, 03c): TỔNG HỢP KẾT QUẢ CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA, ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ, ĐẤT RỪNG ĐẶC DỤNG THEO QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN NĂM 2030 HUYỆN BỐ TRẠCH, TỈNH QUẢNG BÌNH

(Kèm theo Tờ trình số: 2324 TTr-UBND ngày 06 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình)



STT	Hạng mục	Đất trồng lúa (ha)												Đất rừng phòng hộ (ha)	Đất rừng đặc dụng (ha)	Ghi chú (Ghi số, thời gian, thẩm quyền, trích yếu văn bản)
		Toàn huyện	Trong đó											Toàn huyện	Toàn huyện	
			Thị trấn Phong Nha	Thị trấn Hoàn Lão	Xã Lâm Trạch	Xã Liên Trạch	Xã Đại Trạch	xã Hưng Trạch	xã Tây Trạch	xã Hạ Trạch	xã Bắc Trạch	xã Trung Trạch	Các xã, thị trấn còn lại			
1	Chỉ tiêu đã được phê duyệt theo Quy hoạch sử dụng đất	1.670.93	204.68	124.43	11.03	34.04	177.94	73.85	76.14	61.10	54.94	164.99	687.79	14.72	0	Quyết định số 1282/QĐ-UBND ngày 10/5/2021 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 huyện Bố Trạch
2	Kết quả thực hiện	11.04	3.08	3.05	0.01	0.10	0.73	0.28	3.01	0.20	0.29	0.29	0.00			
2.1	Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trong các dự án đã được Quốc hội chấp thuận chủ trương đầu tư															
2.2	Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trong các dự án đã được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư															
2.3	Diện tích đã được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chuyển mục đích sử dụng đất															
2.4	Diện tích đã được Hội đồng nhân dân tỉnh chấp thuận chuyển mục đích sử dụng đất	11.04	3.08	3.05	0.01	0.10	0.73	0.28	3.01	0.20	0.29	0.29	0.00			Quyết định số 986/QĐ-UBND ngày 26/3/2021 của UBND tỉnh về việc thu hồi, chuyển mục đích sử dụng đất và cho Công ty TNHH Du lịch sinh thái Phong Nha thuê đất (đợt 1); Quyết định số 987/QĐ-UBND ngày 26/3/2021 của UBND tỉnh về việc thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất và giao đất cho UBND huyện Bố Trạch để thực hiện dự án Hạ tầng phát triển quỹ đất ở ngã Ba thị trấn Hoàn Lão (đợt 1); Quyết định số 1024/QĐ-UBND ngày 8/4/2021 của UBND tỉnh về việc thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất và giao đất cho UBND xã Lâm Trạch quản lý để tạo quỹ đất ở; Quyết định 2228/QĐ-UBND ngày 16/7/2021 của UBND tỉnh về việc thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất và giao đất cho UBND xã Liên Trạch quản lý và tạo quỹ đất ở; Quyết định 2762/QĐ-UBND ngày 5/7/2021 của UBND huyện Bố Trạch về việc chuyển mục đích sử dụng đất và cho ông Hoàng Văn Bình thuê đất; Quyết định số 2761/QĐ-UBND ngày 5/7/2021 của UBND huyện Bố Trạch về việc thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất và cho ông Hoàng Ngọc Linh thuê đất; Quyết định số 4229/QĐ-UBND ngày 22/12/2021 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất và giao đất cho UBND xã Trung Trạch để phát triển quỹ đất; Quyết định số 4146/QĐ-UBND ngày 15/12/2021 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất và giao đất cho UBND xã Hưng Trạch để phát triển quỹ đất; Quyết định 2711/QĐ-UBND ngày 05/10/2022 của UBND tỉnh về việc thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất và cho Công ty TNHH Xây dựng Tổng hợp Phú Lâm thuê đất; Quyết định 1770/QĐ-UBND ngày 28/6/2022 của UBND tỉnh về việc thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất và giao đất cho UBND xã Bắc Trạch để phát triển quỹ đất ở; Quyết định 521/QĐ-UBND ngày 25/02/2022 của UBND tỉnh về việc thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất và giao đất cho UBND xã Trung Trạch để phát triển quỹ đất; Quyết định 1605/QĐ-UBND ngày 15/6/2022 của UBND tỉnh về việc thu hồi đất của UBND xã Hạ Trạch để thực hiện đầu tư, chuyển quyền sử dụng đất thực hiện dự án đầu tư; Quyết định 836/QĐ-UBND ngày 31/3/2022 của UBND tỉnh về việc thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất và giao đất cho UBND huyện Bố Trạch quản lý để thực hiện dự án Cầu Sóng Trươi.
2.5	Diện tích đã chuyển mục đích sử dụng đất trong các trường hợp còn lại															
3	Diện tích đất đã được Thủ tướng Chính phủ, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh cho phép chuyển mục đích sử dụng đất nhưng sau 03 năm không thực hiện															
4	Diện tích đất còn lại chưa chuyển mục đích sử dụng đất (4 = 1 - 2 + 3)	1.659.89	201.60	121.38	11.02	33.94	177.21	73.57	73.13	60.90	54.65	164.70	687.79	14.72	0	

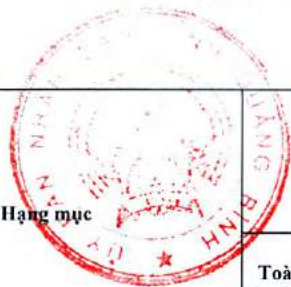
BẢNG 02 (Kèm theo Mẫu số 03a, 03b, 03c): TỔNG HỢP KẾT QUẢ CHUYÊN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA, ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ, ĐẤT RỪNG ĐẶC DỤNG THEO QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN NĂM 2030 HUYỆN LỆ THỦY, TỈNH QUẢNG BÌNH

(Kèm theo Tờ trình số: 23/4 Tr-UBND ngày 05 tháng 4 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình)

STT	Hạng mục	Đất trồng lúa (ha)												Đất rừng phòng hộ (ha)			Đất rừng đặc dụng (ha)	Ghi chú (Ghi số, thời gian, thẩm quyền, trích yếu văn bản)		
		Toàn huyện	Trong đó											Toàn huyện	Trong đó				Toàn huyện	
			TTNT Lệ Ninh	Xã An Thủy	Xã Hồng Thủy	Xã Lộc Thủy	Xã Phong Thủy	Xã Phú Thủy	TT Kiên Giang	Xã Dương Thủy	Xã Mai Thủy	Xã Mỹ Thủy	Các xã, thị trấn còn lại		Xã Hồng Thủy	Xã Ngư Thủy Bắc				Các xã, thị trấn còn lại
1	Chỉ tiêu đã được phê duyệt theo Quy hoạch sử dụng đất	1.702.41	20.36	92.28	53.87	81.80	218.25	65.21	97.47	48.66	115.66	54.05	854.80	79.64	0.12	18.23	61.29	0	Quyết định số 1278/QĐ-UBND ngày 07/5/2021 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 huyện Lệ Thủy	
2	Kết quả thực hiện	6.22	0.17	1.05	0.41	0.22	3.91	0.42	0.01	0.01	0.01	0.01	0.00	3.75	0.12	3.63				
2.1	Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trong các dự án đã được Quốc hội chấp thuận chủ trương đầu tư																			
2.2	Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trong các dự án đã được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư																			
2.3	Diện tích đã được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chuyển mục đích sử dụng đất																			
2.4	Diện tích đã được Hội đồng nhân dân tỉnh chấp thuận chuyển mục đích sử dụng đất	6.22	0.17	1.05	0.41	0.22	3.91	0.42	0.01	0.01	0.01	0.01	0.00	3.75	0.12	3.63				Quyết định số 318/QĐ-UBND ngày 28/1/2021 của UBND tỉnh về việc chuyển mục đích và cho Công ty Cổ phần Điện gió BT1 thuê đất để thực hiện dự án Trang trại điện gió BT1 tại xã An Thủy, Phú Thủy, Hồng Thủy (đợt 2); Quyết định số 318/QĐ-UBND ngày 28/1/2021 của UBND tỉnh về việc chuyển mục đích và cho Công ty Cổ phần Điện gió BT1 thuê đất để thực hiện dự án Trang trại điện gió BT1 tại xã An Thủy, Phú Thủy, Hồng Thủy (đợt 2); Quyết định số 321/QĐ-UBND ngày 28/01/2022 của UBND tỉnh về việc chuyển mục đích sử dụng đất và giao đất cho Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất huyện Lệ Thủy quản lý để thực hiện bổ trợ tài chính cơ bản của dự án Khu liên niệm Đua tương V8 Nguyễn Giáp (Gian đoạn 1) tại xã Lộc Thủy, huyện Lệ Thủy (Đã được điều chỉnh tại Quyết định số 2116/QĐ-UBND ngày 03/8/2022 của UBND tỉnh); Quyết định số 1889/QĐ-UBND ngày 25/6/2021 của UBND tỉnh về việc chuyển mục đích và cho Công ty Cổ phần Điện gió BT3 thuê đất để thực hiện Trang trại điện gió BT2 - giai đoạn 2 tại xã Cam Thủy, Hương Thủy, Ngư Thủy Bắc, huyện Lệ Thủy; Quyết định số 2573/QĐ-UBND ngày 13/08/2021 của UBND tỉnh về việc chuyển mục đích sử dụng đất và giao đất cho UBND huyện Lệ Thủy quản lý để thực hiện dự án phát triển quỹ đất xã Phong Thủy, huyện Lệ Thủy; Quyết định số 2696/QĐ-UBND ngày 23/08/2021 của UBND tỉnh về việc chuyển mục đích sử dụng đất và giao đất cho UBND TTNT Lệ Ninh quản lý để tạo quỹ đất ở tại TTNT Lệ Ninh; Quyết định số 2956/QĐ-UBND ngày 13/09/2021 của UBND tỉnh về việc thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất và giao đất cho UBND xã Phong Thủy quản lý để tạo quỹ đất ở ven cư tại xã Phong Thủy; Quyết định số 1915/QĐ-UBND ngày 11/7/2022 của UBND tỉnh về việc chuyển mục đích sử dụng đất và giao đất cho UBND xã An Thủy quản lý để tạo quỹ đất ở đầu giờ quyền sử dụng đất tại xã An Thủy; Quyết định số 2098/QĐ-UBND ngày 22/7/2022 của UBND tỉnh về việc chuyển mục đích sử dụng đất và giao đất cho Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh Quảng Bình để xây dựng doanh trại Ban chỉ huy quân sự huyện Lệ Thủy tại xã Mai Thủy; Quyết định số 1914/QĐ-UBND ngày 11/7/2022 của UBND tỉnh về việc chuyển mục đích sử dụng đất và giao đất cho UBND xã Mỹ Thủy quản lý để tạo quỹ đất ở đây giờ quyền sử dụng đất tại xã Mỹ Thủy; Quyết định số 2271/QĐ-UBND ngày 22/8/2022 của UBND tỉnh về việc thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất và giao đất cho UBND huyện quản lý để thực hiện dự án cầu Lộc Thủy - An Thủy và đường hạ tầng cầu tại xã An Thủy; Quyết định số 2656/QĐ-UBND ngày 29/9/2022 của UBND tỉnh về việc chuyển mục đích sử dụng đất và giao đất cho UBND Dương Thủy quản lý tại xã Dương Thủy; Quyết định số 2756/QĐ-UBND ngày 11/10/2022 của UBND tỉnh về việc chuyển mục đích sử dụng đất và cho Công ty TNHH Xây dựng tổng hợp Hoàng Hòa thuê đất để thực hiện dự án Nhà hàng ẩm thực và khu cafe sân vườn tại thị trấn Kiên Giang, huyện Lệ Thủy
2.5	Diện tích đã chuyển mục đích sử dụng đất trong các trường hợp còn lại																			
3	Diện tích đất đã được Thủ tướng Chính phủ, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh cho phép chuyển mục đích sử dụng đất nhưng sau 03 năm không thực hiện																			
4	Diện tích đất còn lại chưa chuyển mục đích sử dụng đất (4 = 1 - 2 + 3)	1696.19	20.19	91.23	53.46	81.58	214.34	64.79	97.46	48.65	115.65	54.04	854.80	75.89	0	14.60	61.29	0		

BẢNG 02 (Kèm theo Mẫu số 03a, 03b, 03c): TỔNG HỢP KẾT QUẢ CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA, ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ, ĐẤT RỪNG ĐẶC DỤNG THEO QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN NĂM 2030 HUYỆN QUẢNG NINH, TỈNH QUẢNG BÌNH

(Kèm theo Tờ trình số: 23/4 /TTr-UBND ngày 06 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình)



STT	Hàng mục	Đất trồng lúa (ha)								Đất rừng phòng hộ (ha)				Đất rừng đặc dụng (ha)	Ghi chú (Ghi số, thời gian, thẩm quyền, trích yếu văn bản)
		Toàn huyện	Trong đó							Toàn huyện	Trong đó				
			TT Quán Hầu	Xã Vĩnh Ninh	Xã Hiền Ninh	Xã Xuân Ninh	Xã Duy Ninh	Xã Trường Xuân	Các xã còn lại		Xã Võ Ninh	Xã Hải Ninh	Các xã, thị trấn còn lại		
1	Chỉ tiêu đã được phê duyệt theo Quy hoạch sử dụng đất	690.77	38.55	55.87	37.25	26.47	58.07	6.40	468.16	29.84	1.44	1.18	27.22	0	Quyết định số 1281/QĐ-UBND ngày 10/5/2021 của UBND tỉnh về việc phê duyệt quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và kế hoạch sử dụng đất năm 2021 huyện Quảng Ninh
2	Kết quả thực hiện	2.23	0.19	0.66	0.38	0.47	0.43	0.10		2.42	1.34	1.08			
2.1	Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trong các dự án đã được Quốc hội chấp thuận chủ trương đầu tư														
2.2	Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trong các dự án đã được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư									2.42	1.34	1.08			Quyết định số 2381/QĐ-UBND ngày 29/7/2021 của UBND tỉnh về việc thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất và giao đất cho Sở kế hoạch đầu tư để thực hiện công trình Đường du lịch Đinh Mười, huyện Quảng Ninh thuộc dự án Hạ tầng cơ bản cho phát triển toàn diện các tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình và Quảng Trị - Tiểu dự án tỉnh Quảng Bình tại xã Võ Ninh và xã Hải Ninh, huyện Quảng Ninh (Đợt 1)
2.3	Diện tích đã được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chuyển mục đích sử dụng đất														
2.4	Diện tích đã được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh chấp thuận chuyển mục đích sử dụng đất	2.23	0.19	0.66	0.38	0.47	0.43	0.10							Quyết định số 1118/QĐ-UBND ngày 19/4/2021 của UBND tỉnh về việc chuyển mục đích sử dụng đất và giao đất cho UBND huyện Quảng Ninh để xây dựng HTKT KDC Đồng Hạng (giai đoạn 1) tại thị trấn Quán Hầu, huyện Quảng Ninh- Đợt 2; Quyết định số 2308/QĐ-UBND ngày 23/7/2021 của UBND tỉnh về việc thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất và giao đất cho UBND huyện Quảng Ninh thực hiện dự án HTKT tạo quỹ đất tại xã Vĩnh Ninh, huyện Quảng Ninh (đợt 1); Quyết định số 2067/QĐ-UBND ngày 7/7/2021 của UBND tỉnh về việc thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất và giao đất cho UBND xã Hiền Ninh quản lý để tạo quỹ đất ở tại xã Hiền Ninh, huyện Quảng Ninh. Quyết định số 3783/QĐ-UBND ngày 23/11/2021 của UBND tỉnh về việc chuyển mục đích sử dụng đất và giao đất cho UBND xã Xuân Ninh quản lý để tạo quỹ đất ở tại xã Xuân Ninh, huyện Quảng Ninh (đợt 1). Quyết định số 516/QĐ-UBND ngày 8/2/2021 của UBND tỉnh về việc thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất và giao đất cho UBND xã Duy Ninh quản lý để tạo quỹ đất ở tại thôn Hiền Lộc, xã Duy Ninh, huyện Quảng Ninh. Quyết định số 4753/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND tỉnh về việc thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất và giao đất cho UBND xã Xuân Ninh quản lý để tạo quỹ đất ở tại xã Xuân Ninh, huyện Quảng Ninh; Quyết định số 1514/QĐ-UBND ngày 08/06/2022 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc chuyển mục đích sử dụng đất và giao đất cho UBND huyện Quảng Ninh quản lý để thực hiện công trình Đường tránh sau khu du lịch núi Thần Đinh xã Trường Xuân, huyện Quảng Ninh tại xã An Ninh và xã Trường Xuân, huyện Quảng Ninh
2.5	Diện tích đã chuyển mục đích sử dụng đất trong các trường hợp còn lại														
3	Diện tích đã được Thủ tướng Chính phủ, Hội đồng nhân dân tỉnh cho phép chuyển mục đích sử dụng đất nhưng sau 3 năm không thực hiện														
4	Diện tích đất còn lại chưa chuyển mục đích sử dụng đất (4=1-2+3)	688.54	38.36	55.21	36.87	26.00	57.64	6.30	468.16	27.42	0.1	0.1	27.22	0	

Số: /NQ-HĐND

Quảng Bình, ngày tháng năm 2022

NGHỊ QUYẾT

**Thông qua bổ sung, điều chỉnh danh mục dự án thu hồi đất,
chuyển mục đích sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Quảng Bình**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH
KHOÁ XVIII, KỲ HỌP THỨ 8**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

*Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;*

*Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính
phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;*

*Căn cứ Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của
Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;*

*Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12 tháng 4 năm 2021 của
Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch,
kế hoạch sử dụng đất;*

*Căn cứ Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2021 của
Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi bổ sung một số điều của các thông tư quy
định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;*

*Căn cứ Quyết định số 2028/QĐ-BTNMT ngày 22 tháng 10 năm 2021 của
Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc đính chính Thông tư số 09/2021/TT-
BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi
bổ sung một số điều của các thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành
Luật Đất đai;*

*Qua xem xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2022 của Ủy
ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Nghị quyết bổ
sung, điều chỉnh danh mục dự án thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất trên địa
bàn tỉnh Quảng Bình; sau khi nghe báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách
và ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp,*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Bổ sung, điều chỉnh 270 dự án với tổng diện tích 761,29 ha, trong
đó: 134,06 ha đất trồng lúa; 4,82 ha đất rừng phòng hộ và 622,41 ha các loại đất
khác. Cụ thể:

1. Bổ sung mới 214 dự án thu hồi đất theo quy định tại khoản 3 Điều 62 của Luật Đất đai (bao gồm 128 dự án thu hồi đất và 86 dự án thu hồi đất, đồng thời chuyển mục đích đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 58 Luật Đất đai năm 2013). Tổng diện tích sử dụng đất 569,58 ha, trong đó: 90,96 ha đất trồng lúa; 3,48 ha đất rừng phòng hộ và 475,14 ha các loại đất khác.

(Chi tiết tại Phụ lục 1 kèm theo)

2. Bổ sung mới 10 dự án chuyển mục đích đất trồng lúa theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 58 Luật Đất đai năm 2013. Tổng diện tích sử dụng đất 5,25 ha, trong đó: 4,50 ha đất trồng lúa và 0,75 ha các loại đất khác.

(Chi tiết tại Phụ lục 2 kèm theo)

3. Điều chỉnh 46 dự án đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua với tổng diện tích sau điều chỉnh là 186,46 ha, trong đó: 38,60 ha đất trồng lúa; 1,34 ha đất rừng phòng hộ và 146,52 ha các loại đất khác.

(Chi tiết có phụ lục 3 kèm theo)

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này; giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình khóa XVIII kỳ họp thứ 8 thông qua ngày tháng năm 2022 và có hiệu lực 03 năm kể từ ngày ký ban hành./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các Ban và các đại biểu của HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các huyện, thành phố, thị xã;
- Báo Quảng Bình; Đài PT-TH Quảng Bình;
- Trung tâm Tin học - Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, TH.

CHỦ TỊCH

Trần Hải Châu

Phụ lục 1
BỔ SUNG DANH MỤC DỰ ÁN THU HỒI ĐẤT, CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT
(Kèm theo Nghị quyết số: /NQ-HĐND ngày tháng năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình)

Đơn vị tính: ha

STT	Tên công trình, dự án	Vị trí thực hiện dự án		Diện tích đất thực hiện dự án	Trong đó		
		Xã, phường, thị trấn	Thành phố, thị xã, huyện		Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Các loại đất khác
A. CÁC DỰ ÁN THU HỒI ĐẤT ĐỒNG THỜI CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA, ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ				375.66	90.96	3.48	281.22
I	Huyện Minh Hoá			25.12	1.08	0.81	23.23
1	Bố trí tái định cư phục vụ giải phóng mặt bằng Dự án: Đường Hồng Hóa - Yên Hóa - Quy Đạt (Giai đoạn 1)	Quy Đạt	Minh Hóa	0.10	0.08		0.02
2	Xây dựng đường Phan Bội Châu, thị trấn Quy Đạt	Quy Đạt	Minh Hóa	0.63	0.05		0.58
3	Tuyến đường nối đường Hai Bà Trưng đến Trường Mầm non số 1 thị trấn Quy Đạt, huyện Minh Hóa	Quy Đạt	Minh Hóa	1.03	0.25		0.78
4	Tuyến đường từ ngã tư trung tâm thị trấn Quy Đạt đi tổ dân phố 2, huyện Minh Hóa	Quy Đạt	Minh Hóa	1.95	0.10		1.85
5	Đầu tư xây dựng Tuyến đường xã Yên Hóa	Yên Hóa	Minh Hóa	1.25	0.20		1.05
6	Xây dựng đường dân sinh và phục vụ sản xuất từ thôn Cầu Lợi đi thôn Minh Xuân, xã Xuân Hóa	Xuân Hóa	Minh Hóa	7.38	0.14	0.81	6.43
7	Tuyến đường từ cầu Ngầm Rinh - Thanh Liêm, xã Trung Hóa, huyện Minh Hóa	Trung Hóa	Minh Hóa	6.12	0.01		6.11
8	Đường giao thông nội đồng thôn Yên Vân tại xã Hóa Tiến	Hóa Tiến	Minh Hóa	0.46	0.15		0.31
9	Kênh thoát nước chống ngập úng phía Bắc thị trấn Quy Đạt (Giai đoạn 1)	Quy Đạt	Minh Hóa	6.20	0.10		6.10
II	Huyện Tuyên Hoá			3.73	2.80		0.93
10	Đất ở tại đô thị (<i>phát triển quỹ đất các khu đất lẻ, xen kẽ trên địa bàn thị trấn Đồng Lê</i>)	Đồng Lê	Tuyên Hóa	0.19	0.04		0.15
11	Tuyến đường kết nối trực chính qua khu hạ tầng Tam Đa xã Tiến Hóa đi xã Mai Hóa	Tiến Hóa	Tuyên Hóa	1.48	1.24		0.24
12	Đường giao thông xóm Bền thôn Xuân Hạ từ cầu vượt đường sắt đến giao đường 559	Văn Hóa	Tuyên Hóa	1.50	1.06		0.44
13	Mở rộng Trường Mầm non Tiến Hóa	Tiến Hóa	Tuyên Hóa	0.25	0.20		0.05
14	Nhà văn hóa thôn Đông Tân	Tiến Hóa	Tuyên Hóa	0.11	0.11		
15	Mở rộng khuôn viên nhà văn hóa thôn Tam Đa	Tiến Hóa	Tuyên Hóa	0.20	0.15		0.05

STT	Tên công trình, dự án	Vị trí thực hiện dự án		Diện tích đất thực hiện dự án	Trong đó		
		Xã, phường, thị trấn	Thành phố, thị xã, huyện		Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Các loại đất khác
III	Huyện Quảng Trạch			7.59	4.33		3.26
16	Tạo quỹ đất ở tại xã Phù Hóa (xứ Đồng Nậy, thôn Phú Cường)	Phù Hóa	Quảng Trạch	0.39	0.24		0.15
17	Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh chợ Quảng Đông	Quảng Đông	Quảng Trạch	1.91	1.73		0.18
18	Hạ tầng kỹ thuật Khu nghĩa trang nhân dân tại xã Phù Hoá, huyện Quảng Trạch	Phù Hoá	Quảng Trạch	2.50	1.03		1.47
19	Xây dựng Sân vận động khu trung tâm xã	Quảng Đông	Quảng Trạch	1.31	1.03		0.28
20	Tuyến đường kết nối từ đường liên xã Phương - Lưu đi hồ Nước Sốt xã Quảng Lưu	Quảng Lưu	Quảng Trạch	1.48	0.30		1.18
IV	Thị xã Ba Đồn			18.06	6.69	2.03	9.34
21	HTKT Quy hoạch chi tiết Điểm dân cư khu vực dưới Hới thôn Vân Bắc, xã Quảng Hải	Quảng Hải	Ba Đồn	0.50	0.16		0.34
22	Đầu tư xây dựng đường từ phường Quảng Thọ đến trạm biên phòng cảng Gianh, phường Quảng Phúc	Quảng Phúc	Ba Đồn	3.14	0.03		3.11
23	Đường liên TDP Đơn Sa - Diên Phúc	Quảng Phúc	Ba Đồn	0.82	0.50		0.32
24	Đường Nguyễn Hữu Cảnh nối dài, đoạn từ Ngã tư Võ Nguyên Giáp đi quốc lộ 1A, thị xã Ba Đồn	Quảng Thọ	Ba Đồn	1.62	0.08		1.54
25	Trường THCS Quảng Sơn, thị xã Ba Đồn (phục vụ GPMB dự án đường bộ cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Quảng Sơn	Ba Đồn	0.70	0.61		0.09
26	Nhà thi đấu đa năng và các công trình thị xã Ba Đồn	Quảng Phong	Ba Đồn	6.08	5.31		0.77
27	Xây dựng Quảng trường biên thị xã Ba Đồn	Quảng Thọ	Ba Đồn	5.20		2.03	3.17
V	Huyện Bố Trạch			43.91	12.26	0.10	31.55
28	Đất ở tại nông thôn xã Hạ Trạch (thôn 8 (2 vị trí) 0,06 ha; thôn 7: 0,27 ha; thôn 5 0,43 ha)	Hạ Trạch	Bố Trạch	0.76	0.70		0.06
29	Đất ở tại nông thôn xã Cự Năm (thôn Nam Năm: 0,41 ha; Khu vực Đồng Lớn: 0,50 ha)	Cự Năm	Bố Trạch	0.91	0.34		0.57
30	Đất ở tại nông thôn xã Liên Trạch (thôn Phú Kinh: 0,50 ha; đất ở xen kẽ trong khu dân cư: 0,49 ha)	Liên Trạch	Bố Trạch	0.99	0.46		0.53
31	Đất ở tại nông thôn xã Trung Trạch (khu vực Cồn Quyên thôn 3: 0,5 ha; Khu vực Đồng Mỏng 5: 0,30 ha)	Trung Trạch	Bố Trạch	0.80	0.10		0.70
32	Đất ở tại nông thôn xã Đại Trạch (Khu vực Bạc Hà: 0,30 ha; Khu vực Phúc Tự Đông: 0,30 ha); (Khu vực Cồn Trùm thôn 1: 0,21 ha); (Khu vực Động Cát: 0,11 ha)	Đại Trạch	Bố Trạch	0.92	0.30		0.62

STT	Tên công trình, dự án	Vị trí thực hiện dự án		Diện tích đất thực hiện dự án	Trong đó		
		Xã, phường, thị trấn	Thành phố, thị xã, huyện		Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Các loại đất khác
33	Đất ở tại nông thôn xã Lâm Trạch (thôn 4: 0,38 ha; đất ở xen kẽ trong khu dân cư: 0,20 ha; KV sau hồi nhà ông Tím: 0,32 ha)	Lâm Trạch	Bố Trạch	0.90	0.31		0.59
34	Đất ở tại nông thôn xã Đồng Trạch (Khu vực nhà văn hóa thôn 5,6: 0,30 ha; thôn 1: 0,32 ha; thôn 5: 0,20 ha; thôn 4: 0,20 ha; thôn 2: 0,20 ha)	Đồng Trạch	Bố Trạch	1.22	1.14		0.08
35	Đất ở tại nông thôn xã Thượng Trạch (Bản Aki: 0,10 ha; Bản Cờ Đò: 0,30 ha; Bản Troi: 0,10 ha)	Thượng Trạch	Bố Trạch	0.50		0.10	0.40
36	Đất ở tại nông thôn xã Vạn Trạch (thôn Nam (KV1): 0,50 ha; thôn Bắc: 0,11 ha; thôn Sỏi: 0,20 ha; thôn Mới: 0,10 ha)	Vạn Trạch	Bố Trạch	0.91	0.44		0.47
37	Khu tái định cư khu vực Trường THCS Cự Năm (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Cự Năm	Bố Trạch	1.64	0.64		1.00
38	Tái định cư phân tán khu vực Xóm 1, thôn Tân Hội (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Liên Trạch	Bố Trạch	0.61	0.26		0.35
39	Tái định cư phân tán khu vực thôn Đông Năm, xã Cự Năm (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021 - 2025)	Cự Năm	Bố Trạch	0.80	0.40		0.40
40	Tạo quỹ đất phía Bắc cơ quan Kiểm lâm Tk4,5	Hoàn Lão	Bố Trạch	0.50	0.31		0.19
41	Đất ở tại đô thị thị trấn Phong Nha (các lô đất xen kẽ trong KDC: 0,44 ha; TDP Cù Lạc 1: 0,50 ha)	Phong Nha	Bố Trạch	0.94	0.69		0.25
42	Đường giao thông phát triển du lịch khu vực Hà Lồi - Phong Nha	Phong Nha	Bố Trạch	2.70	1.51		1.19
43	Đường nối đường tỉnh 560 đi Mỹ Sơn, xã Cự Năm	Cự Năm	Bố Trạch	1.04	0.50		0.54
44	Đường QL 1A thôn 1 đi đê Hữu Tuyến sông Gianh - lối ông Các thôn 1; Đường QL 1A thôn 1 đi đê Hữu Tuyến sông Gianh lối ông Thiện thôn 3	Bắc Trạch	Bố Trạch	0.37	0.13		0.24
45	Hạ tầng kỹ thuật nối thôn 1, thôn 9 xã Bắc Trạch, Bố Trạch, Quảng Bình	Bắc Trạch	Bố Trạch	0.93	0.42		0.51
46	Tuyến đường nối từ đường huyện Khương Hà - Cự Năm vào thôn Bắc Năm	Cự Năm	Bố Trạch	0.31	0.16		0.15
47	Tuyến đường từ trung tâm xã Tây Trạch đi đường Hồ Chí Minh huyện Bố Trạch	Tây Trạch	Bố Trạch	2.88	0.55		2.33
48	Đường giao thông liên xã từ Hoàn Lão đi Tây Trạch	Hòa Trạch, Tây Trạch	Bố Trạch	3.61	0.16		3.45
49	Hoàn thiện các tuyến đường giao thông nội thị thị trấn Hoàn Lão, huyện Bố Trạch	Hoàn Lão	Bố Trạch	2.87	0.65		2.22
50	Nâng cấp Tuyến đường liên xã Nhân Trạch - Nam Trạch và nút giao ngã tư Quốc lộ 1	Lý Trạch, Nam Trạch	Bố Trạch	4.60	0.01		4.59
51	Đường giao thông từ Quốc lộ 1 đi biển Thanh Trạch	Thanh Trạch	Bố Trạch	0.42	0.06		0.36
52	Tuyến đường liên xã Hải Phú đi Sơn Lộc (đoạn từ Sơn Lộc đi ngã ba Thọ Lộc)	Sơn Lộc, Vạn Trạch	Bố Trạch	3.84	0.03		3.81

STT	Tên công trình, dự án	Vị trí thực hiện dự án		Diện tích đất thực hiện dự án	Trong đó		
		Xã, phường, thị trấn	Thành phố, thị xã, huyện		Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Các loại đất khác
53	Xây dựng công trình đường giao thông nối các điểm du lịch từ khu nghỉ dưỡng Victory đến Oxalis (Giai đoạn I)(Thực hiện đợt 1)	Phong Nha	Bố Trạch	1.33	0.12		1.21
54	Nâng cấp các tuyến đường ngập lụt tiểu khu 3, 4 thị trấn Hoàn Lão	Hoàn Lão	Bố Trạch	0.38	0.07		0.31
55	Mở rộng khuôn viên, xây dựng hàng rào, sân bóng trường THCS Bắc Trạch	Bắc Trạch	Bố Trạch	0.43	0.41		0.02
56	Sân vận động trung tâm huyện Bố Trạch	Hoàn Lão	Bố Trạch	5.22	1.25		3.97
57	Di dời đường điện phục vụ GPMB và xây dựng khu tái định cư đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025	Liên Trạch; Cự Năm; Phú Định; Tây Trạch; Hòa Trạch; TTNT Việt Trung	Bố Trạch	0.45	0.08		0.37
58	Xây dựng nhà văn hóa thôn 5 xã Bắc Trạch	Bắc Trạch	Bố Trạch	0.13	0.06		0.07
VI	Thành phố Đồng Hới			35.50	23.81		11.69
59	Khu đô thị phía Nam phường Phú Hải (thẩm quyền cho phép chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa của Thủ tướng Chính phủ)	Phú Hải	Đồng Hới	31.50	21.34		10.16
60	Trụ sở Chi cục thống kê thành phố Đồng Hới	Nam Lý	Đồng Hới	0.18	0.12		0.06
61	Cầu thôn Ba Đa	Nghĩa Ninh	Đồng Hới	0.06	0.03		0.03
62	Xây dựng, nạo vét và gia cố kênh thoát lũ từ cầu Mệ Sói đến thôn Rẫy Cau (đoạn từ cầu Rẫy Cau đến đường Nguyễn Đóa)	Nghĩa Ninh	Đồng Hới	1.20	0.50		0.70
63	Khu thể thao và công viên xã Đức Ninh	Đức Ninh	Đồng Hới	2.28	1.78		0.50
64	Công trình hoàn thiện sơ đồ thanh cái 110kV TBA 110kV Đồng Hới	Bắc Lý	Đồng Hới	0.28	0.04		0.24
VII	Huyện Quảng Ninh			209.98	32.17	0.54	177.27
65	Phát triển quỹ đất ở tại thôn Hiên Vinh và Trung Quán, xã Duy Ninh	Duy Ninh	Quảng Ninh	0.40	0.30		0.10
66	Phát triển quỹ đất ở tại thôn Tả Phan, xã Duy Ninh	Duy Ninh	Quảng Ninh	0.37	0.37		
67	Phát triển quỹ đất ở tại thôn Trung Quán, xã Duy Ninh	Duy Ninh	Quảng Ninh	0.50	0.37		0.13
68	Phát triển quỹ đất ở thôn Bắc Ngũ, xã Gia Ninh	Gia Ninh	Quảng Ninh	0.47	0.35		0.12
69	Khu đô thị mới Lương Ninh (thẩm quyền cho phép chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa của Thủ tướng Chính phủ)	Lương Ninh	Quảng Ninh	36.42	28.89		7.53
70	Phát triển quỹ đất ở khu dân cư khu vực trung tâm xã Tân Ninh, huyện Quảng Ninh	Tân Ninh	Quảng Ninh	0.48	0.37		0.11
71	Khu đô thị Võ Ninh	Võ Ninh	Quảng Ninh	158.96		0.16	158.80
72	Phát triển quỹ đất ở xen kẽ khu dân cư, thị trấn Quán Hàu	Quán Hàu	Quảng Ninh	0.46	0.18		0.28

STT	Tên công trình, dự án	Vị trí thực hiện dự án		Diện tích đất thực hiện dự án	Trong đó		
		Xã, phường, thị trấn	Thành phố, thị xã, huyện		Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Các loại đất khác
73	Hạ tầng kỹ thuật tuyến đường D2 đô thị Dinh Mười	Gia Ninh, Võ Ninh	Quảng Ninh	8.62		0.17	8.45
74	Hạ tầng kỹ thuật tuyến đường N1 đô thị Dinh Mười	Võ Ninh	Quảng Ninh	1.74		0.21	1.53
75	Mở rộng trường học xã Võ Ninh	Võ Ninh	Quảng Ninh	1.56	1.34		0.22
VIII	Huyện Lệ Thủy			31.77	7.82		23.95
76	Đất ở tại đô thị thị trấn Nông trường Lệ Ninh	TTNT Lệ Ninh	Lệ Thủy	0.30	0.12		0.18
77	Di dời, hoàn trả hệ thống kênh mương thủy lợi bị ảnh hưởng do GPMB thực hiện dự án Đường bộ Cao tốc Bắc-Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025	Kim Thủy, Phú Thủy	Lệ Thủy	0.79	0.50		0.29
78	Xây dựng hệ thống đường giao thông các xã Trường Thủy - Dương Thủy - Thái Thủy	Dương Thủy, Thái Thủy, Trường Thủy	Lệ Thủy	9.34	0.68		8.66
79	Xây dựng tuyến đường cứu hộ cứu nạn các xã phía Nam huyện Lệ Thủy	Hưng Thủy, Tân Thủy	Lệ Thủy	4.66	0.02		4.64
80	Xây dựng hệ thống đường giao thông các xã Sơn Thủy, Hoa Thủy, thị trấn Nông trường Lệ Ninh	TTNT Lệ Ninh; Hoa Thủy, Sơn Thủy	Lệ Thủy	5.50	0.55		4.95
81	Xây dựng tuyến đường 30 nối Quốc lộ 1A với đường về nhà lưu niệm Đại tướng Võ Nguyên Giáp	Phong Thủy	Lệ Thủy	3.00	1.94		1.06
82	Xây dựng tuyến đường 30 nối Quốc lộ 1A với đường về nhà lưu niệm Đại tướng Võ Nguyên Giáp (Giai đoạn 2)	Phong Thủy	Lệ Thủy	3.35	2.50		0.85
83	Xây dựng tuyến đường từ cầu Hói Cửa xã An Thủy đi phía Tây huyện Lệ Thủy	Phú Thủy	Lệ Thủy	1.40	0.50		0.90
84	Di dời, hoàn trả hệ thống đường dây 220kV và 500kV bị ảnh hưởng do GPMB thực hiện dự án Đường bộ Cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025	Kim Thủy, Mai Thủy, Phú Thủy, Trường Thủy	Lệ Thủy	1.10	0.43		0.67
85	Di dời, hoàn trả hệ thống đường dây 22kV bị ảnh hưởng do GPMB thực hiện dự án Đường bộ Cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025	TTNT Lệ Ninh; Kim Thủy, Phú Thủy, Trường Thủy	Lệ Thủy	2.13	0.40		1.73
86	Nhà văn hóa khu vực 3, TDP Thượng Giang, thị trấn Kiến Giang	Kiến Giang	Lệ Thủy	0.20	0.18		0.02

STT	Tên công trình, dự án	Vị trí thực hiện dự án		Diện tích đất thực hiện dự án	Trong đó		
		Xã, phường, thị trấn	Thành phố, thị xã, huyện		Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Các loại đất khác
B. CÁC DỰ ÁN THU HỒI ĐẤT NHƯNG KHÔNG CHUYÊN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA, RỪNG PHÒNG HỘ, RỪNG ĐẶC DỤNG (Không có các loại đất này trong khu vực dự án)				193.92			193.92
I	Huyện Minh Hoá			5.74			5.74
1	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu định cư Ka Reng, bản K-Vi	Dân Hóa	Minh Hóa	3.00			3.00
2	Xây dựng Đường giao thông nông thôn, thôn Tân Lợi, thôn Yên Nhất, xã Yên Hóa	Yên Hóa	Minh Hóa	0.19			0.19
3	Xây dựng đường giao thông nội thôn Tiến Hóa, Hát tại xã Thượng Hóa	Thượng Hóa	Minh Hóa	0.31			0.31
4	Cầu vượt lũ Tân Lý, xã Minh Hóa, huyện Minh Hóa	Minh Hóa	Minh Hóa	0.81			0.81
5	Xây dựng đường giao thông nội thôn Ông Chinh (Tuyến từ nhà anh Yên đến cánh đồng vọt), xã Hóa Tiến	Hóa Tiến	Minh Hóa	0.32			0.32
6	Xây dựng đường giao thông nông thôn bản Bãi Dinh đoạn từ quốc lộ 12A đến nhà Ông Đình Thăng	Dân Hóa	Minh Hóa	0.16			0.16
7	Kè chống sạt lở bờ suối tại thị trấn Quy Đạt, huyện Minh Hóa	Quy Đạt	Minh Hóa	0.53			0.53
8	Kè chống sạt lở bờ suối xã Hóa Sơn, huyện Minh Hóa	Hóa Sơn	Minh Hóa	0.23			0.23
9	Kè chống sạt lở bản Dộ - Tà Vòng	Trọng Hóa	Minh Hóa	0.09			0.09
10	Xây dựng nhà văn hóa thôn Lạc Thiện, xã Minh Hóa	Minh Hóa	Minh Hóa	0.10			0.10
II	Huyện Tuyên Hoá			3.43			3.43
11	Phát triển quỹ đất khu đất lè, xen kẽ thôn Đại Sơn, xã Đồng Hóa	Đồng Hóa	Tuyên Hóa	0.30			0.30
12	Phát triển quỹ đất khu đất lè, xen kẽ tại thôn Tân Ấp, xã Hương Hóa	Hương Hóa	Tuyên Hóa	0.30			0.30
13	Phát triển quỹ đất khu đất lè, xen kẽ tại thôn Liên Sơn, xã Mai Hóa	Mai Hóa	Tuyên Hóa	0.16			0.16
14	Phát triển quỹ đất khu đất lè, xen kẽ tại thôn Nam Sơn, xã Mai Hóa (vị trí 1)	Mai Hóa	Tuyên Hóa	0.50			0.50
15	Phát triển quỹ đất khu đất lè, xen kẽ tại thôn Nam Sơn, xã Mai Hóa (vị trí 2)	Mai Hóa	Tuyên Hóa	0.24			0.24
16	Phát triển quỹ đất khu đất lè, xen kẽ tại thôn Sơn Thủy, xã Cao Quảng	Cao Quảng	Tuyên Hóa	0.45			0.45
17	Phát triển quỹ đất khu đất lè, xen kẽ tại thôn Chùa Bụt, xã Cao Quảng	Cao Quảng	Tuyên Hóa	0.45			0.45
18	Phát triển quỹ đất khu đất lè, xen kẽ tại thôn Phú Xuân, xã Cao Quảng	Cao Quảng	Tuyên Hóa	0.35			0.35
19	Đường từ xóm cây Lim đến xóm cây Trám thôn 3, xã Thanh Thạch	Thanh Thạch	Tuyên Hóa	0.28			0.28
20	Chống sạt lở mái taluy khu tái định cư thôn Đạm Thủy 1 và 2 xã Thạch Hóa, huyện Tuyên Hóa	Thạch Hóa	Tuyên Hóa	0.40			0.40
III	Huyện Quảng Trạch			1.51			1.51
21	Xây dựng trụ sở làm việc Đảng ủy, HĐND, UBND xã Quảng Lưu	Quảng Lưu	Quảng Trạch	0.36			0.36

STT	Tên công trình, dự án	Vị trí thực hiện dự án		Diện tích đất thực hiện dự án	Trong đó		
		Xã, phường, thị trấn	Thành phố, thị xã, huyện		Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Các loại đất khác
22	Nhà văn hóa, khuôn viên thôn Hùng Sơn, xã Quảng Kim	Quảng Kim	Quảng Trạch	0.24			0.24
23	Sân thể dục thể thao, đường chạy, các hạng mục phụ trợ và hàng rào bao quanh sân TDTT trường THCS xã Quảng Lưu	Quảng Lưu	Quảng Trạch	0.31			0.31
24	Xây dựng sân thể thao xã Quảng Lưu	Quảng Lưu	Quảng Trạch	0.55			0.55
25	Mở rộng khuôn viên Chùa Cảnh Phúc	Cảnh Dương	Quảng Trạch	0.05			0.05
IV	Thị xã Ba Đồn			6.62			6.62
26	Quy hoạch Chi tiết Khu dân cư khu vực dưới Quý, dưới Cường thôn Vân Trung, xã Quảng Hải	Quảng Hải	Ba Đồn	0.50			0.50
27	Điều chỉnh cục bộ quy hoạch chi tiết Khu dân cư vùng dưới Ông Cừ, Phần Tư và phần Hói Ngoài, thôn Vân Đông, xã Quảng Hải, thị xã Ba Đồn	Quảng Hải	Ba Đồn	0.21			0.21
28	Đất ở xen cư xã Quảng Minh	Quảng Minh	Ba Đồn	0.49			0.49
29	HTKT Khu dân cư phía Đông Nam phường Ba Đồn, thị xã Ba Đồn (Khu vực 2: 0,22 ha)	Ba Đồn	Ba Đồn	0.22			0.22
30	Đường phía Bắc Trường Lương Thế Vinh, phường Ba Đồn	Ba Đồn	Ba Đồn	0.17			0.17
31	Nâng cấp sửa chữa các tuyến đường nội thị phường Ba Đồn	Ba Đồn	Ba Đồn	0.10			0.10
32	Xử lý khẩn cấp hệ thống thoát nước xây dựng đường và vỉa hè từ Ngân hàng Chính sách đến Nhà văn hóa khu phố 4, phường Ba Đồn	Ba Đồn	Ba Đồn	0.45			0.45
33	Tuyến đường kết nối trung tâm thị xã Ba Đồn đi trung tâm huyện Quảng Trạch	Quảng Long	Ba Đồn	3.25			3.25
34	Hệ thống hạ tầng kỹ thuật cầu kết hợp đường hai đầu cầu qua thôn Minh Tiến, xã Quảng Minh, thị xã Ba Đồn	Quảng Minh	Ba Đồn	0.50			0.50
35	Công viên lễ hội đình làng Phan Long Ba Đồn	Ba Đồn	Ba Đồn	0.73			0.73
V	Huyện Bố Trạch			34.74			34.74
36	Tái định cư phục vụ GPMB thực hiện công trình đường từ TL 561 đi Cầu sông trước, thị trấn Hoàn Lão, huyện Bố Trạch	Tây Trạch; Hoàn Lão	Bố Trạch	0.26			0.26
37	Đất ở tại nông thôn xã Xuân Trạch (thôn 4 - 02 vị trí: 0,25 ha; điểm dân cư nông thôn thôn 6: 0,50 ha)	Xuân Trạch	Bố Trạch	0.75			0.75
38	Đất ở tại nông thôn xã Hưng Trạch (Hưng Trì thôn Khuong Hà 2: 0,48 ha; Thôn Khuong Hà 4: 0,49 ha)	Hưng Trạch	Bố Trạch	0.97			0.97
39	Đất ở tại nông thôn xã Nam Trạch (thôn Đông Thành (2 vị trí): 0,48 ha; khu vực nhà văn hóa thôn Chánh Hòa đi nhà mẹ Mai (1 vị trí): 0,25 ha)	Nam Trạch	Bố Trạch	0.73			0.73
40	Đất ở tại nông thôn xã Thanh Trạch (thôn Tiên Phong: 0,4 ha; dãy 2 cầu Khe Nước: 0,30 ha; Đất ở xen kẽ trong khu dân cư: 0,10 ha)	Thanh Trạch	Bố Trạch	0.80			0.80

STT	Tên công trình, dự án	Vị trí thực hiện dự án		Diện tích đất thực hiện dự án	Trong đó		
		Xã, phường, thị trấn	Thành phố, thị xã, huyện		Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Các loại đất khác
41	Đất ở tại nông thôn xã Đức Trạch (xen kẽ 0,50 ha; thôn Đức Trung: 0,33 ha; Nam Đức: 0,13 ha; Trung Đức: 0,03 ha)	Đức Trạch	Bố Trạch	0,99			0,99
42	Đất ở tại nông thôn xã Mỹ Trạch (vùng Cửa Mương thôn 6: 0,50 ha; vùng Buồm thôn 4: 0,50 ha)	Mỹ Trạch	Bố Trạch	1,00			1,00
43	Đất ở tại nông thôn xã Nhân Trạch (các khu vực đất lề thôn Nhân Quang: 0,50 ha; thôn Nhân Quang (KV1): 0,50 ha)	Nhân Trạch	Bố Trạch	1,00			1,00
44	Đất ở tại nông thôn xã Bắc Trạch (thôn 6: 0,50 ha; Hà Luật thôn 1: 0,50 ha)	Bắc Trạch	Bố Trạch	1,00			1,00
45	Đất ở tại nông thôn xã Hải Phú (Khu vực trường tiểu học Tân Lý: 0,50 ha)	Hải Phú	Bố Trạch	0,50			0,50
46	Đất ở tại nông thôn xã Phúc Trạch (thôn 2 Phúc Đồng (4 vị trí): 0,70 ha; thôn 4 Thanh Sen: 0,13 ha)	Phúc Trạch	Bố Trạch	0,83			0,83
47	Đất ở tại nông thôn xã Phú Định (đất ở xen kẽ trong khu dân cư: 0,48 ha; thôn Nam Định (2 khu vực): 0,50 ha)	Phú Định	Bố Trạch	0,98			0,98
48	Đất ở tại nông thôn xã Hòa Trạch - 4 vị trí (thôn Hố: 0,30 ha; thôn Cà: 0,20 ha; thôn Dài: 0,20 ha; thôn Hòa Đồng: 0,23 ha)	Hòa Trạch	Bố Trạch	0,93			0,93
49	Đất ở tại nông thôn xã Tây Trạch (đất ở khu vực trạm y tế: 0,31 ha; Đồng Cồn Chung: 0,50 ha).	Tây Trạch	Bố Trạch	0,81			0,81
50	Đất ở tại nông thôn xã Lý Trạch - 4 vị trí (khu vực Phục Môn: 0,50 ha; khu vực Vừng Chùa: 0,44 ha)	Lý Trạch	Bố Trạch	0,94			0,94
51	Đất ở tại nông thôn xã Sơn Lộc (Khu vực nhà ông Thuận: 0,39 ha); Khu vực nhà ông Tuấn: 0,40 ha; Khu vực trường TH, THCS Sơn Lộc: 0,18 ha)	Sơn Lộc	Bố Trạch	0,97			0,97
52	Khu tái định cư khu vực Đồng Lớn, xã Cự Năm (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021 - 2025)	Cự Năm	Bố Trạch	0,86			0,86
53	Tái định cư (đất lề) tại xã Cự Năm (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021 - 2025)	Cự Năm	Bố Trạch	0,21			0,21
54	Tái định cư (đất lề) tại xã Tây Trạch (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021 - 2025)	Tây Trạch	Bố Trạch	0,07			0,07
55	Tái định cư (đất lề), xã Phú Định (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021 - 2025)	Phú Định	Bố Trạch	0,24			0,24
56	Đất ở đô thị thị trấn Nông Trường Việt Trung (Đất lề xen kẽ trong khu dân cư thị trấn NTVT: 0,47 ha; khu vực TDP Quyết Tiến: 0,5 ha)	TTNT Việt Trung	Bố Trạch	0,97			0,97
57	Đất ở tại đô thị thị trấn Hoàn Lão (Đất lề xen kẽ TK8: 0,50 ha; Phân lô đất ở xã Hoàn Trạch (cũ): 0,50 ha)	Hoàn Lão	Bố Trạch	1,00			1,00
58	Tạo quỹ đất Đồng Vồ Tk9	Hoàn Lão	Bố Trạch	0,50			0,50

STT	Tên công trình, dự án	Vị trí thực hiện dự án		Diện tích đất thực hiện dự án	Trong đó		
		Xã, phường, thị trấn	Thành phố, thị xã, huyện		Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Các loại đất khác
59	Khu tái định cư khu vực Quyết Tiến, thị trấn NTVT (giai đoạn 2) (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021 - 2025)	TTNT Việt Trung	Bố Trạch	1.00			1.00
60	Khu tái định cư (đất lè) thị trấn NTVT (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021 - 2025)	TTNT Việt Trung	Bố Trạch	0.06			0.06
61	Tuyến đường giao thông nối Di tích Bến Phà Xuân Sơn với đường HCM tại thôn Xuân Sơn, thị trấn Phong Nha	Phong Nha	Bố Trạch	0.64			0.64
62	Đường giao thông thôn 10 đi thôn 5 xã Lý Trạch	Lý Trạch	Bố Trạch	0.65			0.65
63	Xây dựng tuyến giao thông kết nối đường Hồ Chí Minh vào Trung tâm thị trấn Nông Trường Việt Trung	TTNT Việt Trung	Bố Trạch	1.93			1.93
64	Xây dựng tuyến đường giao thông từ xã Phúc Trạch đi các xã Lâm Trạch và Liên Trạch, huyện Bố Trạch	Phúc Trạch, Liên Trạch	Bố Trạch	3.07			3.07
65	Đường từ đường HCM đi Khe Tre	Phú Định	Bố Trạch	1.06			1.06
66	Đường giao thông từ thôn 2 xã Mỹ Trạch đi xã Hạ Trạch	Mỹ Trạch	Bố Trạch	0.63			0.63
67	Cải tạo, nâng cấp đoạn Vinh - Nha Trang, tuyến đường sắt Hà Nội - Thành phố Hồ Chí Minh	xã Liên Trạch	Bố Trạch	2.43			2.43
68	Đường giao thông nội bản Cà Ròng 1	Thượng Trạch	Bố Trạch	0.24			0.24
69	Tuyến Mương thoát lũ, đường và kè khu vực Đồng Láng, xã Hải Phú, huyện Bố Trạch	Hải Phú	Bố Trạch	0.82			0.82
70	Công trình nước sinh hoạt tập trung Bản 39	Tân Trạch	Bố Trạch	0.05			0.05
71	Tôn tạo, nâng cấp Khu Di tích lịch sử Thanh niên xung phong Xuân Sơn	Phong Nha	Bố Trạch	3.67			3.67
72	Xây dựng mới Nhà văn hóa thôn 2	Đồng Trạch	Bố Trạch	0.11			0.11
73	Xây dựng mới Nhà văn hóa thôn 3	Đồng Trạch	Bố Trạch	0.06			0.06
74	Xây dựng mới Nhà văn hóa thôn 4	Đồng Trạch	Bố Trạch	0.18			0.18
75	Xây dựng nhà tránh lũ cộng đồng tại xã Hưng Trạch (thuộc dự án Xây dựng 3 nhà tránh lũ cộng đồng tại 3 xã Hưng Trạch, Phúc Trạch và Liên Trạch)	Hưng Trạch	Bố Trạch	0.07			0.07
76	Mở rộng nhà văn hóa thôn Hà Môn, xã Cự Năm (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021 - 2025)	Cự Năm	Bố Trạch	0.08			0.08
77	Mở rộng trường TH số 3 Cự Năm (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021 - 2025)	Cự Năm	Bố Trạch	0.19			0.19
78	Chợ biên giới xã Thượng Trạch	Thượng Trạch	Bố Trạch	0.49			0.49

STT	Tên công trình, dự án	Vị trí thực hiện dự án		Diện tích đất thực hiện dự án	Trong đó		
		Xã, phường, thị trấn	Thành phố, thị xã, huyện		Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Các loại đất khác
VI	Thành phố Đồng Hới			68.34			68.34
79	Điều chỉnh quy hoạch chi tiết, trích đo địa chính phân lô đất ở khu vực thôn 10 Hữu Cung; Trích đo, cắm mốc phân lô đất ở các lô đất lẻ khu vực thôn 9, thôn 10 Hữu Cung, thôn 7 Phú Xá, thôn 3 Lộc Đại	Lộc Ninh	Đồng Hới	0.36			0.36
80	Hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư công trình Cầu Nhật Lệ 3 và đường 2 đầu cầu tại xã Bảo Ninh	Bảo Ninh	Đồng Hới	3.18			3.18
81	Khu đô thị Bảo Ninh 10	Bảo Ninh	Đồng Hới	42.40			42.40
82	Xây dựng kho vật chứng Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đồng Hới	Nam Lý	Đồng Hới	0.04			0.04
83	Cụm Công nghiệp Lộc Ninh	Lộc Ninh	Đồng Hới	12.00			12.00
84	Đầu tư xây dựng đường Trần Nhật Duật	Đức Ninh	Đồng Hới	0.76			0.76
85	Đầu tư xây dựng đường nối từ đường Hồ Chí Minh vào làng nghề Thuận Đức	Thuận Đức	Đồng Hới	0.30			0.30
86	Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Thuận Phong	Thuận Đức	Đồng Hới	0.09			0.09
87	Xây dựng nhà văn hóa thôn 5	Lộc Ninh	Đồng Hới	0.27			0.27
88	Nhà văn hóa tổ dân phố 4	Nam Lý	Đồng Hới	0.11			0.11
89	Sân vận động phường Bắc Nghĩa	Bắc Nghĩa	Đồng Hới	1.18			1.18
90	Mở rộng nghĩa trang nhân dân xã Thuận Đức	Thuận Đức	Đồng Hới	4.80			4.80
91	Công viên hồ sen (phía sau trường chuyên Võ Nguyên Giáp)	Nam Lý	Đồng Hới	2.60			2.60
92	Xây dựng khu vui chơi cộng đồng tổ dân phố 9	Nam Lý	Đồng Hới	0.11			0.11
93	Xây dựng khu vực công viên cây xanh trước nghĩa trang Nam Lý	Nam Lý	Đồng Hới	0.14			0.14
VII	Huyện Quảng Ninh			46.36			46.36
94	Phát triển quỹ đất ở tại thôn Dinh Mười, xã Gia Ninh (Lô C thuộc đồ án QH khu nhà ở thương mại tại thôn Dinh Mười III)	Gia Ninh	Quảng Ninh	0.27			0.27
95	Phát triển quỹ đất ở tại thôn Dinh Mười, xã Gia Ninh (Lô F thuộc đồ án QH khu nhà ở thương mại tại thôn Dinh Mười III)	Gia Ninh	Quảng Ninh	0.28			0.28
96	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư và dân cư (Lô 1.DCM-27) Dinh Mười, huyện Quảng Ninh	Gia Ninh	Quảng Ninh	2.95			2.95
97	Phát triển quỹ đất ở tại thôn Long Đại và thôn Bắc Cổ Hiền, xã Hiền Ninh	Hiền Ninh	Quảng Ninh	0.36			0.36
98	Phát triển quỹ đất ở tại thôn Long Đại, xã Hiền Ninh	Hiền Ninh	Quảng Ninh	0.40			0.40
99	Phát triển quỹ đất ở tại thôn Tây Cổ Hiền, xã Hiền Ninh	Hiền Ninh	Quảng Ninh	0.46			0.46
100	Phát triển quỹ đất xen kẽ trong khu dân cư xã Tân Ninh	Tân Ninh	Quảng Ninh	0.14			0.14
101	Phát triển quỹ đất ở tại thôn Long Sơn xã Trường Sơn	Trường Sơn	Quảng Ninh	0.06			0.06

STT	Tên công trình, dự án	Vị trí thực hiện dự án		Diện tích đất thực hiện dự án	Trong đó		
		Xã, phường, thị trấn	Thành phố, thị xã, huyện		Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Các loại đất khác
102	Phát triển quỹ đất ở tại thôn Tân Sơn xã Trường Sơn	Trường Sơn	Quảng Ninh	0.48			0.48
103	Phát triển quỹ đất ở tại thôn Khe Cát xã Trường Sơn	Trường Sơn	Quảng Ninh	0.49			0.49
104	Xây dựng Hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư và dân cư phía Tây Bắc Bàu Lái huyện Quảng Ninh	Quán Hàu	Quảng Ninh	3.70			3.70
105	Hạ tầng kỹ thuật tuyến đường Gia Ninh - Hải Ninh	Gia Ninh, Hải Ninh	Quảng Ninh	6.96			6.96
106	Hạ tầng kỹ thuật tuyến Đường D1 Đô thị Dinh Mười	Gia Ninh, Võ Ninh	Quảng Ninh	5.05			5.05
107	Hạ tầng kỹ thuật đường D3 khu đô thị Dinh Mười	Gia Ninh, Võ Ninh	Quảng Ninh	4.47			4.47
108	Hạ tầng kỹ thuật đường D4 khu đô thị Dinh Mười	Gia Ninh	Quảng Ninh	2.40			2.40
109	Tuyến đường kết nối từ đường liên thôn Tân Định - Cửa Thôn đi đường ven biển	Hải Ninh	Quảng Ninh	0.44			0.44
110	Đầu nối, lắp đặt hệ thống cấp nước sạch cho thôn Phúc Sơn, Áng Sơn và Xuân Sơn xã Vạn Ninh	Vạn Ninh	Quảng Ninh	0.83			0.83
111	Xây dựng khuôn viên khu tượng đài tưởng niệm tại xã Võ Ninh	Võ Ninh	Quảng Ninh	0.31			0.31
112	Mở rộng điểm trường Trung tâm, Trường Mầm Non Vạn Ninh	Vạn Ninh	Quảng Ninh	0.50			0.50
113	Nghĩa trang nhân dân xã Hải Ninh	Hải Ninh	Quảng Ninh	15.11			15.11
114	Nhà văn hóa tổ dân phố Trung Trinh	Quán Hàu	Quảng Ninh	0.32			0.32
115	Xây dựng công viên cây xanh thôn Lương Yên	Lương Ninh	Quảng Ninh	0.38			0.38
VIII	Huyện Lệ Thủy			27.18			27.18
116	Dự án quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư xã Lâm Thủy	Lâm Thủy	Lệ Thủy	3.53			3.53
117	Dự án quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư xã Ngân Thủy	Ngân Thủy	Lệ Thủy	3.71			3.71
118	Đất ở tại nông thôn xã Ngư Thủy	Ngư Thủy	Lệ Thủy	0.49			0.49
119	Tái định cư phân tán tại xã Ngư Thủy (phục vụ giải phóng mặt bằng Đường ven biển và cầu Nhật Lệ 3)	Ngư Thủy	Lệ Thủy	1.73			1.73
120	Tái định cư phân tán tại xã Ngư Thủy Bắc (phục vụ giải phóng mặt bằng Đường ven biển và cầu Nhật Lệ 3)	Ngư Thủy Bắc	Lệ Thủy	1.03			1.03
121	Đất ở tại nông thôn xã Sen Thủy (Xóm Phường: 0,07 ha, thôn Nồm Bớc:0,42 ha, thôn Trầm Kỳ: 0,48 ha)	Sen Thủy	Lệ Thủy	0.97			0.97
122	Đất ở tại nông thôn xã Thái Thủy (thôn Bắc Thái: 0,09 ha, thôn Nam Thái: 0,16 ha)	Thái Thủy	Lệ Thủy	0.25			0.25
123	Xây dựng tuyến đường giao thông liên xã từ Kim Thủy đi xã Ngân Thủy	Kim Thủy	Lệ Thủy	12.40			12.40

STT	Tên công trình, dự án	Vị trí thực hiện dự án		Diện tích đất thực hiện dự án	Trong đó		
		Xã, phường, thị trấn	Thành phố, thị xã, huyện		Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Các loại đất khác
124	Sửa chữa, nâng cao an toàn đập (WB8): Nâng cao khả năng chống lũ hồ chứa nước An Mã huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình	Trường Thủy	Lệ Thủy	0.25			0.25
125	Xây dựng Khe Luốc và Kè Tam Hương	Phú Thủy	Lệ Thủy	0.50			0.50
126	Trạm y tế xã Ngư Thủy	Ngư Thủy	Lệ Thủy	0.30			0.30
127	Mở rộng Trường Mầm non xã Hồng Thủy	Hồng Thủy	Lệ Thủy	0.26			0.26
128	Trụ sở UBND xã Ngư Thủy	Ngư Thủy	Lệ Thủy	1.76			1.76
Tổng cộng (A+B): 214 dự án				569.58	90.96	3.48	475.14

Ghi chú: 214 dự án không có diện tích đất rừng đặc dụng

Phụ lục 2
BỔ SUNG DANH MỤC DỰ ÁN CHUYÊN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA
(không thuộc trường hợp thu hồi đất theo khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai 2013)

(Kèm theo Nghị quyết số: /NQ-HĐND ngày tháng năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình)

Đơn vị tính: ha

STT	Tên công trình, dự án	Vị trí thực hiện dự án		Diện tích đất thực hiện dự án	Trong đó		
		Xã, phường, thị trấn	Thành phố, thị xã, huyện		Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Các loại đất khác
1	Khu dịch vụ tổng hợp Tiến Đạt	Quảng Thuận	Ba Đồn	0.30	0.27		0.03
2	Xây dựng Khu thương mại dịch vụ tổng hợp Hoàng Huy	Quảng Lộc	Ba Đồn	0.43	0.43		
3	Trụ sở công an xã Mỹ Trạch	Mỹ Trạch	Bố Trạch	0.33	0.33		
4	Văn phòng trưng bày và giới thiệu sản phẩm vật liệu xây dựng của Công ty TNHH Hương Hạnh	Đại Trạch	Bố Trạch	0.83	0.81		0.02
5	Trung tâm dịch vụ Tập đoàn Đức Thành	Đại Trạch	Bố Trạch	0.46	0.46		
6	Khu nghỉ dưỡng Sao Mai của Công ty TNHH Xây dựng Hoàng Tuấn	Phong Nha	Bố Trạch	1.51	1.05		0.46
7	Cửa hàng xăng dầu và dịch vụ tổng hợp Lộc Ninh	Lộc Ninh	Đồng Hới	0.49	0.29		0.20
8	Bãi tập kết vật liệu Lương Ninh	Quán Hàu	Quảng Ninh	0.16	0.15		0.01
9	Khu kinh doanh vật liệu xây dựng - cà phê giải khát Xuân Giang	Kiến Giang	Lệ Thủy	0.19	0.16		0.03
10	Trung tâm cung ứng vật liệu xây dựng và gara ô tô tại thị trấn Nông trường Lệ Ninh	TTNT Lệ Ninh	Lệ Thủy	0.55	0.55		
Tổng cộng: 10 dự án				5.25	4.50		0.75
Ghi chú: 10 dự án không có diện tích đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng							

Phụ lục 3

ĐIỀU CHỈNH DANH MỤC DỰ ÁN THU HỒI ĐẤT, CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG BÌNH

(Kèm theo Nghị quyết số: /NQ-HĐND ngày tháng năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình)

Đơn vị tính: ha

STT	Tên công trình, dự án	Vị trí thực hiện dự án		Diện tích đất thực hiện dự án	Trong đó				
		Xã, phường, thị trấn	Thành phố, thị xã, huyện		Đất trồng lúa (LUA)	Đất rừng phòng hộ (RPH)	Các loại đất khác		
I	Điều chỉnh 09 dự án đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 173/NQ-HĐND ngày 02/4/2021	Đã phê duyệt		82.38	11.76	1.34	69.28		
		Nay điều chỉnh		87.89	12.79	1.34	73.76		
1	Nâng cấp, sửa chữa chợ Hóa Tiến (Giai đoạn 1)	Đã phê duyệt		Hóa Tiến	Minh Hóa	0.76		0.76	
	Xây dựng chợ Hóa Tiến (Giai đoạn 1)	Nay điều chỉnh		Hóa Tiến	Minh Hóa	1.04		1.04	
2	Nâng cấp sửa chữa khăn cấp đập hồ Khe Chù, xã Cảnh Hóa, huyện Quảng Trạch	Đã phê duyệt		Cảnh Hóa	Quảng Trạch	0.70		0.70	
		Nay điều chỉnh		Cảnh Hóa	Quảng Trạch	1.37	0.01	1.36	
3	Khu thương mại dịch vụ tổng hợp Hòn La	Đã phê duyệt		Quảng Đông	Quảng Trạch	2.20	1.20	1.00	
		Nay điều chỉnh		Quảng Đông	Quảng Trạch	2.21	2.06	0.15	
4	Khu đô thị Lý Nhân	Đã phê duyệt		Đại Trạch	Bố Trạch	19.06		19.06	
	Khu đô thị phía Đông thôn Lý Nhân					19.06		19.06	
	Khu đô thị mới Lý Nhân, huyện Bố Trạch	Nay điều chỉnh		Đại Trạch	Bố Trạch	38.75		38.75	
5	Tuyến đường liên thị trấn Hoàn Lão (xã Hoàn Trạch cũ) - Phú Định	Đã phê duyệt		Tây Trạch, Vạn Trạch	Bố Trạch	3.00	0.20	2.80	
		Nay điều chỉnh		Tây Trạch, Vạn Trạch, Phú Định	Bố Trạch	4.09		4.09	
6	Đường từ Lộc Ninh đi khu công nghiệp Tây Bắc Đồng Hới	Đã phê duyệt		Lộc Ninh, Quang Phú	Đồng Hới	16.42	7.83	1.34	7.25
		Nay điều chỉnh		Lộc Ninh, Quang Phú	Đồng Hới	16.71	7.83	1.34	7.54
7	Trung tâm kinh doanh dịch vụ tổng hợp Tiên Phong của Công ty TNHH XDTH Tiên Phong	Đã phê duyệt		Quảng Phong	Ba Đồn	0.48	0.40	0.08	
		Nay điều chỉnh		Quảng Phong	Ba Đồn	0.64	0.57	0.07	
8	Bến xe phía Tây kết hợp kinh doanh dịch vụ tổng hợp Ba Đồn	Đã phê duyệt		Quảng Phong	Ba Đồn	2.70	2.13	0.57	
		Nay điều chỉnh		Quảng Phong	Ba Đồn	2.68	2.32	0.36	
9	Dự án Khu đô thị Bảo Ninh 8	Đã phê duyệt		Bảo Ninh	Đồng Hới	18.00		18.00	
		Nay điều chỉnh		Bảo Ninh	Đồng Hới	20.40		20.40	
II	Điều chỉnh 01 dự án đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 178/NQ-HĐND ngày 28/4/2021	Đã phê duyệt				2.00		2.00	
		Nay điều chỉnh				1.56		1.56	
1	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đất ở và tái định cư thuộc quy hoạch đô thị Đinh Mười	Đã phê duyệt		Gia Ninh	Quảng Ninh	2.00		2.00	
		Nay điều chỉnh		Gia Ninh, Võ Ninh	Quảng Ninh	1.56		1.56	

STT	Tên công trình, dự án	Vị trí thực hiện dự án		Diện tích đất thực hiện dự án	Trong đó		
		Xã, phường, thị trấn	Thành phố, thị xã, huyện		Đất trồng lúa (LUA)	Đất rừng phòng hộ (RPH)	Các loại đất khác
III	Điều chỉnh 03 dự án đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 13/8/2021	Đã phê duyệt		6.66	0.02		6.64
		Nay điều chỉnh		8.25	0.19		8.06
1	Hạ tầng kỹ thuật nối quy hoạch khu vực phía Đông ngã ba thị trấn Hoàn Lão ra biển Trung Trạch	Đã phê duyệt	Trung Trạch	Bố Trạch	5.99	0.02	5.97
		Nay điều chỉnh	Trung Trạch	Bố Trạch	5.99	0.13	5.86
2	Đường giao thông nội thị tại thị trấn Hoàn Lão	Đã phê duyệt	Hoàn Lão	Bố Trạch	0.55		0.55
		Nay điều chỉnh	Hoàn Lão	Bố Trạch	1.47	0.06	1.41
3	Xây dựng, nâng cấp các tuyến đường giao thông và hệ thống hạ tầng khu vực trung tâm thành phố Đồng Hới	Đã phê duyệt	Đồng Sơn, Nam Lý	Đồng Hới	0.12		0.12
		Nay điều chỉnh	Đồng Sơn, Nam Lý	Đồng Hới	0.79		0.79
IV	Điều chỉnh 09 dự án đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 46/NQ-HĐND ngày 10/12/2021	Đã phê duyệt		26.86	7.26		19.60
		Nay điều chỉnh		32.62	5.06		27.56
1	Hạ tầng kỹ thuật khu ở mới thôn Tiên Xuân, xã Quảng Tiên (Giai đoạn 1)	Đã phê duyệt	Quảng Tiên	Ba Đồn	3.04		3.04
		Nay điều chỉnh	Quảng Tiên	Ba Đồn	2.44	0.39	2.05
2	Cửa hàng xăng dầu và các dịch vụ kèm theo của Công ty TNHH TM&XD Minh Hiếu	Đã phê duyệt	Quảng Hòa	Ba Đồn	0.25	0.21	0.04
		Nay điều chỉnh	Quảng Hòa	Ba Đồn	0.25	0.23	0.02
3	Đường giao thông trung tâm xã Vạn Trạch	Đã phê duyệt	Vạn Trạch	Bố Trạch	1.29	0.03	1.26
		Nay điều chỉnh	Vạn Trạch	Bố Trạch	1.25	0.05	1.20
4	Mở rộng khuôn viên Nhà thờ Giáo họ Hội Nghĩa	Đã phê duyệt	Phong Nha	Bố Trạch	0.67	0.35	0.32
		Nay điều chỉnh	Phong Nha	Bố Trạch	0.69	0.38	0.31
5	Đường từ nhánh Đông đường Hồ Chí Minh vào khu du lịch sinh thái Trầm Mế (giai đoạn 2)	Đã phê duyệt	Phúc Trạch	Bố Trạch	1.50	0.50	1.00
		Nay điều chỉnh	Phong Nha, Phúc Trạch	Bố Trạch	2.72	0.01	2.71
6	Sửa chữa, nâng cấp hồ Bàu Trạng xã Cự Năm	Đã phê duyệt	Cự Năm	Bố Trạch	1.68		1.68
		Nay điều chỉnh	Cự Năm	Bố Trạch	1.35	0.01	1.34
7	Cơ sở doanh trại Phòng cảnh sát cơ động và Kho bãi tạm giữ phương tiện giao thông thuộc Công an tỉnh Quảng Bình	Đã phê duyệt	Lộc Ninh	Thành phố Đồng Hới	3.11	2.90	0.21
		Nay điều chỉnh	Lộc Ninh	Thành phố Đồng Hới	3.13	2.07	1.06
8	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư thôn Nam Cổ Hiền, xã Hiền Ninh (giai đoạn 1)	Đã phê duyệt	Hiền Ninh	Quảng Ninh	1.60	1.30	0.30
		Nay điều chỉnh	Hiền Ninh	Quảng Ninh	1.63	1.39	0.24
9	Tuyến đường chính khu đô thị Dinh Mười và vùng phụ cận huyện Quảng Ninh	Đã phê duyệt	Võ Ninh	Quảng Ninh	13.72	1.97	11.75
		Nay điều chỉnh	Gia Ninh, Võ Ninh	Quảng Ninh	19.16	0.53	18.63

STT	Tên công trình, dự án	Vị trí thực hiện dự án		Diện tích đất thực hiện dự án	Trong đó		
		Xã, phường, thị trấn	Thành phố, thị xã, huyện		Đất trồng lúa (LUA)	Đất rừng phòng hộ (RPH)	Các loại đất khác
V	Điều chỉnh 21 dự án đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 27/5/2022	Đã phê duyệt		60.15	25.91		34.24
		Nay điều chỉnh		50.72	20.11		30.61
1	Trạm y tế xã Quảng Hải (phục vụ GPMB dự án đường bộ cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021 - 2025)	Đã phê duyệt	Quảng Hải	Ba Đồn	0.12		0.12
		Nay điều chỉnh	Quảng Hải	Ba Đồn	0.16		0.16
2	Trường Mầm non xã Quảng Hải (phục vụ GPMB dự án đường bộ cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Đã phê duyệt	Quảng Hải	Ba Đồn	0.30	0.30	
		Nay điều chỉnh	Quảng Hải	Ba Đồn	0.38	0.01	0.37
3	Trường TH-THCS tại xã Quảng Hải (phục vụ GPMB dự án đường bộ cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021 - 2025)	Đã phê duyệt	Quảng Hải	Ba Đồn	0.27	0.27	
		Nay điều chỉnh	Quảng Hải	Ba Đồn	1.24	0.41	0.83
4	Sân thể thao xã Quảng Hải (phục vụ GPMB dự án đường bộ cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021 - 2025)	Đã phê duyệt	Quảng Hải	Ba Đồn	0.58	0.58	
		Nay điều chỉnh	Quảng Hải	Ba Đồn	0.74	0.52	0.22
5	Chợ Quảng Hải (phục vụ GPMB dự án đường bộ cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021 - 2025)	Đã phê duyệt	Quảng Hải	Ba Đồn	0.36		0.36
		Nay điều chỉnh	Quảng Hải	Ba Đồn	0.51	0.03	0.48
6	Khu tái định cư cho 23 hộ gia đình, cá nhân bị ảnh hưởng (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Đã phê duyệt	Quảng Lộc	Ba Đồn	1.71	1.00	0.71
		Nay điều chỉnh	Quảng Lộc	Ba Đồn	2.46	2.15	0.31
7	Khu tái định cư cho 05 hộ gia đình, cá nhân phải di dời (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Đã phê duyệt	Quảng Sơn	Ba Đồn	0.49	0.42	0.07
		Nay điều chỉnh	Quảng Sơn	Ba Đồn	0.59	0.55	0.04
8	Khu tái định cư và khu dân cư (phục vụ giải phóng mặt bằng Đường ven biển và cầu Nhật Lệ 3)	Đã phê duyệt	Quảng Phúc	Ba Đồn	10.10	8.22	1.88
		Nay điều chỉnh	Quảng Phúc	Ba Đồn	0.97	0.85	0.12
9	Khu tái định cư và khu dân cư (phục vụ giải phóng mặt bằng Đường ven biển và cầu Nhật Lệ 3)	Đã phê duyệt	Quảng Thuận	Ba Đồn	4.80		4.80
		Nay điều chỉnh	Quảng Thuận	Ba Đồn	0.90		0.90
10	Trụ sở UBND xã Quảng Hải (phục vụ GPMB dự án đường bộ cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021 - 2025)	Đã phê duyệt	Quảng Hải	Ba Đồn	0.60	0.60	
		Nay điều chỉnh	Quảng Hải	Ba Đồn	0.72	0.62	0.10
11	Khu tái định cư khu vực thôn Tây Năm, xã Cự Năm (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021 - 2025)	Đã phê duyệt	Cự Năm	Bố Trạch	0.40	0.40	
		Nay điều chỉnh	Cự Năm	Bố Trạch	1.09	0.67	0.42
12	Khu tái định cư khu vực Hữu Nghị (phục vụ GPMB dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Đã phê duyệt	TTNT Việt Trung	Bố Trạch	1.84		1.84
		Nay điều chỉnh	TTNT Việt Trung	Bố Trạch	1.84	0.04	1.80

STT	Tên công trình, dự án		Vị trí thực hiện dự án		Diện tích đất thực hiện dự án	Trong đó		
			Xã, phường, thị trấn	Thành phố, thị xã, huyện		Đất trồng lúa (LUA)	Đất rừng phòng hộ (RPH)	Các loại đất khác
13	Khu tái định cư khu vực thôn Tân Hội xã Liên Trạch (phục vụ GPMB dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Đã phê duyệt	Liên Trạch	Bố Trạch	1.01			1.01
		Nay điều chỉnh	Liên Trạch	Bố Trạch	1.01	0.80		0.21
14	Khu tái định cư khu vực phía Nam đồn Biên phòng Lý Hòa (Phục vụ giải phóng mặt bằng đường ven biển và Cầu Nhật Lệ 3)	Đã phê duyệt	Đức Trạch	Bố Trạch	2.00			2.00
		Nay điều chỉnh	Đức Trạch	Bố Trạch	5.14			5.14
15	Đường liên xã Hạ Trạch - Mỹ Trạch (đoạn giữa đồng)	Đã phê duyệt	Hạ Trạch, Mỹ Trạch	Bố Trạch	0.42	0.21		0.21
		Nay điều chỉnh	Hạ Trạch, Mỹ Trạch	Bố Trạch	0.84	0.23		0.61
16	Trường mầm non Cự Năm (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Đã phê duyệt	Cự Năm	Bố Trạch	0.39	0.37		0.02
		Nay điều chỉnh	Cự Năm	Bố Trạch	0.74	0.53		0.21
17	Khu tái định cư khu vực thôn Hà Môn, xã Cự Năm (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Đã phê duyệt	Cự Năm	Bố Trạch	0.76	0.27		0.49
		Nay điều chỉnh	Cự Năm	Bố Trạch	0.82	0.35		0.47
18	Nhà thi đấu đa năng huyện Lệ Thủy	Đã phê duyệt	Kiến Giang	Lệ Thủy	3.80	2.70		1.10
	Xây dựng Trung tâm thể dục thể thao huyện Lệ Thủy	Nay điều chỉnh	Kiến Giang	Lệ Thủy	3.80	2.70		1.10
19	Nâng cấp tuyến đường từ đường tránh Quốc lộ 1A đến Đồn Biên phòng Ngự Thủy và đến xã Ngự Thủy, huyện Lệ Thủy	Đã phê duyệt	Hung Thủy, Ngự Thủy	Lệ Thủy	12.07			12.07
		Nay điều chỉnh	Hung Thủy, Ngự Thủy, Ngự Thủy Bắc	Lệ Thủy	12.07			12.07
20	Khu tái định cư tại TT NT Lệ Ninh (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025) (Khu vực 1)	Đã phê duyệt	TTNT Lệ Ninh	Lệ Thủy	1.38			1.38
	Khu tái định cư tại TT NT Lệ Ninh (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025) (Khu vực 2)				1.00	0.97		0.03
	Khu tái định cư tại TT NT Lệ Ninh (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025) (Khu vực 3)				0.70			0.70
	Khu tái định cư thị trấn Nông trường Lệ Ninh (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Nay điều chỉnh	TTNT Lệ Ninh	Lệ Thủy	4.90	3.21		1.69
21	Khu tái định cư tại xã Phú Thủy (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025) (Khu vực 1)	Đã phê duyệt	Phú Thủy	Lệ Thủy	4.30			4.30
	Khu tái định cư tại xã Phú Thủy (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025) (Khu vực 2)				2.12	2.07		0.05
	Khu tái định cư tại xã Phú Thủy (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025) (Khu vực 3)				8.63	7.53		1.10
	Khu tái định cư xã Phú Thủy (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Nay điều chỉnh	Phú Thủy	Lệ Thủy	9.80	6.44		3.36

STT	Tên công trình, dự án	Vị trí thực hiện dự án		Diện tích đất thực hiện dự án	Trong đó		
		Xã, phường, thị trấn	Thành phố, thị xã, huyện		Đất trồng lúa (LUA)	Đất rừng phòng hộ (RPH)	Các loại đất khác
VI	Điều chỉnh 03 dự án đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 79/NQ-HĐND ngày 09/9/2022	Đã phê duyệt		5.23	2.67	-	2.56
		Nay điều chỉnh		5.42	0.45		4.97
1	Xây dựng hệ thống đường giao thông các xã Hàm Ninh, Võ Ninh, Duy Ninh	Đã phê duyệt	Hàm Ninh, Võ Ninh, Duy Ninh	Quảng Ninh	5.00	2.50	2.50
		Nay điều chỉnh	Hàm Ninh, Võ Ninh, Duy Ninh	Quảng Ninh	5.16	0.35	4.81
2	Đường nối từ nhà văn hóa thôn Rào Đá đi khu di tích núi Thần Đinh	Đã phê duyệt	Trường Xuân	Quảng Ninh	0.21	0.16	0.05
		Nay điều chỉnh	Trường Xuân	Quảng Ninh	0.22	0.10	0.12
3	Di dời đường dây thông tin (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Đã phê duyệt	Xuân Ninh, Vạn Ninh	Quảng Ninh	0.02	0.01	0.01
		Nay điều chỉnh	Vĩnh Ninh, Hiền Ninh, Xuân Ninh, An Ninh, Vạn Ninh	Quảng Ninh	0.04		0.04
Tổng cộng (I+II+III+IV+V+VI): 46 Dự án				Đã phê duyệt	183.28	47.62	134.32
				Nay điều chỉnh	186.46	38.60	146.52

Ghi chú: 46 dự án điều chỉnh không có đất rừng đặc dụng.